

PHÁP THỰC HÀNH LỤC ĐỘ MẪU TARA

Mật Giáo
Nhóm Longchenpa

MỤC LỤC

Lời nói đầu-----	3
Toát yếu thánh tích của thánh cứu độ Phật mẫu. -----	5
Hồng danh Tara bồ tát-----	11
Kinh lễ tán 21 thánh cứu độ Phật mẫu-----	18
Quán tự tại bồ tát tùy tâm chú kinh-----	26
Quán tự tại bồ tát đất phộc đa lị tùy tâm đà la ni kinh -----	51
Phật thuyết Tara bồ tát kinh -----	56
Thánh Tara bồ tát 108 danh đà la ni kinh -----	65
Kim cương đỉnh kinh Tara bồ tát niệm tụng pháp-----	73
Pháp tu trì “ Thánh cứu độ Phật mẫu”-----	87
Lục độ mẫu chú tự luân đồ-----	91
Pháp hành trì lục độ mẫu theo Phật giáo Tây tạng -----	103
Phụ Chú -----	183
Cúng dường lửa. -----	191

Lời nói đầu



Thánh cứu độ Tara là một biểu tượng thiện xảo phát nguyện cứu vớt chúng sanh không dư sót nên còn gọi là Nguyện Tát Đỏa (Samaya Sattva). Tara biến từ cánh tay trái của Đức Phật A Di Đà. Lokeshvara (Quán Tự Tại) với lòng bi mẫn thương xót chúng sanh nên gọi là Bi Tát Đỏa (Karuna Sattva) hóa hiện từ cánh tay phải của Đức Phật A Di Đà. Đại Sĩ Liên Hoa Sanh biến từ trái tim của Đức Phật A Di Đà, biểu tượng cho Trí Tát Đỏa (Jnana Sattva). Ba vị này là biểu tượng Ba Thân của Phật A Di Đà, biểu tượng cho Bi, Trí, Nguyện làm nền tảng của hành giả bước vào Kim Cương Thừa, cho nên các vị này là nơi nương tựa, là cứu cánh giải thoát rốt ráo, là Bồ Đề Tâm viên mãn để tất cả các hành giả Mật giáo noi theo đó phát nguyện, tích lũy công đức để đạt trí tuệ giải thoát rốt ráo cứu độ chúng sanh bằng những phương tiện thiện xảo.

Thánh Cứu Độ Tara là một pháp tu lợi ích, giúp chúng sanh tránh được bát nạn và được vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Nội dung của quyển sách này không ngoài mục đích giúp các hành giả Kim Cương Thừa hòa nhập vào tâm nguyện của Bốn Tôn Tara để trở về tự tánh của chính mình và phát hiện Tara vốn sẵn có trong tự tánh nguyên thủy.

Pháp hành Tara Lục Độ Mẫu trong quyển sách này Tổng Nhiếp 21 Hóa Thân Độ Mẫu theo kinh điển của dòng Cổ Mật (Nyingma) Mũ Đỏ, khác với pháp hành của dòng Sakya chọn Hồng Độ Mẫu làm Tổng Nhiếp Độ Mẫu hoặc Bạch Độ Mẫu làm Tara Tổng Nhiếp trong dòng Gelugpa Mũ Vàng.

Nguyện công đức biên soạn và phiên dịch pháp hành này hướng về chúng sanh trong sáu cõi phát sinh chánh tín, chánh kiến, theo gương Đức Tara hành lục độ Ba La Mật đạt công đức viên mãn và giải thoát.

Soạn giả chân thành cảm tạ dịch giả Huyền Thanh đã cung cấp một số tài liệu Mật tông để tham khảo, cùng cảm tạ các bậc Thiện tri thức, các vị cao minh giúp đỡ và chỉ giáo thêm để lần tái bản sau được hoàn hảo.

Nếu có bất kỳ sai sót, lỗi lầm nào trong quá trình biên soạn và phiên dịch, ngưỡng mong chư Phật, Bồ Tát tha thứ cho con, và quý độc giả rộng lòng hoan hỷ.

HỒNG NHẬT

TOÁT YẾU THÁNH TÍCH CỦA THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU.

Vô lượng kiếp về trước, có thế giới tên là TỰ QUANG. Bấy giờ trong Thế Giới ấy có Đức Phật ra đời hiệu là CỔ ÂM NHƯ LAI. Vị vua nước đó có một cô con gái tên là BÁT NHÃ NGUYỆT, cô sinh ra đã có Tuệ Căn kính lễ Tam Bảo. Thời ấy, mạng sống của con người rất dài. Bát Nhã Nguyệt cung kính các Đệ Tử của Đức Phật, nàng chí tâm cúng dường tất cả vật dụng cần thiết đến 1008000 năm, lại dùng 600 dặm trân châu anh lạc cúng dường Bạc Thượng Toạ. Các Tỳ kheo đồng thanh ca ngợi rằng: “Người! Đời này quyết định được Chính quả. Nếu chí thành phát nguyện ắt thành tựu như nguyện”.

Bát Nhã Nguyệt nói rằng: “Lúc này, trong ý thức của tôi không có nam, không có nữ, không có ta, không có người, không có biết, không có thấy, không có tên nam nữ. Phạm tướng nghiệp của Thế Gian đều do tâm này vọng chấp mà có. Xem lại, người dùng thân nam tu Đạo Bồ Đề thì rất nhiều, còn dùng thân nữ tu Đạo Bồ Đề thì rất ít. Tôi nguyện: Từ thế giới này cho đến khi thế giới tận, hư không giới tận, Tôi dùng thân nữ độ chúng sinh.”

Bát Nhã Nguyệt phát nguyện đó xong, liền ngồi mà quán các Căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý cho đến lúc được Tâm khai, chứng nhập Vô Sinh Pháp Nhân, thành PHẬT MẪU độ tất cả hữu tình. Thành Đạo xong, mỗi buổi sáng sớm, phát Tâm Bồ Đề độ trăm vạn chúng sinh, nếu chẳng được như vậy thì chẳng ăn sáng. Sau giờ Ngọ cũng thế cho nên thành ĐỘ MẪU, danh xưng lan rộng khắp 10 phương thế giới. Đức Phật thọ ký rằng: “Vị Độ Mẫu này khi chưa thành Phật quyết không thoái chuyển”.

Lại ở trước mặt Đức Phật BẤT KHÔNG THÀNH TỰU phát nguyện rằng: “Nguyện hộ trì cho tất cả chúng sinh bị tội khổ trong 10 phương thế giới”. Liền giảng phục tất cả Ma xong, bình đẳng nhập Định mà ngồi. Từ đây trong 95 Đại kiếp, mỗi ngày có vạn vạn số hữu tình đều được ban cho sự an vui thanh tịnh. Cho nên gọi là Độ Mẫu, lại xưng là Năng Mẫu, Tốc Mẫu, Dũng Tướng Mẫu vì hay không có sự sợ hãi,

Chín kiếp về quá khứ ở thế giới Cực Lạc có vị tỳ kheo VÔ THƯỢNG QUANG CHIẾU được 10 phương chư Phật Đại bi quán đảnh. Vị tỳ kheo này thọ quán đảnh xong liền thành ĐẠI BI QUÁN ÂM. Lại nhờ ánh sáng quang minh trí tuệ của Ngũ Phương Phật (ND: Trung ương TỶ LÔ GIÁ NA PHẬT, Đông phương BẤT ĐỘNG PHẬT, Nam phương BẢO SINH PHẬT, Tây phương A DI ĐÀ PHẬT, Bắc phương BẤT KHÔNG THÀNH TỰU PHẬT) làm đại quán đảnh. Ánh sáng trước, ánh sáng sau qua lại không dứt thành tựu ĐẠI BI QUÁN ÂM TÂM. Lại từ trong Tâm Đại bi sinh ra ĐỘ MẪU, tất cả trí nguyện của chư Phật đều viên mãn đầy đủ, tất cả sự khổ của chúng sinh đều nguyện độ thoát.

Bảy kiếp về quá khứ có thế giới tên là BẤT ĐỘNG. Vị Độ Mẫu ở trong thế giới Bất Động khai thị Pháp yếu. Ngay

lúc sinh thời 10 phương chư Phật đều đến quán đảnh, khen ngợi rằng: “Mẫu của tất cả chư Phật”.

Thời Đại Kiếp ở quá khứ tất cả chư Phật, Bồ Tát, Tám Bộ Trời Người Rồng... nhiều vô lượng vô biên đều vân tập đến Đạo Trường của Quán Tự Tại Bồ Tát nói Pháp căn bản của Độ Mẫu Đà La Ni này, khai thị trăm vạn vạn Pháp môn thầy đều hiển hiện trước thế giới cứu độ hữu tình trong sáu nẻo với tất cả chúng sinh trong ba đời. VỀ ĐIỀU PHÁP: Đời quá khứ và đời hiện tại có lưu xuất 60 vạn Pháp Bảo, đời vị lai còn có 20 vạn hai ngàn Pháp Bảo. Hiện nay là thời đấu tranh mãnh liệt chỉ lưu xuất 4 ngàn bài tụng. Như vậy vô lượng các Kinh lưu bố ở Cung Trời, Cung Rồng nhiều vô lượng vô biên.

Lúc Đức THÍCH CA thành Đạo, ngồi dưới cây Đại Bồ Đề, ở giữa hai chân mày phóng ra ánh sáng. Quần Ma nhìn thấy ánh sáng liền xuất hiện muốn quấy nhiễu Đức Phật. Ngài Độ Mẫu nhìn thấy liền tác 8 loại Đại tiểu (Cười lớn tiếng) Quần Ma đều té xuống đất. Ngài lại trụ vào KHÔNG ĐỊNH hiện làm BẤT ĐỘNG MINH VƯƠNG. Lúc đem tất cả quân Ma lên cao, Ngài đập nát chúng thành bụi nhỏ. Khi ấy Đức Thích Ca mới thành Vô Thượng Chánh Giác.

Khi Bồ Tát LONG THỌ tu hành cũng gặp Độ Mẫu chỉ dạy mà được thành tựu.

Ở Ấn Độ có người rất nghèo, khi thấy tượng Độ Mẫu trên tảng đá liền quỳ xuống cầu khẩn, chợt thấy Tượng chỉ đến nơi thắp. Người ấy đào lên được một cái bình chứa đầy trân châu và trở nên giàu có. Lẽ ra người ấy phải chịu 7 đời nghèo khổ, nhưng từ đây sự nghèo khó của 7 đời tiêu tan hết. Đời đời sinh ra đều làm người giàu có.

Thời A DỤC VƯƠNG ở Ấn Độ có một vị trưởng lão rất giàu. Nhà vua khởi tâm ác muốn hại mạng nên ra lệnh bắt vị trưởng lão. Vị ấy sợ hãi liền kêu cứu với Độ Mẫu. Khi chân

mới đập lên bạc thêm cửa thì thêm cửa liền biến thành vàng, vị ấy liền lấy dâng cho vua. Lúc ở trong ngục, trong hư không lại tuôn mưa báu rớt xuống như mưa, vị trưởng lão lại đem dâng vua. Khi ấy cây khô héo đều hoá ra cây có đầy quả trái, nhà vua thích liền cho Trưởng Lão làm Đại Thần.

Ở Ấn Độ có vị Sa di đang đi nhìn thấy trên đường có nơi thờ cúng Thiên Thần. Vị sa di liền bước qua, Vị Thần nổi giận dùng sấm sét để giết. Sa di ấy sợ hãi kêu cầu với Độ Mẫu rồi vội vã quay về thỉnh 500 người tụng Chú Độ Mẫu, cuối cùng sấm sét cũng không làm hại được.

Lại có người nương theo bóng đêm dùng lửa đốt nhà của kẻ thù. Trong nhà chỉ có một cô gái yếu đuối bị lửa bức bách. Cô lớn tiếng kêu cứu với Độ Mẫu. Đột nhiên có một vị Độ Mẫu màu vàng đứng trên lửa và tuôn mưa xuống như trút nước. Nhờ vậy, lửa liền tắt.

Lại có 5000 người cùng nương theo thuyền lớn vào biển tìm báu vật. Đến xứ ĐẠI TỬ ĐÀN, Long Vương chẳng thích. Lúc quay trở về bỗng gặp gió lớn đưa thuyền qua vô số biển có nhiều màu sắc. Mọi người đều sợ hãi kêu gọi NHẬT, NGUYỆT, THƯƠNG ĐẾ đều vô hiệu. Dây cột buồm lại đứt, nguy hiểm vạn phần, tính mệnh như hơi thở ra vào. Bỗng trong chúng có một người tụng Chú Độ Mẫu. Đột nhiên gió chuyển ngược thổi thuyền quay trở lại. Qua một đêm chiếc thuyền chở đầy châu báu với mọi người đều về đến nhà an toàn.

Lại có một vị Tăng Chủ mắc bệnh rụng lông mày, năm vị Tăng khác cũng mắc bệnh này. Thịt rụng, lông mày rơi không có phép trị, chẳng ai dám lại gần vì sợ truyền nhiễm. Trên đường đi khát thực, các vị thấy trên tảng đá có khắc Chú Độ Mẫu với tượng Độ Mẫu, liền khóc lóc cầu khẩn. Trên tay tượng đá bỗng tuôn ra một chất nước có dạng nhu thuốc. Các

vị ấy liền lấy rửa thì bệnh đều khỏi và tướng mạo lại đẹp tốt trang nghiêm giống như người cõi Trời vậy.

Lại có 100 vị Tăng qua sông bị nước cuốn ra giữa dòng sông, bèn niệm Độ Mẫu. Đột nhiên thấy tượng Độ Mẫu đang được thờ cúng trên bờ sông đi ra cứu giúp. Về sau tượng Độ Mẫu này có tên là PHONG THỦY ĐỘ MẪU.

Tại Ấn Độ có cái tháp Bồ Đề, trên tháp có tượng Độ Mẫu. Một vị Tăng nói đùa với tượng rằng: “Hương mặt và trong tháp, đứng hướng ra ngoài tháp, há chẳng tiện hơn sao?”. Nói xong bỗng nghe bức tượng đáp: “Ông đã không vừa ý. Ta quay thân như thế nào đây?” Tượng đó liền quay thân hướng mặt vào bên trong. Đang lúc quay ngược thân thì cửa tháp và gạch đều tuỳ theo thân tượng mà chuyển ngược lại. Đến này còn gọi là PHẢN THÂN ĐỘ MẪU.

Vùng Đông Bắc Ấn Độ có vị Tỳ kheo ở gần nơi cấp nước. Xứ đó có tảng đá khắc tượng Độ Mẫu mà xứ này đều tu theo. Vị Tỳ kheo Tiểu Thừa thấy các Kinh Đại Thừa liền thiêu đốt, lại rất ghét Mật Giáo như thù địch và hay phá tượng Mật Tông. Đức vua nổi giận muốn trừng phạt, liền bắt vị Tỳ kheo. Tỳ kheo này bỗng quỳ trước mặt tượng Độ Mẫu cầu cứu. Đột nhiên nghe Độ Mẫu nói: “Khi người vô sự chẳng cầu Ta sao?” bèn chỉ nằm trong cái rãnh nước kia thì có thể thoát. Vị tỳ kheo thấy cái rãnh nước dưới bậc thềm chỉ như cái bát liền tự nghĩ: “Làm sao có thể nằm được? Thật khó quá!”. Độ Mẫu thúc giục: “Mau nằm xuống! Người đi bắt đã đến cửa rồi”. Vị Tỳ kheo quá sợ hãi không kịp suy nghĩ, liền cúi xuống nằm. Nhà vua chẳng bắt được bèn tha.

Trước thời LONG THỌ, người tu hành thành tựu pháp Độ Mẫu được hơn 5000 người. Ngay thời LONG THỌ, người tu pháp chứng quả cũng hơn 5000 người. Người tu Pháp này tiêu diệt tất cả nghiệp tội, tiêu diệt tất cả Ma Chướng, hay cứu tất

cả tai nạn lại được trường thọ giàu có. Thành tựu công đức ấy rất nhanh chóng, lợi ích vô lượng vô biên, chẳng thể nói hết. Ta lược nói Thánh Tích của Độ Mẫu chẳng qua là một giọt nước trong biển lớn mà thôi.

HÔNG DANH TARA BỒ TÁT

Tara Bồ Tát có Mật Hiệu là BI SINH (nghĩa là do Tâm Đại Bi của Quán Tự Tại Bồ Tát mà sinh ra) hoặc có Mật Hiệu là HẠNH NGUYỆN KIM CƯƠNG.

Tam Muội Gia Hình của Tôn này là “Hoa sen xanh hé nở” biểu thị cho nghĩa “Hoá độ chúng sanh vượt thoát mọi trần cấu ô nhiễm, thực chứng được Bản Tính trong sạch không như bản.”

Chủng Tử của Ngài là TA hay TAM minh hoạ cho nghĩa NHƯ NHƯ BÁT KHẢ ĐẮC.

Ấn Căn Bản của Ngài là THANH LIÊN CĂN BẢN ẤN. Dem 10 ngón tay cài chéo nhau trong lòng bàn tay rồi nắm lại thành quyền (Nội Phục) dựng 2 ngón trở dính đầu ngón như cây kim, dựng thẳng 2 ngón cái dính vào 2 ngón trở. Đây cũng là Ấn Căn Bản của Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát.

OM TÀRE TUTTÀRE TURE SVÀHÀ.

Đại Nhật Kinh Phẩm Phổ Thông Chân Ngôn Tạng ghi là:
NAMAHA SAMANTA BUDDHÀNÀM. KARUNA
UDBHAVE TÀRE TÀRINI SVÀHÀ.

Sớ thứ 7 giải thích câu chú trên là:

_ NAMAHA SAMANTA BUDDHÀNÀM: nghĩa là Quy mệnh khắp cả các Đấng Giác Ngộ.

_ KARUNA là Bi, UDBHAVE nghĩa là SINH. Như thế KARUNA UDBHAVE nghĩa là từ BI mà Sinh, tức là trong Quán Tự Tại mà sinh.

TÀRE là con mắt, cũng có nghĩa là ĐỘ. Nay Chân Ngôn lấy chữ TA làm thể. TA nghĩa là Pháp nghĩa NHƯ, vì tất cả Các Pháp vốn chẳng sinh nên NHÂN của Pháp cũng chẳng

thể đặc, tức là nơi NHƯ được Thật tướng của các Pháp. Bên cạnh nó có một nét Tam Muội thành TÀ tức là vạn hạnh đều NHƯ vậy.

RA là nghĩa 6 trần. Vì các Pháp chẳng phải NHƯ chẳng phải KHÁC, nên 6 trần đều như thật tướng, tức là Bản Tính của chúng không có trần cấu gọi là: “con mắt không bụi thanh tịnh, thấy biết như thật”. Lại nữa, 6 căn, 6 trần gọi là biển cả sinh tử, tất cả chúng sanh đều chìm đắm trong đó chẳng được bờ mé nào. Nay thấy 6 trần như thật tướng mà đến bờ bên kia của Phật Nhãn, nên gọi là “Được độ”.

Nói lập lại TÀRINI là Cực Độ. Tự độ được rồi lại hay phổ độ chúng sanh. Tự được Phổ Nhãn không bụi lại cũng khiến cho tất cả chúng sanh được Phổ Nhãn không bụi. Theo như Đại Bản thì có đến 500 Tara Tôn đều từ mắt của Quán Tự Tại mà sinh ra. Mật Ngữ Du Già lấy chư vị đó làm Tam Muội của A DI ĐÀ.

Sớ thứ 20, Phẩm Mật Ấn ghi câu chú là:

NAMAH SAMANTA BUDDHÀNÀM TÀRE TÀRINI
UDBHAVA SVÀHÀ.

Và giải thích là:

- TÀRE gọi là người (Tự độ)
- TÀRINI là Độ, như đưa người qua sông lớn đặt ở bờ bên kia.
- KARUNA là BI.
- UDBHAVA là SINH.

Do Bồ Tát này từ BI mà sinh, cũng độ chúng sanh đến chỗ BI vậy.

1) Bản Phổ Thông lưu truyền trong nhân gian Trung Hoa thì ghi là:

Cúi lạy Viên Thông Chân Đại Sĩ

Tuyên dương Thần Chú phá Ngu môn

Nay con trì niệm một triệu biến

Trí Tuệ nguyện bằng Tự Tại Vương.

OM TÀRÀ TÀRÀ SAMTÀRA INDRI DEVI -
'SULINA VI'SUDDHAYA - OM TÀRÀ TÀRÀ 'SRÌYE
SVÀHÀ.

Tuy Thần Chú Căn Bản của Tara Tôn có nhiều sự sai khác, nhưng đây chỉ là Pháp lưu truyền của từng giòng phái mà thôi. Thực tế muốn tu tập Chân Ngôn được hiệu nghiệm thì điều căn bản là phải biết thành thật với chính mình và người khác, phát Bồ Đề Tâm cứu giúp chúng sanh, giữ gìn Tam Quy và Thập Giới đồng thời cần phải tránh xa và diệt trừ cho được tâm ý kiêu mạn và tâm ý tự ti mặc cảm, phát huy tâm bình đẳng như thật. Có như thế hành giả mới dần dần thâm nhập vào Tâm Đại Bi của Bốn Tôn và thành tựu được mọi lợi ích mà Kinh Điển ghi nhận là: “Nếu tu trì Chân ngôn này thì hay cắt đứt sinh tử luân hồi, tiêu trừ các Ma Chướng, nghiệp chướng, bệnh khổ... và hay tiêu tai, tăng phước, sống lâu, rộng mở Trí Tuệ. Phàm có sự mong cầu thì không gì không thành tựu. Sau khi mệnh chung sẽ vãng sinh về Thế Giới Cực Lạc.

Tara tên Tây Tạng là SGROL-MA (dịch ý là CỨU ĐỘ MẪU). Nói cho đủ là ĐẠT MA TARA (Dharma Tàrà – Pháp Cứu Tôn). Lại còn xưng là Đa Lợi Bồ Tát, Đa Lệ Bồ Tát, Thánh Tara Bồ Tát, Tara Tôn, Đa Lợi Tôn, Toàn xưng là Thánh Cứu Độ Phật Mẫu.

Truyền thống Mật Giáo cho rằng Tôn này là Thân hoá hiện của Quán Tự Tại Bồ Tát cho nên còn xưng là Tara Tôn Quán Tự Tại hay Tara Quán Tự Tại.

Theo Hình Đồ Thai Tạng Giới Man Đà La thì Tara Tôn có vị trí ở hàng thứ nhất, phương bên phải (phương Tây) của Quán Tự Tại trong Quán Âm Viện. Do Tôn này chủ đề về hai Đức ĐẠI BI và HÀNG PHỤC nên được xem là Phật Mẫu của Liên Hoa Bộ và được tôn xưng là Tara PHẬT MẪU.

Kinh Bất Không Quyển Sách ghi là: “Tara Bồ Tát cũng gọi là Thấp Phế Đa (‘sveta) là Bạch Thân Quán Tự Tại Bồ Tát và cũng gọi là Tỳ Câu Chi Quán Tự Tại Bồ Tát (Bhrikuti).

Kinh Đại Phương Quảng Văn Thù Sư Lợi Phẩm Quán Tự Tại Bồ Tát có ghi là: “Quán Tự Tại Bồ Tát nhập vào Tam Muội PHỔ QUANG MINH TARA dùng sức Tam Muội nên từ con mắt phóng ta ánh sáng lớn và Tara Bồ Tát liền nương theo ánh sáng đó mà sinh ra. Ánh hào quang của Tara Bồ Tát chiếu soi tất cả chúng sanh giống như lòng thương xót của người mẹ hiền nhằm cứu độ chúng sanh xa lìa biển khổ sinh tử.”

Do ý nghĩa này mà Tà-rà được dịch là: con mắt, con người. Lại nữa, lúc chư Phật Bồ Tát mở mắt thì gọi là Mắt hoa sen xanh từ bi nên Tôn này được xem là Thân sở biến của hoa sen xanh (Nīlapadma) và có danh hiệu PHẬT THANH LIÊN TỬ BI NHÃN. Từ đó Tà-rà còn được dịch là Diệu Mục (con mắt mẫu nhiệm).

Kinh Bất Không Quyển Sách ghi là : “Tara Thiên Nữ Mục Ngôn Đồng Nữ”.

Kinh Tô Ma Hô cũng ghi là: “Tara là Diệu Mục Tinh”.

Do đó TÀ-RÀ là quán lý tính của Như Như cho nên tất cả các trần đều được biết Như Thật, từ ấy vượt qua biển lớn sinh tử đi đến bờ Giải Thoát bên kia. Chính vì thế mà Tà-rà được dịch ý là Cứu Độ hay Cực Độ. Từ đấy thường xưng tán Ngài qua câu:

NAMO ÀRYA TÀRÀ JVALA BODHISATVA
MAHÀSATVA - Quy Mệnh Thánh Mục quang Bồ Tát Ma
Ha Tát.

Theo ý nghĩa này Mật Giáo Tây Tạng lưu truyền rộng rãi
Pháp của 21 Độ Mẫu và cho rằng 21 Tôn này đều là hoá thân
của Quán Tự Tại Bồ Tát, gồm có:

- 1) Lục Độ Mẫu
- 2) Cứu Tai Nạn Độ Mẫu
- 3) Cứu Thủy Tai Độ Mẫu
- 4) Cứu Địa Tai Độ Mẫu
- 5) Cứu Hoả Tai Độ Mẫu
- 6) Cứu Phong Tai Độ Mẫu
- 7) Tăng Phước Tuệ Độ Mẫu
- 8) Cứu Thiên Tai Độ Mẫu
- 9) Cứu Binh Tai Độ Mẫu
- 10) Cứu Ngục Nạn Độ Mẫu
- 11) Cứu Đạo Nạn Độ Mẫu
- 12) Tăng Uy Quyền Độ Mẫu
- 13) Cứu Ma Nạn Độ Mẫu
- 14) Cứu Súc Nạn Độ Mẫu
- 15) Cứu Thú Nạn Độ Mẫu
- 16) Cứu Độc Nạn Độ Mẫu
- 17) Phục Ma Độ Mẫu
- 18) Được Vương Độ Mẫu
- 19) Trường Thị Độ Mẫu
- 20) Bảo Nguyên Độ Mẫu
- 21) Như Ý Độ Mẫu

Trong 21 Tôn Độ Mẫu thì Tara Tôn hiện tướng thanh nữ,
toàn thân màu xanh lục nên được xưng là LỤC ĐỘ MẪU.

Mandala NGŨ TRÍ NHƯ LAI của Mật Giáo Tây Tạng cũng ghi nhận rằng: Tara Tôn chính là CỨU ĐỘ PHẬT MẪU biểu thị cho Thành Sở Tác Trí (Kṛtyāmustaḥāna Jnāna) Của Đức Bất Không Thành Tựu Như Lai (Amoghasiddhi Tathāgata) Trí này nhằm kiện toàn sứ mệnh của chư vị Bồ Tát là thực hiện sự chứng ngộ hoàn toàn, chuyển năm thức thành phương tiện thiện xảo chuyển nghiệp thành duyên, chuyển ý niệm tư tưởng thành sự sáng tác sống động, chuyển khổ hạnh thành giải thoát. Biểu tượng của Trí này là ánh hào quang màu xanh lục huyền bí được kết tinh của màu xanh Pháp Tánh vũ trụ với màu vàng Từ Bi Bình Đẳng nhằm nuôi dưỡng xác thân và làm lắng dịu tâm hồn cho chúng sinh đang chìm đắm trong biển khổ đau. Đây cũng chính là năng lực gia trì (adhithana) của chư Phật, Bồ Tát phù hộ cho những chúng sinh có niềm tin chân thật vượt thoát mọi tai nạn khổ đau. Do ý nghĩa này mà Tàra được tôn xưng bằng danh hiệu PHÁP CỨU TÔN (Dharma Tàra).

Truyền thống Mật Giáo còn ghi nhận rằng Tara Tôn có 21 Hoá Thân là:

- 1) Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu (Sgrol-ma-mnur madpah-mo)
2. Bách Thu Lãng Nguyệt Mẫu (Ston- kahi zla bakun-tugsal- brgya)
3. Tử Ma Kim Sắc Mẫu (Ser –sdechū)
- 4) Như Lai Đỉnh Kế Mẫu (De-bshin-g’segs- pahī- gtsug- tor)
- 5) Đát La Hồng Tự Mẫu (Tàrà hūm yi-ge)
- 6) Phạm Thích Hoả Thiên Mẫu (Brgya-byin melha-tshans- pa)
- 7) Đạc La Đề Phát Mẫu (Trad- cis- bya -dan phat)
- 8) Đô Lợi Đại Khẩn Mẫu (Tures- hjiḡs- pachen- mo)
- 9) Tam Bảo Nghiêm Ấn Mẫu (dkon- mchog- gsum mtshon- phyag- rgya)

- 10) Uy Đức Hoan Duyệt Mẫu (Rab- tu dgah-babrsid- ba)
- 11) Phòng Hộ Chúng Địa Mẫu (Sa –gahi skyon- pa)
- 12) Đỉnh Quan Nguyệt Tướng Mẫu (Zla- bahibum – bus- dpral- rgyan)
- 13) Như Tận Kiếp Hoả Mẫu (Bskal – bahi thamahi- me- ltar)
- 14) Thủ Ấn Đại Địa Mẫu (Sa-ba)
- 15) An Ấn Nhu Thiện Mẫu (Bde- ma dlg- mashi-ma)
- 16) Phổ Biến Cực Hỷ Mẫu (Kun-nas-bskor-rab-dgah-ba)
- 17) Đô Lị Ba Đế Mẫu (Turi-sha-pa)
- 18) Tát La Thiên Hải Mẫu (Lha-yi-mtsho)
- 19) Chư Thiên Tập Hội Mẫu (Lha-yi-tshogs-rnams-rgyas- mo)
- 20) Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu (Nima-zla- ba- rgyas- ma)
- 21) Cụ Tam Chân Thật Mẫu (De- nid gsum-rnam bhod- pa)

KINH LỄ TÁN CÁC THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

1.

Chư Thiên phi Thiên nghiêm đỉnh kế
Cung kính quỳ dâng sen dưới chân
Mẫu tế độ trong các nghèo khổ
Đến lễ trước cứu độ Phật mẫu.

2.

Tuttare trừ sợ hãi
Ture các thắng nghĩa
Svaha xin tán thán.

3

Kính lễ Cứu Độ Tốc Dũng Mẫu
Mắt như ánh điện chớp chiếu soi
Tam giới Thế Tôn mặt hoa sen
Từ trong diệu hoa hiện trang nghiêm

4. Kính lễ Lăng Minh Mẫu

Tròn soi khắp cả, mặt vô cầu
Như ngàn tinh tú cùng tụ hội
Uy quang thù thắng vượt hơn hẳn

5.

Kính lễ Tử Ma Kim Sắc Mẫu

Tay hoa sen diệp rấ trang nghiêm
Thí, tinh cần, hạnh, nhu thiện tĩn
Nhấn nhục, thiên đĩn, tĩn, vô canh

6.

Kĩn lĩ Tara Lai Đản Kế Mẫ
Tối thắg hay mẫ vô biĩn hạnh
Thắg thế Phật tử cực sở thụ.

7.

Kĩn lĩ Tara Hum Tự Mẫ
Nhiếp thụ phương sở mẫ hư khĩng
Đậm chân che khắp bả thế giới
Thắg hay câu triệu nhiếp khĩng sót.

8.

Kĩn lĩ Tara Bậ Thiên Sư
Đế Thích Hỏa Thiên, Phạm Thiên cùng Phong Thiên
Các bậ Dạ Xoa cùng bộ chúng
Thắg đều xưng tán ý vẫg theo

9.

Kĩn lĩ Tara âm TRAT – PHAT
Nĩ hạnh tha gia cực tĩi hoại
Duĩ trái co phải làm chân đẫm
Mắ đầy phẫn nộ lửa long lạnh

10.

Kĩn lĩ Tara Đậ Khẫ Mẫ
Đũng mẫnh hay tĩi hoại ma oán

Nơi mặt hoa sen, tác chau mà
Tồi hoại tất cả chúng oan gia

11

Kính lễ Tara Tam Bảo Ấn
Tay chỉ ngay tim, tướng uy nghiêm
Nghiêm sức phương luân không bỏ sót
Tự thân rực rỡ ánh sáng màu

12.

Kính lễ Uy Đức Thán Duyệt Mẫu
Bảo quang, ngọc, túc hào quang điểm
Cười vui thỏa thích Tuttare
Trần thế gian ma làm nhiếp thụ

13 Kính lễ Phòng Hộ Chúng Độ Mẫu
Cũng hay câu triệu các chúng thần
Cau mặt chau mà chủng tử HUM
Tất cả suy lại khiến giải thoát

14

Kính lễ Đỉnh Quang Nguyệt Tướng Mẫu
Mão hiện hào quang thẳng diệu nghiêm
A Di Đà Phật hiện trong tóc
Thường phóng quang mọi ánh sáng báu diệu

15.

Kính lễ Như Tận Kiếp Hỏa Mẫu
An trú rực rỡ trong đỉnh kế
Vui thích khắp cả ngôi bán già
Hay tồi diệt hoại luân oan ác

16.

Kính lễ Thủ Ấn Đại Phật Mẫu
Dùng chân đạp xéo làm trấn áp
Hiện mặt chau mày phát tiếng HUM
Hay phá bảy hiểm trần giáng phục

17

Kính lễ An Ấn Nhu Thuận Mẫu
Niết bàn vắng lặng cảnh cực vui
SVAHA mệnh chủng OM tương ứng
Khéo hay tiêu diệt thủy oan gia

18.

Kính lễ Đại Phúc Cực Hỷ Mẫu
Chi thể các oán khiến giải thoát
Câu chú mười chữ bày nghiêm diệu
Tiếng HUM minh chú sáng thường soi

19.

Kính lễ Tara Tốc Tật Mẫu
Tiếng chân bước nhẹ chủng tử HUM
Tam giới giật mình rung chuyển mạnh
Cát vàng lay chuyển đỉnh Tu Di

20.

Kính lễ Bồ Tát Thiên Hải Mẫu
Cam lồ ban phát, độc tiêu tan
Tụng hai TARA – PHAT ra tiếng
Hay diệt các độc sạch không còn

21.

Kính lễ chư Thiên Tập Hội Mẫu
Trời, Khẩn Na La nơi y thụ
Uy đức hoan duyệt như giáp cứng
Đấu tranh ác mộng thấy tiêu tan

21.

Kính lễ Nhật Nguyệt Quảng Viên Mẫu
Mắt nhìn như ánh nhật nguyệt soi
Tụng hai HARA – TUTTARE
Khéo trừ bệnh nóng, dịch, độc, ác

22.

Kính lễ TARA Như Ý Mẫu
Bồ bấu, cây bấu nguyện viên thành
Phát tán kính thỉnh xin thành tựu
Tài bảo, mùa màng đụn cả kho

23.

Kính lễ TARA Giải Thoát Mẫu
Năng trì, xưng tán, cúng dường luôn
Ba thân khẩu ý luôn thuần tịnh (OM AH HUM)
Tiêu trừ quỷ mị, chúng Dạ Xoa

-Nếu có người Trí siêng tinh tấn
Chí tâm trì tụng hai mươi mốt (21)
Nơi CỨU ĐỘ TÔN thành tín lễ
Cho nên ca ngợi Chú CĂN BẢN
Mỗi sáng thức dậy, đầu đêm lễ
Ghi nhớ, được ban Thắng vô úy

Tất cả tội nghiệp tiêu trừ hết
Thả hay vượt qua các nẻo ác
-Đẳng này mau hay được thông tuệ
Bảy câu đề Phật đã quán đánh
Đời này: giàu có, thọ diên an
Đời sau hưởng đến các quả vị Phật

-Có lúc uống nhầm các độc vật
Hoặc tự nhiên sinh, hoặc hoà hợp
Ghi nhớ lực chân thật Thế Tôn
Các thuốc độc ác tiêu diệt hết

-Hoặc thấy người khác bị Quỷ My
Hoặc phát bệnh nóng chịu các khổ
Tụng Tán này ba (3) bảy (7) lượt
Các khổ não kia đều trừ hết

-Muốn xin nam nữ được nam nữ
Cầu xin tài bảo được giàu có
Khéo hay viên mãn tùy ý nguyện
Tất cả chướng ngại được tiêu trừ.

Ngoài ra Mật Giáo còn xưng tán Tara Tôn qua danh xưng
BẠCH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU tức Vị Phật MẪU có thân màu
trắng tịnh chuyên cứu tế thế gian.

Riêng Quán Âm Viện trong Hình Đồ Thai Tạng Giới Man
Đà La ghi nhận 4 vị Tara Bồ Tát tu trì thành tựu Pháp Quán
Tự Tại là:

1) Thanh Cảnh Quán Tự Tại (Nilakanthi) Đại Chú
của Tôn này được truyền tụng là Đại Bi Chú (Mahà Karunika
Dhàrani)

2) A Ma Hai Quán Tự Tại (Abhetri)

3) Hương Vương Quán Tự Tại (Gandha Rajà)

4) Thuỷ Nguyệt Quán Tự Tại (Udaka Candra)

Mật Giáo Nhật Bản thì xưng tụng Tara Tôn là một vị trong 33 vị Quán Tự Tại và sùng bái rộng rãi.

Truyền thống nhân gian thì ví Tara Tôn như chiếc thuyền cứu vớt người vượt biển lớn sinh tử đi đến bờ bên kia được tự tại nên tôn xưng Ngài là TARA DEVI. (TARA THIÊN NỮ).

Nhân dân Tây Tạng thì xưng tán Văn Thành công chúa con gái vua Đường Thái Tôn là Bạch Tara Bồ Tát (Sgrol-madhar-po) và công chúa xứ Nepal Ba Lị Khổ Cơ (Bhrikuti) là Lục Tara Bồ Tát (Sgrol-ma ljan-khu). Cả hai vị này đều là Thứ phi của nhà vua Srong-tsan-gampo.

Tại Ấn Độ, Tara Bồ Tát rất được sùng bái và ca ngợi qua “TARA BỒ TÁT 108 DANH TÁN” (Arya Tàrà nàmà stot tara ‘sataka- sotra), “CỨU ĐỘ PHẬT MẪU 21 LỄ TÁN” (Ekavim ‘sati-sotra) và “THÁNH TARA TRÌ QUAN TÁN (cái mào)” (Arya Tàrà srag dharà-sora). Riêng nhân dân Ấn Độ hiện đại thì đồng hoá Tara Tôn với mẹ vũ trụ và sùng kính Ngài qua ảnh tượng Phật mẫu ‘SAKTI.

Tóm lại hệ thống tín ngưỡng Tara Bồ Tát phát triển rất mạnh ở Ấn Độ, Tây Tạng, Mông Cổ, Trung Hoa, Nhật Bản... và mọi hệ thống Mật Giáo đều xem Tara Tôn là biểu tượng về năng lực Đại Bi “BAN VUI, CỨU KHỔ” của chư Phật Bồ Tát nên thường xưng tán Ngài qua bài kệ trong Quán Tự Tại Bồ Tát Thọ Ký Kinh là:

Đấng Đại Bi Tara

Từ Bi của tất cả

Trời, Người với Dạ Xoa

Đều là con của Ngài

Nên hiệu Thế Gian Mẫu

Và cho Xuất Thế Gian

Quán Tự Tại, Đại Thế Chí
Kim Cương Thủ, Thiên Tài Đồng Tử
Văn Thù, Tu Bồ Đề
Tỳ Lỵ với Hương Tượng
Nguyệt Quang, Vô Tận Ý
Vô Hư Cấu Không tạng
Diệu Nhân với Đại Bi
Duy Ma đẳng Bồ Tát
Là con của Tara
Các Như Lai ba đời
Tất cả Ma Ha Tát
Không ai không là con
Đều xưng là Độ Mẫu
Nuôi dưỡng các hữu tình
Ôm nâng như đại địa

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TUỖ TÂM CHÚ KINH

(Cũng có tên là “ĐA LỊ TÂM KINH”)

*Hán dịch: Nước Đại Đường, Chùa TỔNG TRÌ, Sa môn
THÍCH TRÍ THÔNG*

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngự trong nước KỶ XÀ QUẬT thuộc Đại thành Vương Xá cùng vô lượng Đại Tỳ Kheo đến dự hội, lại có vô lượng Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La với các quyến thuộc đến dự. Lại có vô lượng vô số Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di cung kính vây quanh.

Bấy giờ, trong Hội có một vị Bồ Tát tên là QUÁN TỰ TẠI liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ dưới chân Đức Phật rồi trật áo để hở vai phải, quỳ gối phải sát đất, chắp tay cung kính bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con muốn nói về Pháp CĂN BẢN, ẤN, ĐÀN của A LỊ ĐA LỊ TÂM CHÚ”. Chú đó có uy lực chẳng thể luận bàn thường đem sự an vui và nhiều sự lợi ích cho thế gian. Nếu có Trời, Người thọ trì chú này thì bao nhiêu sự sợ hãi, oán đối, ác chướng thủy đều chận đứng hết. Tất cả ngoại học cấm chú đều bị đập nát chẳng có thể làm hại được. Tuỳ theo tâm nguyện cầu mà tất cả thiện nghiệp đều được hoàn thành. Các hàng chúng sinh có 4 chân, 2 chân... thủy đều cung kính quy phục. Nguyện xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương hứa cho, con dùng Đại Bi xót thương tất cả chúng sinh nên nói về Pháp của CĂN BẢN ẤN CHÚ này”.

Tức thời QUÁN THỂ ÂM TỰ TẠI BỒ Tát liền nói Pháp của Đà La Ni ấy.

- Thứ nhất: TUYÊN TÂM CHÚ (cũng gọi là THÂN ẤN CHÚ hoặc ĐỒ ẤN CHÚ)

Dem các ngón: giữa, vô danh, út của hai bàn tay hướng ra ngoài cài chéo nhau rồi chắp lại, bên phải đè bên trái, sao cho đầu ngón bám vào lưng bàn tay. Kèm dựng hai ngón trở dính nhau. Hai ngón cái cũng vậy đều bám vào ngón trở. Đưa ngón cái đi qua đi lại. Liền nói chú là:

* NAMO RATNATRAYÀYA NAMAH ARYA AVALOKITE 'SVARÀYA - BODHISATVÀYA - MAHÀ SATVÀYA - MAHÀ KARUNIKÀYA.

TADYÀTHA: OM - TÀRE TÀRE - TUTÀRE - TUTUTÀRE - TURE - SVÀHÀ.

- Thứ hai: PHỤNG THỈNH CHÚ (dùng Thân ấn tụng chú này)

* TADYATHÀ: AKARSA AKARSA BHAGAVAM - ARYA AVALOKITE 'SVARÀYA - RATNA TRASATINA - SVÀHÀ.

Dùng Chú này chú vào AN TẮT HƯƠNG 7 biến rồi thiêu đốt, thỉnh Bồ Tát ắt đến. Nếu muốn tụng ĐA LỊ TÂM CHÚ lúc trước, thoát tiên tụng chú này 7 biến, sau đó tụng chú kia.

- Thứ ba: KHẢI THỈNH ẤN CHÚ (Một ấn chú này thông thỉnh tất cả Bồ Tát)

Dem tay phải hướng về phía trước, nắm cổ tay trái đưa lên trên đỉnh đầu, dùng 4 ngón tay trái đưa qua đưa lại. Liền nói chú là:

* OM SARVA BODHISATVÀYA EHYEHY SVÀHÀ.

- Thứ tư: HOA ĐÀI ẤN CHÚ

Dựa theo ấn trước chỉ sửa hai lòng bàn tay ngửa lên trên. Năm ngón đều hướng lên trên hơi co lại. Chú là:

* OM PRATISTA PUDANA SVÀHÀ

• Thứ năm: HƯƠNG HOA ẤN CHÚ

Dùng tay phải, đem ngón cái vịn trên ngón vô danh, mở rộng thẳng ba ngón còn lại. Lại đem lòng bàn tay trái nâng bên dưới cánh tay phải. Chú là:

* OM SARVA PÀYA PUSPAYÀYA

• Thứ sáu: HƯƠNG THUỶ ẤN CHÚ

Dùng hai tay, đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út đều nắm ngón cái như quyền pháp, hợp cổ tay rồi đặt hai ngón trở dính nhau. Chú là:

* OM SARVA UDAKAYA RAKSA SVÀHÀ.

Ấn này cúng dường hằng hà sa số tất cả chư Phật, Bồ Tát

• Thứ bảy: HỘ THÂN ẤN CHÚ

Trước tiên, chắp hai tay lại, co 2 ngón út sao cho cùng ngược móng ngón, 2 ngón cái phụ 2 ngón trở, các ngón còn lại hợp dính đầu ngón trong lòng bàn tay hơi mở. Nên đặt ấn trên đỉnh đầu rồi đưa ngón trở qua lại. Chú là:

* OM TÀRE TUTÀRE TURE – ILAMDAYA RAKSA RAKSA MATU (xưng tên họ mình) SARVA DUSTA BHYAH - SATVA BHADRA BHYAH SVÀHÀ.

Tác Ấn này, tụng chú mỗi 10 vạn biến thì tất cả nhóm đấng các ma, ngoại đạo, người, phi nhân không dám làm hại. Dùng đây hộ thân. Lại tác ấn này, tụng THÂN CHÚ lúc trước ở trước Tháp Xá Lợi chí tâm tỏ bày sám hối mọi tội lỗi ắt hay diệt được 4 tội nặng, 5 tội nghịch.

- Thứ tám: TÂM ẤN CHÚ.

Dựa theo HỘ THÂN ẤN lúc trước, chỉ sửa 2 ngón trở vịn móng 2 ngón cái sao cho đầu ngón dính nhau. Đặt ấn ở trên trái tim. Chú là:

* OM SARVA HRDAYA BUDDHAYA SVÀHÀ.

Tác Ấn này xong, lúc tụng TÂM CHÚ thì đều hay diệt mọi tội thuộc 3 nghiệp.

- Thứ chín: KHẨU ẤN CHÚ

Dựa theo TÂM ẤN trước, chỉ co 2 ngón cái hướng vào trong lòng bàn tay. Kèm song song lóng trên của 2 ngón út. Chú là:

* OM VIPA 'SIYÀYA SVÀHÀ.

Tác Ấn này xong, tụng KHẨU CHÚ thì hay trừ tất cả tội chướng thuộc khẩu nghiệp.

- Thứ mười: ĐẠI SÁM HỐI ẤN CHÚ

Trước tiên đem ngón cái phải vịn trên móng ngón giữa phải và duỗi ba ngón còn lại. Tay trái cũng vậy, rồi đem ngón cái phải để trên móng ngón cái trái. Đặt ấn ngay trước trái tim. Chú là:

* OM SARVA BUDDHA BODHISATVÀYA SVÀHÀ.

Tụng chú sám hối thì hay trừ tội của tất cả nghiệp chướng.

- Thứ 11: TRIỆU HOÁN NHẤT THIẾT ĐẠI LỰC QUỶ THẦN THIÊN LONG BÁT BỘ ẤN CHÚ

Đem tay phải vịn trên lưng tay trái, hướng 4 ngón xuống dưới cài nhau. Đưa 4 ngón tay trái qua lại. Chú là:

* OM KRODHA SARVA DEVANA SVÀHÀ.

- Thứ 12: ĐÀI KẾT GIỚI TỊCH TÝ NA DẠ CA ẤN CHÚ

Trước tiên đem ngón vô danh của tay phải cài trên ngón vô danh của tay trái. Ngón cái trái móc lấy ngón út phải ngay trong lòng bàn tay phải. Đem ngón trỏ, ngón giữa, ngón vô danh của tay trái móc lấy ngón giữa của tay phải. Đem ngón trỏ phải và ngón út trái dính đầu ngón với nhau. Ngón cái phải đè trên lưng ngón trỏ, ngón giữa của tay trái, vắn cổ tay trái. Chú là:

* OM SARVA YAKSA RAKSANA BANDHA BANDHA SVÀHÀ.

Tác ấn chú này thì tất cả quý thần tự nhiên quy phục.

- Thứ 13: TUYÊN TÂM ẤN

Dựa theo kết giới ấn lúc trước, chỉ sửa ngón trỏ phải và ngón út trái cùng mở cách nhau 1 thốn. Đây gọi là TUYÊN TÂM ẤN. Tác ấn này xong, tụng Tuyên Tâm Thân chú thì đều được ước nguyện.

- Thứ 14: VỊ ĐỘ MA VƯƠNG BA TUẦN NHẬP ĐẠO CÁI MỘ ẤN.

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải đặt dính nhau rồi quay vào trong lòng bàn tay, dựng thẳng 3 ngón còn lại, duỗi bung thủ chưởng (lòng bàn tay) hướng về trước ngực. Tay trái cũng vậy, đem chưởng hướng ra ngoài. Lúc tác ấn này thì Ma Vương Ba Tuần thống lĩnh các bộ chúng mộ nhập vào Phật đạo, đỉnh lễ rồi lui ra. Tụng THÂN CHÚ.

- Thứ 15: GIÁNG PHỤC NGOẠI ĐẠO LỤC SƯ ẤN.

Dựa theo ấn trước, chỉ sửa đều đem ngón cái vịn trên móng ngón vô danh với ngón giữa. Lúc tác ấn này thì Lục sư ngoại đạo thấy đều quy phục. Tụng THÂN CHÚ.

- Thứ 16: CỨU KIỀM LỤC ĐẠO CHÚNG SINH LY KHỔ GIẢI THOÁT ẮN CHÚ

Đem 2 ngón cái, 2 ngón trở cùng vịn nhau. Hai ngón giữa cùng dính đầu ngón, 2 ngón vô danh đều dè trên móng 2 ngón út. Khiến mở chính giữa rồi đặt ấn dính trên trán. Chú là:

* OM SARVA YA'SODHARAYA RÀJA SVÀHÀ.

- Thứ 17: THÍ CAM LỘ ẮN

Đem ngón trở vịn ngón cái của tay trái, dựng thẳng 3 ngón còn lại hướng ra ngoài. Lại rũ cánh tay phải hướng xuống dưới duỗi thẳng 5 ngón hướng xuống dưới. Làm Pháp Thí Cam Lộ này thì chúng sinh trong 6 nẻo thấy đều no đủ, xa lìa đau khổ và được giải thoát. Tụng Thân Chú.

- Thứ 18: PHÒNG HỘ ẮN CHÚ

Đem ngón cái của tay phải cài cạnh sườn bên phải ngón trở ở hướng sau, 4 ngón còn lại nắm quyền. Tay trái cũng vậy hướng về phía trước, cánh tay làm như rắng sức. Chú là:

* OM SARVA DUSTANA CCHINDHA CCHINDHA SVÀHÀ.

Tác ấn chú Pháp này thì hàng phục tất cả ma với các loài khó giáng phục. Hết thấy đều quy phục chẳng dám chống lại.

- Thứ 19: TỰ TẠI ẮN CHÚ

Đem 4 ngón của hai tay cùng cài ngược với nhau. Lại đem 2 ngón trở dính nhau, 2 cái cách nhau hướng lên trên duỗi thẳng. Chú là:

* OM SARVA BUDDHA DHÀRAYA MALAYA - SVÀHÀ.

- Thứ 20: TAM MUỘI ẤN

Ngồi kiết già ngay thẳng. Dem lòng bàn tay trái đỡ lưng bàn tay phải cùng đè nhau, đặt ấn trước trái tim, tụng THÂN CHÚ liền nhập vào DIỆT TẬN ĐỊNH.

- Thứ 21: HOÁN (kêu gọi) DIÊM LA VƯƠNG ẤN CHÚ

Dem 2 ngón út cùng móc ngược nhau, bên phải đè bên trái, co hai ngón giữa, 2 ngón vô danh đều đè lên móng 2 ngón cái. Dựng 2 ngón trỏ cách nhau 5 thốn, sao cho đầu ngón qua lại. Chú là:

* OM SARVA YAMMA RÀJA SITYA SVÀHÀ.

Nếu có người muốn biết số lượng của tội nhân ở Địa ngục nhiều ít hoặc hỏi tên thì Vua DIÊM LA tự thống lĩnh các sứ quan đi theo tự đến báo cáo đầy đủ cho hành giả biết.

- Thứ 22: HOÁN TỨ THIÊN VƯƠNG ẤN CHÚ.

Dem 4 ngón của 2 tay cùng cài ngược nhau bên trong, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay khiến che dấu đầu ngón rồi đưa đầu ngón tay qua lại. Chú là:

* OM SARVA DEVA GRAHÀNA SVÀHÀ.

Lúc tác ấn chú Pháp này thì Tứ Thiên Vương nhất thời đều đến. Hành giả đều hỏi các việc trong 4 thiên hạ thì đều báo cho biết.

- Thứ 23: TRÌ GIỚI ẤN CHÚ

Quyè dài, đặt gối bên phải sát đất, ngẩng đầu hướng lên trên, chấp tay để ngang trái tim. Lại dem 2 ngón trỏ đè lên

lóng thứ nhất của ngón giữa, 2 ngón cái đều phụ bên cạnh 2 ngón trỏ. Chú là:

* OM SARVA PRATIMOKSA HRDAYA - SVÀHÀ.

Tác ấn này, tụng chú này thời vô lượng các loại chúng sinh được giới thanh tịnh.

• Thứ 24: ẤN THÂN TUYÊN HÌNH NHẬP LỤC ĐẠO
ẤN CHÚ

Đem ngón cái tay phải đè trên móng ngón vô danh, ngón giữa. Dựng thẳng ngón trỏ và ngón út. Tay trái cũng vậy, đem ngón cái tay phải từ dưới hướng lên trên móc lấy ngón giữa, ngón vô danh của tay trái, bên phải đè bên trái. Chú là:

* OM KUREJAYO SARVA KALIYA - SVÀHÀ.

Tác ấn Pháp này thì tùy ý ấn mất, du hành tự tại, tất cả như nguyện.

• Thứ 25: HOÁN TRIỆU NGŨ THÔNG ĐẰNG TIÊN
NHÂN ẤN CHÚ

Đem ngón giữa, ngón vô danh, ngón út của 2 tay đều nắm quyền rồi hợp 2 tay với nhau, 2 ngón cái đều phụ bên cạnh 2 ngón giữa, đưa ngón trỏ qua lại. Chú là:

* OM SARVA GRISIYA KARMA BHARANA
KUTAYE SVÀHÀ.

Tác pháp ấn này thì tất cả Thiên Nhân kêu gọi cùng đến. Hành giả hỏi về Pháp Tiên ấy thì mỗi mỗi trình bày đầy đủ.

• Thứ 26: QUÁN ĐỈNH THANH TỊNH ẤN CHÚ

Dựa theo ấn Ngũ Thông lúc trước. Bên trên chỉ sửa ngón trỏ đều nắm ngón cái sao cho đầu ngón trỏ dính nhau. Lại

đuôi thẳng 2 ngón giữa sao cho đầu ngón dính nhau, hướng lên trên đặt ấn chạm trên đỉnh đầu. Chú là:

OM ABHISIN CHATU MAM SARVA TATHAGATA.

Hành giả! Nếu tác ba Man Trà La đại Đạo Trường xong. Dùng Pháp ấn này tụng chú quán đảnh thì vô biên chúng sinh đều được thanh tịnh.

- Thứ 27: THỦY NẠN ẤN CHÚ

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của 2 tay cùng cài nhau, bên phải đè bên trái, dựng thẳng 2 ngón trở và 2 ngón út sao cho đầu ngón dính nhau, co 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. Chú là:

* OM - UDAYA SARVA DEVA - UDAYA - SVÀHÀ.

Tác Pháp ấn này thì nước chẳng thể cuốn trôi, tất cả Thủy Thiên đều quy phục.

- Thứ 28: HỎA NẠN ẤN CHÚ

Dựa theo Thủy Nạn ấn lúc trước, bên trên chỉ sửa 2 ngón trở, 2 ngón út đều cách nhau chừng 1 thốn, dùng THỦY NẠN ẤN CHÚ.

Người tác Pháp ấn này thì lửa chẳng thể thiêu đốt, tất cả HỎA THIÊN thủy đều quy phục.

- Thứ 29: PHONG NẠN ẤN CHÚ

Trước tiên đem ngón giữa, ngón vô danh của tay phải cùng cài vào trong bên trên lưng ngón vô danh của tay trái, 2 ngón trở và 2 ngón út tùy nhập vào đè trên tim ngón vô danh với ngón giữa của tay trái, ngón trở với ngón út của tay phải đè trên lưng ngón giữa, ngón vô danh của tay phải, 2 ngón cái

cùng cách nhau dựng thẳng ngược lòng bàn tay hướng ra ngoài. Dùng THỦY NẠN ẤN CHÚ.

Lúc tác ấn này thì tất cả PHONG NẠN chẳng có thể làm hại, Phong Vũ Thần Vương thấy đều quy phục.

- Thứ 30: THIÊN NẠN ẤN

Trước tiên đem ngón cái, ngón trỏ của tay phải vịn lóng thứ hai thuộc ngón trỏ của tay trái. Lại đem ngón trỏ, ngón cái của tay trái vịn lóng thứ nhất thuộc ngón cái của tay phải. Các ngón còn lại dựng đầu dính nhau và cùng cách nhau 1 thốn, chú dùng THÂN CHÚ.

Lúc tác ấn này thì được thấy việc trên cõi Trời TAM THẬP TAM tất cả Thiên Thần thấy đều quy phục.

- Thứ 31: TẶC NẠN ẤN CHÚ

Đem ngón trỏ, ngón giữa ngón vô danh và ngón út của tay phải móc ngược 4 ngón của tay trái, 2 ngón cái đều bung thẳng cứng. Chú là:

* OM SARVA DUSTA PRADUSTANA CHINDHAYA SVÀHÀ.

Lúc tác ấn này thì tất cả nạn giặc cướp thấy đều tự cột trời, chẳng có thể làm hại.

- Thứ 32: VƯƠNG NẠN ẤN CHÚ

Dựa theo Tặc Nạn ấn lúc trước, bên trên chỉ sửa ngón cái của tay phải móc lấy ngón cái của tay trái. Liền nói chú là:

* OM SARVA RAKSA DUSTANA SVÀHÀ.

Lúc tác ấn Pháp này thì tất cả dụng cụ gây khổ như đao, gậy... của nạn Vua chúa chẳng có thể làm hại được.

- Thứ 33: THÍ VÔ ÚY ẤN CHÚ (một tên là:TRỪ BỐ ÚY ẤN CHÚ)

Đứng dậy, đem cánh tay trái duỗi thẳng xuống dưới, 5 ngón cùng duỗi hướng xuống dưới, lưng chừng hướng về phía sau. Tay phải cũng vậy, đem chưởng hướng về phía trước như ban cho Cam Lộ là ấn Pháp của tay phải. Chú là:

* TADYATHÀ: TÀRE TUTÀRE TURE - ILAMDAYA RAKSA RAKSA MATU (xưng tên họ mình) SARVA DUSTA BHYAH - SATVA BHADRA BHYAH SVÀHÀ.

Tụng chú mãi 10 vạn biến. Lúc tác chú này thì tất cả chúng sinh có sự sợ hãi đều được an tâm không lo sợ.(Bản xưa thiếu chú này, ngày nay trong Bản này có chú)

- Thứ 34: PHÒNG ĐỘC NẠN ẤN CHÚ

Đem 4 ngón tay của 2 tay cùng cài ngược nhau, 2 ngón cái cùng dính đầu ngón. Lật chưởng hướng ra ngoài. Chú là:

* OM - PRAVISAYAYAM BANDHA BANDHA SVÀHÀ.

Nếu vào núi, cốc tác ấn chú này thì tất cả rắn độc, cạp, sói, sư tử, các cầm thú độc chẳng có thể làm hại được. Tất cả loại độc cũng chẳng thể làm hại.

- Thứ 35: CẦU THÔNG MINH ẤN CHÚ

Đem hai ngón cái đều vịn trên móng 2 ngón vô danh. Kèm 2 ngón út dựng thẳng cùng bắt lấy nhau. Đặt 2 ngón giữa cùng dính cạnh đầu ngón. Co 2 ngón trở đều phụ trên vành thứ 2 bên cạnh ngón giữa sao cho đầu ngón cách nhau 1 thốn.

Tác ấn Pháp này đặt ấn ngay trước trái tim, tụng THÂN CHÚ.

Nếu có kẻ Độn Căn (căn tính ngu độn) ví tác ấn này cúng dường ắt được như ý. Kẻ ngu độn phải làm 7 ngày. Thuở xưa, tại nước Pha Lê có 1 vị trưởng giả, tuy nhà giàu có lớn mà căn tính lại ngu độn. Nhờ Bạc Thầy y theo Pháp cầu nguyện trong 7 ngày liền được thông minh. Vị ấy 1 ngày tụng cả ngàn bài kệ, ngoài ra các điều chứng nghiệm thì chẳng nói hết được.

- Thứ 36: PHÁ ĐỊA NGỤC ẤN

Dem ngón giữa, ngón vô danh của 2 tay đều co vào trong lòng bàn tay sao cho lóng ngón chạm nhau, 2 ngón cái, ngón trỏ, ngón út đều cách nhau chừng nửa thốn, tụng THÂN CHÚ.

Lúc tác ấn này thì cửa Địa Ngục mở ra, và nhất thời các chúng sinh đang chịu khổ liền được giải thoát. Vua Diêm Ma La khởi tâm vui vẻ. Do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi thương xót chúng sinh nên nói Pháp này.

- Thứ 37: CẦU SINH TỊNH THỔ ẤN

Chấp 2 tay lại để ngang trái tim, đem 2 ngón cái đặt dính trái tim (Tụng THÂN CHÚ). Tác ấn Pháp này phải nhất tâm tụng chú, tùy theo niềm vui muốn sinh về cõi Phật nào thì tùy ý vãng sinh.

- Thứ 38: CỨU NHẤT THIẾT BỆNH KHỔ CHÚNG SINH ẤN

Dem 2 ngón trỏ và 2 ngón giữa cùng móc nhau bên phải đè bên trái, 2 ngón cái đều co ở trong lòng bàn tay. Dem 2 ngón vô danh với 2 ngón út đè đầu ngón của 2 ngón cái.

Hướng lòng bàn tay vào bên trong (tụng THÂN CHÚ). Phàm tất cả nơi bệnh khổ, vì kẻ bị bệnh ấy mà làm ấn Pháp này. Bao nhiêu bệnh khổ của vô lượng chúng sinh thấy đều trừ khử.

- Thứ 39: THỦ ĐỊA CHINH PHỤC TÀNG ẤN (Ấn lấy kho tàng trong lòng đất)

Dem 4 ngón của cả 2 tay đều cùng cài ngược nhau ngay trong lòng bàn tay, 2 ngón cái kèm nhau hướng xuống dưới chạm đất. Biết nơi có vật báu, tác ấn này xong, tụng THÂN CHÚ 108 biến thì THẮT BẢO THẦN ấy nhất thời cùng đến tùy theo mà hỏi đáp.

- Thứ 40: CẦU KIẾN (cầu thấy) QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ẤN

Dem 2 ngón vô danh và ngón út đều cùng cài ngược nhau, bên phải đè bên trái, 2 ngón giữa kèm dựng thẳng sao cho đầu ngón dính nhau, 2 ngón trỏ đều có lông thứ hai với lông thứ ba sao cho 2 móng tay chung lưng, 2 ngón cái đè trên lông tay của 2 ngón trỏ. Tụng THÂN CHÚ.

Tác ấn này xong, chí tâm tụng THÂN CHÚ, chuyên tâm chính mệnh. Bấy giờ, Quán Tự Tại Bồ Tát hiện thân ngay. Hành giả nhìn thấy liền sám hối mọi tội lỗi.

- Thứ 41: CẦU KIẾN PHẬT ẤN CHÚ

Dựa theo ấn trước, chỉ sửa ngón giữa của tay trái co vào kẽ tay của ngón vô danh với ngón trỏ của tay phải, ngón giữa tay phải đè trên lưng ngón giữa tay trái. Chú là:

* TADYATHÀ: ILI TÀRE - SVÀHÀ.

Bản của thầy Thông. Nếu tác ấn này, tụng chú này mãn 10 vạn biến thì 10 phương chư Phật đi đến vì hành giả mà xoa

đầu THỌ KÝ. Thầy Thông nói là tác ấn Pháp, mong được xoa đỉnh đầu Thọ ký. Sau đó, đều được thành tựu tất cả Pháp. Lúc tác ấn này thì mỗi lần đều có mùi thơm lạ bay đến.

- Thứ 42: TUYÊN TÂM THÀNH TỰU MÃN TỨC LỰC BA LA MẬT ẤN CHÚ

Hai bàn tay để ngược cùng chắp lại sao cho dính lưng nhau, vặn cổ tay hướng ra ngoài. Đem 2 ngón cái đặt ngay lông mày hướng xuống dưới rốn bụng. Liền nói là Chú là:

* TADYATHÀ: SARVA BUDDHAYA SARVA PRAJNA PÀRAMITAYE OM HARA HARA SVÀHÀ.

TADYÀTHA: MILI MILI TÀRE SVÀHÀ.

Lúc tác ấn này thì khởi tâm Bồ Đề, quán khắp tất cả chúng sinh giống như con đờ. Tác niệm này xong, chí tâm tụng chú mãn 10 vạn biến. Do Pháp lực ấy, tất cả chúng sinh thấy đều đầy đủ 6 Ba la mật, mãn trí ước nguyện. Hằng hà sa đẵng Chư Phật Thế Tôn của tất cả thế giới thấy đều vui vẻ.

- Thứ 43: TUYÊN TÂM CỤ TỨC NHẤT THIẾT CÔNG ĐỨC ẤN

Đem ngón cái tay trái co vào trong lòng bàn tay, 4 ngón còn lại nắm quyền đặt dưới nách bên phải. Tay phải cũng vậy lại hướng về phía dưới nách bên trái đặt dính, bên phải đè bên trái. Tụng THÂN CHÚ.

Tác ấn này xong, lúc tụng THÂN CHÚ thì tất cả vô lượng vô biên chúng sinh thấy đều đầy đủ tất cả công đức.

- Thứ 44: TUYÊN TÂM THÂN TỨC ẤN

Trước tiên co ngón giữa, ngón vô danh của tay trái vào trong lòng bàn tay. Lại đem ngón cái đè trên móng của ngón

vô danh và ngón giữa, thẳng ngón trở, ngón út duỗi rộng ra, liền tụng THÂN CHÚ.

Tác ấn này xong, dùng xoa 2 bàn chân thì 1 ngày đi ngàn dặm. Lúc tác ấn này thì ĐỊA THẦN mỗi lần đem đài hoa 7 báu nâng đỡ bàn chân của hành giả. Kẻ phàm phu mất thịt chẳng nhìn thấy, có điều phải sinh tâm Đại Từ Bi cứu hộ đùng vì cầu danh tiếng lợi dưỡng thì chắc cảm được vạn thần phò trợ.

- Thứ 45: KỶ (cầu đảo) NHẤT THIẾT NGUYỆN ẤN

Co ngón cái của tay trái hướng về lòng bàn tay. Lại co ngón trở cách đầu ngón cài khoảng 4,5 phân. Từ ngón giữa trở xuống, duỗi chung 3 ngón cùng bắt nhau. Đặt ấn nằm ngang sao cho cạnh ấn dính trên trái tim và đầu ngón tay hướng về bên phải. Tụng THÂN CHÚ.

Một Pháp ấn này lúc cầu nguyện thì trước tiên làm THỦY ĐÀN ngang dọc khoảng 4 khuỷu tay. Treo cá phượng, lọng mọi thứ trang nghiêm, ở trong Đàn đó đặt tượng Tuỳ Tâm. Ngay trước mặt tượng để 4 cái chén, trong 4 cái chén đó đều chứa 1 vị là Thạch Mật (mật ong), Sa Đường (đường cát), sữa, mật. Nên đựng các vật như vậy mà cúng dường. Rải mọi thứ hoa, thiêu đốt Trầm Thủy Hương cúng dường tượng. Xong đối trước tượng chí tâm bày tỏ sám hối. Tuỳ theo ước nguyện ngưỡng mong vầu thỉnh. Xong rồi ở trước tượng tác ấn. Dùng áo cà sa hoặc khăn sạch che phủ ấn đó. Tác Pháp xong, chí tâm tụng chú mãn 800 biến đừng nên duyên vào việc khác. Tụng chú này xong, tuỳ theo ước tâm, ước nguyện thấy đều vừa ý. Tuỳ theo việc lớn nhỏ 1 ngày cho đến 7 ngày, mỗi

ngày 3 thời: sáng sớm, giữa trưa, chiều tối y theo Pháp trước tác ấn nguyện cầu thành tựu, ngoại trừ kẻ chẳng chí tâm.

• Thứ 46: **TUỶ TÂM GIẢI NHẤT THIẾT QUỶ THẦN KIM CƯƠNG ĐẰNG PHÁP ẤN**

Chắp 2 tay lại sao cho lưng bàn tay dính nhau, đặt ngay trái tim, hiển tướng phần nộ, chí tâm tụng **THÂN CHÚ** lúc trước 14 biến. Lật gấp 2 bàn tay thành hợp chưởng, xong lại tụng 7 biến. Tụng 7 biến xong liền đem 2 tay mở nhanh. Lúc tác ấn này thì hay phá tất cả người tác Pháp, khiến cho bao nhiêu Pháp đã làm thủy đều chẳng thành,

Ấn này tức là Pháp ấn Giáng Ma thành đạo của Quán Tự Tại Bồ Tát. Xin bậc Thiện Tri Thức đồng tâm đừng lưu truyền cho người chẳng cùng căn khí. Nếu vọng lưu truyền thì thân sẽ bị tai ương. Lại nói rằng: “Người chưa trải qua ba Mạn Trà La Đại Pháp Đàn thì cẩn thận đừng cho nhìn thấy.”

• Thứ 47: **QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TUỶ TÂM MẪU ĐÀ LA NI ẤN**

Chắp 2 tay lại, đều dựng 10 ngón tay. Sao cho bên trong lòng bàn tay hơi để trống không và 2 cổ tay dính nhau, rồi đặt ngay trái tim. Ấn này là **KHÔNG TÂM HỢP CHUỖNG**, vận tâm đem tất cả hương, hoa, cúng vật có được trong 10 phương Thế giới dùng hết để hồi hướng cúng dường Đấng của Quán Tự Tại Bồ Tát không sai khác với **TÂM** của Quán Tự Tại Bồ Tát, tự nhiên cúng dường rộng lớn tràn khắp.

• Thứ 48: **TỔNG NHIẾP ẤN CHÚ.**

Ngửa 2 cổ tay cùng cài nhau. Ngón cái tay phải đè ngón cái tay trái. Tám ngón của 2 tay Cấp Nộ (nhánh chóng giận dữ) nắm quyền. Chú là:

* OM SARVA NAYOTHA MUDRAYA BANDHA BANDHA SVÀHÀ.

Tổng Nhiếp ấn chú này hay gom nhiếp tất cả nhóm ấn chú. Nếu người thọ trì ấn chú này, hết một hình chẳng được ăn ngũ tân, rượu thịt, hồ tiêu, vân đài, đừng dâm dục thanh tịnh, phạm hạnh, thường niệm danh hiệu Quán Tự Tại Bồ Tát, giữ tịnh giới, nhất tâm tụng chú này mãn 10 vạn biến xong sẽ diệt tội nặng của 8 vạn ức kiếp sinh tử.

- Nếu mãn 20 vạn biến thì sau khi chết sinh về nước Cực Lạc, nhìn thấy Quán Tự Tại Bồ Tát, được 4 quả vị, cho đến 30 vạn biến trở lên thì công đức chẳng thể luận bàn, không thể đo lường. Thân sau hành Bồ Tát Đạo, tiến dần dần thành Phật.

- Nếu mỗi ngày mới thức, dùng nước sạch rửa tay, súc miệng. Tụng chú, chú vào áo 3 biến rồi mặc vào, thì nơi đi đứng, nơi ngồi nằm chẳng gặp tai họa. Ác thần nhìn thấy liền mau lìa xa. Trong vòng 100 bước, người ác chẳng dám làm hại.

- Nếu lúc muốn ăn thời chú vào tất cả thức ăn rồi ăn thì 444 bệnh đều được trừ khỏi, sức lực tăng gấp 10 lần, cũng tịch trừ quỷ thần... nhập vào thân người hoặc nhiếp tâm thần của người chẳng cho niệm Phật, tụng Kinh. Khiến người vui nói không đâu, khiến người cống cao tự đại, khen mình chê người. Lúc luận bàn nghĩa lý chỉ tìm điều hơn người, muốn được lợi dưỡng và muốn được làm Thầy của người, làm Pháp chủ, khinh mạn Kinh Tượng, tham sân, ngu si, nằm nhiều, ngủ nhiều, hoặc vui, hoặc giận thất thường. Như vậy chỉ cần chú vào thức ăn, chú vào nước uống rồi ăn uống thì các nhóm ma, quỷ thần thấy đều chạy ra và tâm lại được thanh tịnh, trừ khỏi các bệnh.

- Nếu muốn đi xa, thì tắm gội sạch sẽ, thân mặc quần áo sạch, tụng chú 1 biến tự hộ thân, 2 biến hộ đồng bạn, 3 biến đều kết 4 phương pháp giới Mạn Đà la, 5 biến thì loài 4 chân và loài 2 chân đều đến quy kính, 6 biến vào sâu trong Mộ Địa đều không sợ hãi loài quỷ La Sát hung ác, 7 biến thì tất cả chúng sinh nhìn thấy đều vui vẻ.

- Nếu thân bị trúng độc trầm trọng thì chất độc ấy chẳng có thể hoạt động được. Liền sai Đồng nữ xe chỉ làm dây rôi thắt gút. Tụng chú, chú vào gút thắt, cứ 1 lần kết 1 gút cho đến 7 gút, xong đem buộc vào cánh tay trên chỗ trầm trọng liền được thân nhẹ nhàng, khí lực sung mãn.

- Nếu bị trúng thuốc sắp chết thì chú vào nước vẩy thân, đầu, mặt, ắt khỏi ngay lập tức.

- Lại có Pháp chú vào 4 cái Thạch Tử đặt nơi trú ngụ, kết giới 4 phương cùng tịch trừ tất cả. Muốn đi liền, thân giữ rồi đi.

_ Lại có Pháp chú vào cỏ ở 4 phương. Điều kết cỏ làm giới cùng tịch trừ tất cả. Muốn đi thì giải kết.

_ Nếu đến chỗ nào bị người lãnh nhục thì chú vào sợi dây trắng chú 1 biến thì kết 1 lần cho đến 21 lần nút thì người kia ắt tự hôn mê chẳng có thể tiến tới trước. Tác phép này thì xa lìa được người ác này cho đến cả giặc cướp. Khi đi xa rồi thì chú 1 biến cởi bỏ 1 nút, cởi bỏ hết 21 nút kết xong thì kẻ kia mới hồi phục như cũ.

Nếu chẳng có thể giải được tội hoặc không có dây trắng thì dùng vải áo, cỏ... cũng được.

_ Nếu có người ác khinh chê Pháp, lại có tâm ác, lời nói ác, tính ác, hành động ác, lấy tóc của kẻ ấy chú vào rồi ném vào trong lửa thiêu đốt thì người ấy bị tất cả mọi người dùng mắt hung ác mà nhìn, chẳng hồi tâm sẽ bị tổn hại.

_ Nếu gặp các nhọt ác thì chú vào đất sạch hoà với nước rồi bôi lên nhọt liền khỏi. Gân thịt bị sưng phù lên cũng làm như vậy.

_ Lại có Pháp dùng gỗ Bạch Trấp thiêu đốt. Lấy 2 loại gạo, hạt mè hòa nhau giã nhuyễn rồi lấy chút ít, chú vào cứ 1 biển ném 1 lần vào trong lửa thiêu đốt cho đủ 1008 biển. Một ngày làm 3 thời thì tự thân được gia tăng gia sức mạnh và sắc đẹp.

_ Lại có Pháp, vào lúc mặt trời chưa mọc và sau lúc mặt trời lặn dùng tay trái nắm lấy cám gạo rồi chú vào, cứ 1 biển ném 1 lần vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãi 1008 biển, ắt Ratnapāni: Bảo Thủ Bồ Tát vui vẻ kính tin. Các Phi Chủ còn lại cũng đồng theo cách này thì tất cả việc thiện mong cầu đều được tốt lành. Có điều chẳng được sinh tâm tham trước. Nếu khởi tâm tham trước mà làm thì Pháp chẳng thành.

_ Lại có Pháp lấy Hương Quân Đổ Lỗ (tức Huân Lục Hương) chú vào 3 biển rồi 1 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Tác Pháp vào 3 lúc: sáng sớm, giờ Ngọ, mặt trời lặn. Như vậy mãi 7 ngày sẽ được mọi thứ tài bảo quy về.

_ Lại có Pháp, chú vào hương hoa 3 biển rồi ném vào trong lửa thiêu đốt. Một ngày làm 3 lần. Như vậy mãi 7 ngày liền được y phục.

_ Lại có Pháp, vào ngày 8 tháng Bạch Nguyệt, giữ thanh tịnh giới, chú vào 1 nắm cơm gạo, cứ 1 lần chú 1 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãi 1008 biển ắt ngũ cốc trong nhà thường được dư dả, không bị thiếu hụt.

_ Lại có Pháp, chú vào rễ Xương Bồ 108 biển rồi ngâm vào trong miệng, ắt tất cả nơi ngôn luận với chốn quan phủ trình bày lý lẽ hoặc nơi đấu tranh thắng đều thắng kẻ ác.

_ Lại có pháp triệu, lấy An Tức hương hoà với dầu làm thành viên. Mỗi viên chú vào 1 biển rồi ném vào trong lửa

thieu đốt. Như vậy mãi 1008 biến, ắt tất cả Ma Ha đề bà (Mahàdeva: Đại Thiên) Đại Quý Vương với tất cả quý thần dưới quyền không có ai không quy phục.

_ Lại có Pháp cây Thọ Vương lúc trước làm củi để thiêu đốt thì mau mau chú vào Hùng Hoàng rồi ném vào trong lửa thiêu đốt, thì ngọn lửa ấy biến thành màu vàng ròng cũng như màu thuốc. Làm 7 ngày như vậy liền được vàng để dùng.

Lại nói rằng: “Chỉ có thuốc này thành vàng thôi”. Nhưng lấy sữa bò màu đỏ, con nghé màu đỏ khiến đồng nữ nặn sữa làm thành Lạc, làm Sinh Tố đổ lên trên thuốc đặt trong lửa để nguội rồi cắt từng đoạn mà lấy dùng. Đây gọi là BÍ PHÁP chẳng có thể vọng truyền. Lúc mua thuốc này chỉ nói 1 lời rồi lấy. Lại nói rằng: “Chẳng được trả giá cao thấp thì làm Pháp chẳng thành”.

_ Lại có Pháp, chú vào rễ Xương bồ 1008 biến, thường buộc trên cánh tay. Lúc đi ắt tất cả quỷ ác chẳng có thể xâm tổn.

_ Lại có Pháp, chú vào rễ Xương bồ 1008 biến, trì cho người giàu có liền được tài vật.

_ Lại có Pháp muốn được cầu tài. Lấy An Tất Hương chú vào 1 biến thì 1 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãi 1008 biến. Làm đủ 7 ngày.

_ Lại có Pháp, vào lúc dịch khí lưu hành, 4 phương thành ấp đều bị bệnh, thì tùy chọn 1 nơi làm Đạo Trường có 4 bờ rạch đều rộng khoảng 1 mũi tên. Ở trong ban đêm làm phép. Ban ngày 3 lần rải thực phẩm, ban đêm cũng dùng Bạch trấp làm củi để thiêu đốt. Chú vào sữa bò 1 biến thì 1 lần ném vào trong lửa thiêu đốt. Như vậy mãi 1008 biến rồi đi đến bên cạnh chỗ bị dịch khí ắt mọi bệnh thủy đều trừ khử.

Nếu hay vận tâm vòng khắp thì khiến cho địa giới của 1 nước được nhờ ân.

_ Lại có Pháp, sáng sớm thức dậy, tùy theo tâm vừa sức cúng dường xong, chỉ ở trước tượng Phật chí tâm tụng chú mãn 10 vạn biến rồi đi, chẳng cần phải làm Pháp khác, thì tất cả mong cầu, chỉ cần chú tâm tụng chú ắt được vừa ý. Bao nhiêu cấm chú của tất cả Ngoại pháp, dùng chú này chú đều phá chẳng cho thành vậy.

_ Lại làm chú Pháp, có mọi thứ việc chướng nạn khởi chẳng đúng thời, thì lấy cây Tử Sương làm cây nhỏ, Đinh tử. Lấy A Xoa Lợi thảo tử làm dầu. Xoa lên 1 cây đinh chú 1 biến rồi ném vào trong lửa thiêu đốt. Mãn 1008 biến. Trải qua 3 ngày tác Pháp ắt Tỳ Na Dạ Ca, loài quỷ gây chướng nạn đều bỏ đi xa.

_ Lại có Pháp, lấy lớp da mà rắn đã lột bỏ hoà với tro rồi thiêu đốt cũng khiến cho oan gia bỏ đi.

_ Lại có Pháp, chú vào tóc người rồi thiêu đốt trong lửa ắt khiến cho oan gia nam chẳng ra nam, nữ chẳng ra nữ. Lại khiến cho mọi người dùng mắt ác mà nhìn.

_ Lại có Pháp, nếu phụ nữ khó sinh lấy dầu sạch chú vào 3 biến rồi xoa lên sản môn thì dễ sinh em bé.

_ Lại có Pháp, muốn được hàng đứng hầu bên phải bên trái của Đại Tự Tại Thiên thuận với ta, lấy 1 miếng Bạch giao hương chú 1 biến ném 1 lần vào trong lửa thiêu đốt cho đến 1008 biến thì nơi làm chẳng dám trái nghịch.

_ Lại có Pháp, thọ 8 Tế giới, 1 ngày 1 đêm mặc quần áo sạch, tô đất làm Đàn Trường. Dùng lượng của mũi tên làm phương tiện. Như trước bày thực phẩm. Lấy cây con đang sống của Đại mạch, đủ 1008 thân cây, chú vào 1008 biến vào 6 cái lá nhỏ mới mọc của cây dương liễu, làm hình tượng con người, rồi cắt đứt từ đầu đến chân đủ 108 đoạn rồi hành tụng. Đứng cho đứt 1 phần nào, cứ 1 phần chú 7 biến liền ném vào trong lửa cho đến 108 đoạn. Liền duỗi tay trái hơ lửa trên

khởi để xông ướp nắm quyền. Tùy theo ý lựa chọn Hảo gia (nhà có bụng tốt) muốn họ đến thuận theo thì nơi người tốt liền dùng mắt của mình nhìn vào mặt họ, xong tự mình buông quyền ra, sẽ khiến họ tùy thuận chẳng dám làm trái sự yêu cầu của mình.

_ Lại có Pháp, làm Đạo Trường như trước, tắm gội sạch sẽ. Lại lấy cành cây rỉ ra chất nước màu trắng làm củi, chú vào rồi nhóm lửa đốt. Một ngày 3 thời dùng Huân Lục Hương ném vào trong lửa cho đến 1008 biến liền được 1 đồng tiền vàng. Mỗi 1 thời chú 1008 biến cho đến 7 ngày thì tùy ý mà dùng.

_ Lại có Pháp, làm Đạo Trường như trước, đến bờ sông lấy hương hoa thanh tịnh, 1 lần chú 1 lần ném vào trong nước cho đến 1008 biến. Làm xong liền được ít nhiều quần áo vừa ý.

_ Lại có Pháp, ở Đạo Trường tác Pháp như trước. Lấy Hồi Hương Tử, rễ Thiên Môn Đông, Bạch Xương Bô, hạt cải trắng, Đại mạch có lượng bằng nhau hoà chung 1 chỗ đem bỏ vào vật khí sạch. Một ngày 3 thời, mỗi 1 thời chú 21 biến. Trải qua 49 ngày xong thì sau đó bao nhiêu Thượng Nhân đều tùy thuận theo mình.

_ Lại có Pháp, muốn được lúa gạo vô tận, lấy 1 nắm lúa nếp, cây rỉ nước màu trắng thiêu đốt trong lửa, chú đến 1008 biến thì được.

_ Lại có Pháp, nếu vì người khác làm công đức thì tùy ý tất cả đều nên thỉnh tất cả chư Phật gia hộ cần phải TĨNH khẩu, Tara tụng chú này. Chú là:

NAMO BHATITRA NALITITRA SVÀHÀ.

Tụng đủ 21 biến, phàm muốn tụng chú tác Pháp nên chọn ngày 8, 14, 15 của tháng Bạch nguyệt mà làm, thì tất thấy đều thành tựu. Hành chú Pháp này phải ăn Đại mạch, sữa, mè hoặc dùng nước hoà với Đại Mạch nấu mì hoặc thuần quả

trái, hoặc chỉ khát thực như người tu Thiền, hoặc chẳng ăn, 7 loại như vậy chỉ nên ăn loại chẳng được ăn tạp. Một ngày 3 thời tắm gội mặc áo sạch màu trắng chẳng dùng Chú Pháp bất chính. Như vậy chú 1 biến thì hộ tự thân, 2 biến thì hộ được thân kẻ khác, 3 biến sẽ làm giới trường, 4 biến tùy mình tự tưởng làm giới trường, loài oán ác chẳng thể vào, 5 biến thì loài 2 chân, loài 4 chân đều bị chú đánh ngã, 6 biến thì vào được vào một trong tám nghĩa địa lớn, 7 biến thì được chúng sinh yêu mến, chẳng khởi niệm ác với mình.

_ Lại có Pháp, lấy chỉ màu xanh cứ niệm 1 biến thì kết 1 gút, 7 gút như vậy rồi buộc dưới rốn quấn quanh eo lưng của thân mình thì trừ được bệnh trĩ, kiết lị. Buộc ở cổ thì trừ được tất cả bệnh. Người bị thuốc độc chú vào cũng trừ khỏi. Nếu có người bị chết thì chú vào nước rưới lên thì liền sống lại. Nếu tự gánh trách nhiệm của kẻ khác, lấy 1 hớp nước chú vào 7 biến rồi tự uống. Chú vào kẻ bị gánh trách nhiệm thì người bị chết liền sống lại. Nếu chẳng sống dậy thì chú 40 biến liền đứng dậy, cho đến bị hại bởi độc của Đức Xoa Ca Long Vương thì cũng khỏi ngay.

_ Lại lấy Xương bồ chú vào 7 biến rồi buộc ở khuỷu tay, liền được thù thắng ngay tại chỗ.

_ Nếu người phụ nữ bị sưng cứng vú, chú vào bùn non 7 biến rồi xoa lên thì khỏi bệnh.

_ Chú vào sợi chỉ 7 biến rồi đeo tên cánh tay, thì kẻ khác tự hợp các thuốc độc đem đưa cho ta cũng chẳng thể làm hại được. Tất cả người nhìn thấy cũng chẳng dám đánh. Nếu bị độc của kẻ khác cũng có thể đi được.

Chú TARA này đều được tất cả chúng sinh cung kính, ở trong tỉnh thất đặt bày tượng Quán Tự Tại Bồ Tát, treo hoa màn, phướng, lọng, đốt Trầm thủy hương. Một ngày 1 đêm hành đạo, tụng chú 7000 biến dừng để tâm tán loạn. Nếu

muốn diệt tội thì ở trước tượng, quỳ dài xưng niệm. Đem hương hoa cúng dường tụng chú 1000 biến sẽ diệt được tội nặng trong vạn kiếp sinh tử. Tụng chú rồi chú vào tất cả người bệnh thì họ liền khỏi. Nếu muốn VẤN TRÌ chẳng quên thì lấy Xương Bò bỏ da, ghi khắc trong lòng. Trước tiên dùng tay nắm lấy tụng chú 40 biến xong đặt dưới chân tượng Quán Tự Tại Bồ Tát. Hành đạo 1 vòng 1 biến, chú 30 biến liền chéo tay lấy 1 lông. Liền ra cửa chẳng dùng nhiều người. Như vậy mỗi ngày 1 lần, cứ như trên trải qua 40 ngày cho đến khi hết các lông cây liền được VẤN TRÌ. Hãy cẩn thận chẳng được nhìn TANG HIẾU (khóc than) nếu nhìn thấy liền bị mất.

_ Nếu muốn thấy Quán Tự Tại Bồ Tát thì ở trong tỉnh thất dùng đất màu vàng làm đàn. Trên Đàn đặt 1 chén đèn, đèn được thấp bằng Tô, lại lấy chén bằng bạc đựng Thạch Mật, lấy hoa màu hồng rải phủ lên mặt nước sạch. Tắm gội thanh tịnh, kiên trì TẾ GIỚI, ở trong Thất tụng 1000 biến thì Đức Quán Tự Tại Bồ Tát liền đến ắt nhìn thấy hào quang, tướng lạ. Tùy theo câu nguyện điều gì thì Ngài đều ban cho,

_ Lại có Pháp, chú vào roi ngựa với gậy, 3 lần vẽ lên đất thì mặt đất sẽ tuôn nước.

-- Lại có pháp chú 31 lần vào lông con quạ, dấu trong nhà, oan gia sẽ chạy trong vòng 7 ngày, tụng:

OM TARE TUTTARE TURE CHALA PRACHALA
SIGHRAM GAMI DEVADHATTAN UCCTAYA HUM
PHAT.

Chú này tùy tâm cùng nhiếp quy. Một ấn này sư TRÍ THÔNG ở nơi Thầy Tam Tạng HUYỀN TRANG Pháp sư gần gũi thọ nhận. Thầy Tam Tạng biết ẤN QUYẾT này cho nên truyền cho sư TRÍ THÔNG, ở nước trung Thiên Trúc có Trưởng lão BẠT TRÀ NA LA DIÊN và nước DIỄM TÂN có Sa Môn HẠT NA LA tăng già đồng ở 3 HỘI MAN TRÀ LA

thọ trì Pháp giới này. Sau đó, nhận sắc triệu vào kinh, có tăng TRÍ THÔNG ở chùa ĐẠI TỔNG TRÌ nghe giải phiên dịch, cùng với 10 vị Đại Đức cầu xin ấn Pháp này, bèn lưu truyền phiên dịch. Sư THÔNG y theo làm ĐÀN trải qua 49 ngày như Pháp thọ trì thệ nguyện đều mãn túc, uy lực đã khác với ngày thường, cũng chẳng dám lưu truyền ở đời, cũng có số lượng 100 vị tăng là tụng chú sư ở bên cạnh Thầy THÔNG cần học Pháp này mà rất ráo chẳng hành, số người được ấn Pháp chẳng quá 3 vị. Thầy THÔNG tác Pháp này thì Đức Quán Tự Tại tự hiện thân, ngay bên ngoài chẳng có thể thuận đủ, chỉ y theo Bản Phạm phiên dịch ra. Tổng cộng có 47 món. Về sau người đồng hành Thỉnh ý Pháp tôn sùng.

Chú văn tuy ít mà công đức bù nhiều, rộng nói hết kiếp chẳng hết.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐẤT PHỘC ĐA LI TUỖ TÂM ĐÀ LA NI KINH.

Hán dịch: Chùa Đại Tổng trì – Sa Môn TRÍ THÔNG.

Đây là Bản khác (dị bản). Nội dung Kinh Bản như nhau chỉ khác biệt ở phần cuối Bản Kinh. Ngoài ra trong Bản này chỉ ghi 49 Ấn Chú (không có ấn chú Phụng thỉnh), lại ghi thêm câu chú NGŨ NHÃN THANH TỊNH, cách làm Đàn Trì bệnh, Pháp Ấn Cam Lộ và phần chú bằng chữ Tát Đàn. Nay chúng tôi chỉ dịch thêm phần Kinh mà bản số 1103 không có.

NGŨ NHÃN THANH TỊNH CHÂN NGÔN là:

OM SARVA CAKSU DHÀRA JATAYA SVÀHÀ.

Mỗi ngày, sáng sớm thức dậy, tùy theo khả năng mà cúng dường. Ở trước Tượng chí tâm tụng Chân ngôn này mãn 10 vạn biến, xong rồi đi lại và chẳng tác Pháp khác thì tất cả sự mong cầu không có gì không vừa ý, bao nhiêu Cấm Chú của tất cả Ngoại Pháp dùng Chú này đánh tan cho chẳng thành. Trước tiên tụng 30 vạn biến. Tara chân ngôn pháp này là lực thế nguyện của Đức Thánh Quán Tự Tại, giả sử trên thân có tội nặng Ngũ nghịch mà hay y theo Pháp làm thì chúng đều được tiêu diệt. Nếu được một lần làm ĐÀN PHÁP thọ trì sẽ được ứng nghiệm. Sau đó tùy Tâm tụng 3 biến hoặc 1 biến đều được thành nghiệm.

+ Quán Tự Tại nói về Đàn Pháp trị liệu tất cả bệnh

ĐÀN vuông 3 xích (3 thước Tàu). Cái thành chính giữa (trung thành) vuông 2 xích, thành bên trong (Nội Thành) vuông 1 xích. Tất cả đều nên đào bỏ đất như uest rồi đem đất sạch mà làm. Lấy bùn thấm chất nước thơm lấp bằng phẳng rồi lau quét sạch sẽ. Đem hột gạo, mọi loại màu sắc của lục tạp hoà với nhau làm hoa sen nâng đỡ tượng Quán Tự Tại. Ở Đàn Viện trong cùng (Tối nội viện Đàn) trên 4 góc đặt 4 toà Thiên Vương, nên vẽ vuông vẫn ở trên Đàn rồi làm. Đốt mọi thứ hương thơm tốt thượng diệu, hương Trầm Thủy. Thỉnh Phật, Bồ Tát với các Thiện Thần, xong rồi rải hoa và ngồi xuống tụng Chân Ngôn 108 biến. Liền nên phát nguyện làm điều thiện. Xong lại đứng dậy đốt hương, nhiễu quanh Đàn 3 vòng rồi lại ngồi xuống tụng Chân Ngôn 108 biến cho đến lúc đủ một vạn biến. Liền đứng dậy, ở vị trí bên cạnh cửa Nam đọc Chân ngôn vào cái bát khiến nó chuyển động liền biết ứng nghiệm. Trước hết thọ trì Pháp Dụng. Nếu đi đến nơi khác trị bệnh thì tùy Tâm tưởng niệm mà làm, tốt nhất là hãy làm đàn thì trị bệnh mau chóng ứng nghiệm.

(Các phép tắc trị bệnh giống như bản số 1103 nên không dịch)

+ Phần cuối Bản Kinh ghi là:

Đại Từ Bi Quán Tự Tại Bồ Tát bạch với Đức Phật rằng: “Thế Tôn! Đa Lợi Tâm chú này có công đức và uy thế chẳng thể luận bàn, hay đem sự an vui nhiều ích rất nhiều cho thế gian. Nếu có người trong bốn bộ chúng thọ trì thì tất cả đều yêu kính, được sinh về TỊNH THỔ chẳng lìa xa Bồ Tát. Nếu ngày đêm tụng trì thì con thường che giúp. Nguyện xin Đức Thế Tôn rủ lòng thương xót tất cả chúng sinh”.

Liền nói TUYÊN TÂM TẠO THỦY THIÊN TƯỢNG PHÁP. Dùng gỗ Bạch Đàn khắc làm hình tượng, thân cao 5 thốn tựa hình Thiên nữ, mặt có 3 mắt, đầu đội mào trời, đeo chuỗi Anh

Lạc trang nghiêm. Hai tay nâng viên ngọc báu Như Ý. Thân cao 2 thốn rưỡi cũng được. Làm tượng xong, đặt bên trong cái hộp gỗ, lấy gấm lục phủ kín rồi buộc ở cánh tay trái. Các nguyện tùy theo TÂM ĐÀN mà nhiếp tất cả Đàn.

Đàn rằng: Viện bên ngoài (ngoại viện) vuông 3 Xích, viện chính giữa (Trung viện) vuông 2 xích, Viện bên trong (Nội viện) vuông 1 xích. Tất cả đều nên đào bỏ đất như uế, liền lấy đất sạch mà làm. Lấy bùn thấm chất nước thơm nện cho bằng phẳng. Dùng cai sàng mà sàng lọc đá vôi rồi hoà chung với chu sa, đất đỏ hoặc bột gạo làm hoa sen nâng tượng Quán Tự Tại. Nếu không có Chu sa thì dùng đất đỏ cũng được. Ở viện trong cùng (tối nội viện) trên 4 góc đặt 4 toà Thiên Vương, nên vẽ vuông vẽ trên ĐÀN rồi làm, chỉ được đốt Huân lục Hương với Trầm Thủy Hương.

Trước tiên thỉnh Chư Phật, Bồ Tát với Thần Vương, xong rồi liền rải hoa và ngời xuống tụng Chú 108 biến. Liền nên phát nguyện làm điều thiện. Xong bèn đứng dậy, nhiễu quanh Đàn 3 vòng rồi lại tụng Chú 108 biến cho đến đủ một vạn biến liền đứng dậy. Ở vị trí bên cạnh cửa Nam, đọc chú vào cái bát khiến cho nó chuyển động liền biết ứng nghiệm.

Thoạt đầu, thọ trì chú pháp dụng. Nếu đi đến nơi khác trị bệnh thì tùy theo Tâm niệm tưởng mà làm. Nếu làm Đàn thì rất ứng nghiệm. Nếu không có vật bằng đồng dùng để rửa vẩy thì dùng cành dương liễu nhúng vào trong nước cũng được.

(Kế tiếp là phần Hộ Ma cũng giống như Bản Kinh trước nên không dịch)

Đa Lị Chú Pháp này là lực thệ nguyện của Thánh Chúng của Quán Tự Tại Bồ Tát. Giả sử trên thân có tội Ngũ Nghịch, Thất Giá... chỉ hay y theo pháp thọ trì, hành dụng thì tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt, mọi việc làm đều được vừa ý

và được thành tựu. Đừng nên vọng truyền ắt chịu ác báo khổ đau nơi cõi súc sinh, địa ngục.

+ Lại có CAM LỘ PHÁP ẤN

Dựng thẳng 2 ngón út, hai ngón vô danh phụ bên cạnh trên của ngón vô danh, mở đầu ngón cách nhau chừng 2 phân. Đan hai ngón trở quẩn trên lưng hai ngón giữa. Liền co song song hai ngón cái vào trong lòng bàn tay sao cho đầu ngón dính vào vằn giữa của hai ngón vô danh. Đem 2 cổ tay chạm dính nhau. Tiếp đưa gốc hai cổ tay đặt ở trên trái tim rồi hướng rũ xuống dưới ắt tất cả bệnh tật đều theo ẤN mà diệt. Tụng chú rồi nên thương xót tất cả loài quỷ đói bị đau khổ. Tác tâm ấn thì quỷ thần vui vẻ, tất cả đều được ăn uống no đủ dư thừa. Rất là hiệu nghiệm khiến cho tất cả không có các bệnh tật.

Nếu thường trì PHÁP ẤN này, liền vượt 10 địa qua các cõi Phật, Pháp này rất thâm sâu vi diệu chẳng thể luận đủ.

Pháp chân ngôn ấy hay diệt gốc rễ của tất cả tội. Nếu kẻ trai lành, người nữ thiện thọ trì chân ngôn này thì đời đời được 5 loại quả báo.

1/ Đời đời gặp Đức Thế Tôn, có túc mệnh, biện tài vô ngại, luôn được thanh tịnh.

2/ Khiến được Phật Nhãn.

3/ Sinh ra thường được 32 tướng không sai khác với TA

4/ Thường được ở trước Đức Phật .

5/ Hành xử ở Thế Gian đều được chấn động.

Bấy giờ Quán Tự Tại Bồ Tát nói Chân Ngôn Pháp này xong thì tất cả Đại Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di với các Trời, Rồng, Càn Thát Bà, A Tu La, Ma Hầu La Già, Khẩn Na La, tất cả chúng sinh... nghe nói Tuỳ Tâm Pháp này xong đều rất vui vẻ, phát VÔ SINH PHÁP NHÃN, làm lễ phụng hành.

QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT ĐẤT PHỘC ĐA LỊ TUỖ TÂM
ĐÀ LA NI KINH:

NAMO RATNATRAYÀYA
NAMAH ÀRYA VALOKITE'SVARÀYA.
BODHISATVÀYA
MAHA SATTVAYÀ
MAHÀ KARUNIKÀYA
TADYATHA: OM TARE TARE TUTARE TURE
TUTUTARE TURE SVÀHÀ.

PHẬT THUYẾT TARA BỒ TÁT KINH

*Hán dịch: Tây Thiên dịch kinh – Tam Tạng Triều tán đại
phu thí Quang Lộc Khanh – Minh Giáo Đại sư - Kẻ bầy tôi là
PHÁP HIỀN phụng chiếu dịch.*

Như vậy tôi nghe, một thời Đức Phật ngự tại núi HUÔNG TUÝ trong cung của ngũ kế Càn Thát Bà Vương. Nơi đấy có mọi loại kỹ nhạc, đàn và phát ra âm thanh kì diệu.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ngồi ở trong điện lớn cùng với các Bồ Tát Ma Ha Tát chúng đến dự. Lại có các Đại Thánh chúng đến tập hội, ấy là các chúng Thanh Văn Hữu Học, Vô Học cùng với vô lượng vô biên Trời, Rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Người, Phi Nhân.

Lại có vô lượng vô biên Bạc Thành Tụ Trì Minh, Trì Kim Cương, Kim Cương Thủ với trăm ngàn đẳng chúng Phần Nộ Vương, Trì Minh Vương.

Lại có đẳng chúng của đủ mọi loại Trì Minh, Bảo Kế Phật Đỉnh Luân Vương.

Lại có Tú Diệu, Mẫu Quỷ, Mẫu Quỷ Vương với các Trời Đế Thích, Phạm Thiên, Đại Tự Tại Thiên, Na La Diên Thiên, Khánh Tự Tại Thiên, Đại Hắc Thiên Thần, Đồng Tử Thiên, Dạ Ma Thiên, Thủy Thiên, Phong Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên và Ngũ Thông Thiên Nhân... đều đến dự hội làm cúng dường rộng lớn, vây quanh thừa sự, chấp tay cung kính.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở nơi chúng hội ví như núi Tu Di hiện trên biển lớn. Khi ấy Càn Thát Bà Vương cùng với 72

trăm ngàn nữ Càn Thát Bà tấu mọi loại kỹ nhạc đi đến chỗ Đức Phật, cúi đầu mặt lễ dưới chân Đức Phật, nhiễu quanh Đức Phật ba vòng, quay lại ngồi một bên rồi chắp tay hướng về Đức Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Nay con nguyện nghe về việc lợi ích. Nguyện xin Đức Thế Tôn vì con diễn nói. Đức Thánh Tara Bồ Tát kia tức là Tâm Từ của chư Phật Như lai, là Đại Minh Vương giáng ma tối thắng, là Đại Trì Minh, là Đại Luân Vương có đầy đủ thế lực lớn thâm sâu rộng rãi. Nguyện xin Đức Thế Tôn thương xót con với Trời, Người, A Tu La... khiến cho thường được lợi ích, an lạc mà diễn nói về 108 Danh của Thánh Tara Bồ Tát”.

Lúc đó Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của Ngũ Kế Càn Thát Bà Vương xong thì khen ngợi rằng : “Lành thay ! Lành thay Càn Thát Bà Vương ! Ông hay hỏi Như Lai về nghĩa như vậy khiến cho các Trời, Người, tất cả Chúng Hội được lợi ích lớn và được an lạc. Ông nên lắng nghe, hãy khéo suy nghĩ. Nay TA vì ông mà diễn nói thứ tự”.

Thời vị Càn Thát Bà Vương kia nghe Đức Phật nói xong liền tin nhận lắng nghe. Bấy giờ Đức Thế Tôn vì Càn Thát Bà Vương ấy với tất cả chúng hội, thoát tiên nói về THÁNH TARA BỒ TÁT ĐÀ LA NI là:

**** NAMO SAMANTA DARSI BHYAH SARVA
TATHÀGATEBHIAH----ARHATEBHIAH
SAMYAKSAMBUDDE BHYAH**

**NAMO BHAGAVATEYE - ÀRYA TÀRÀYE - OM
SARVA TATHÀGATA - TATHÀTA BHÙTA KOTI -
PARISHUDDHE BUDDHE - SARVA TATHÀGATA -
SARVA DHARMATA - GAGANA AMALA
VISHUDDHA DHARMATE - MAHÀ NÀYA PARIVARI
SVÀHÀ.**

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói Đà La Ni này xong, lại vì Càn
Thát Bà Vương với tất cả Chúng Hội diễn nói về 108 Danh
của Tara Bồ Tát mà nói kệ rằng:

Tara Bồ Tát này
Vốn từ chữ A sinh

Hoặc sinh các hành tướng
Chẳng sinh cũng chẳng diệt
Tướng này như Hư Không
Tuỳ ứng hiện Bản Tướng
Tướng MỘT, NHIỀU không ngại
Sắc tướng hiện vô biên
Thuần một Thể Thiện Tịch
Thường hiện Tướng huyễn hoá
Mật ngữ, Chân thật ngữ
Nhiếp lý Đại chân thật
Thường hành hạnh chân thật
Cho nơi không sợ hãi
Vắng lặng thường trừ giận
Lìa các khổ sợ hãi
Khéo pha lồng phiền não
Hay giải buộc TAM HỮU (ba cõi)
Đều lìa hẳn biển khổ
Hay làm Pháp thành tựu
Tự, Tha cùng thành tựu
Chỉ cho Pháp Tối Thượng
Tổng Trì Tự Tại Vương
Cũng từ Tổng Trì sinh
Cho nghĩa lớn Tổng Trì
Tương ứng Đại Tự Tại
Tâm Ý đủ tương ứng
Tướng tương ứng chẳng lìa

Định ý thường bất động
Có động đều lặng lẽ
Thường ngồi Toà Hoa Sen
Cũng từ Hoa Sen sinh
Mắt tịnh như Sen xanh
Thường làm mắt chúng sinh
Thanh tịnh rất thù thắng
TỪ NHÃN nhìn chúng sinh
PHẬT TUỆ NHÃN vô lậu
Đủ Đại Bi thuần nhất
Thường phát Tâm Đại Bi
Thường hành hạnh Đại Bi
Cũng từ Đại Bi sinh
Thường đủ Tâm Đại Bi
Xót thương kẻ khó phục
Dùng Bi giáng khắp cả
Bao nhiêu điều khổ não
Trừ khổ khiến vui vẻ
Vị Cam Lô Pháp Thí
Cứu khổ được an lạc
Làm trong mát biển khổ
Gọi là TỰ TẠI MẪU
Chiếu sáng khắp các cõi
Khuôn mặt sáng rực rỡ
Mọi ngọc báu, mào tóc
Sáng thanh tịnh viên mãn
Ma Ni, ngọc trang sức
Tóc kết màu mắt biếc
 Xoắn ốc xoay bên phải
Trang nghiêm thể VÔ VI
Người chẳng lành khiến lành

Tất cả nguyện đều tròn
Thân trang nghiêm khó sánh
Thiện Ý và Thiện Thệ
Vắng lặng thường an lạc
Đại lực như ý thông
Được các Ba La Mật
Khéo nói Pháp Bốn Đế
Khai mê, đại biện tài
Trong biển khổ huyễn hoá
Hiện thành tướng huyễn hoá
Cầm kiếm phá phiền não
Cung, tên và Tam Xoa
Gậy Bát Đật với thương
Đô Ma La Thước Đế
Một Ma La Kim Cương
Các khí trượng mọi loại
Quán nhìn chỗ cầm tên
Ắt không cho sợ hãi
Tay ném chày Kim Cương
Hay giáng phục quân địch
Sát hại hiện tướng Phướng
Đủ lực Trí Tuệ lớn
Khéo phá quân dũng mãnh
Làm tan phiền não ám
Đây là tượng Tôn Thắng
Khéo vượt biển luân hồi
Tối thượng đại cát tường
Thực tế trụ duy thực
Nghe tên xưng PHỔ BIẾN
Thường cho, nhận, kính, nguyện
Thắng mình lại thắng người

Thường hành hoan hỷ thí
Vi diệu tối thiện tịch
Đây tức Trí Như Lai
Ngửa trông báu Như Ý
Tướng Giới giữ CỤ TỨC
Dùng giới hành Chính Đạo
Phạm âm rất vi diệu
Tối thượng trong ba cõi
Một âm thanh vi diệu
Như Đại Tạng hư không
Khéo sinh các thế gian
Không tranh y nường cậy
Ba Thừa làm chỗ nương
Y hành Hạnh Ba Thừa
Năm mặt cũng năm mắt
Y năm Trí Tính sinh
Chính Giác thành Bồ Đề
Tức là Đại Chính Đạo
Tất cả mọi loại tướng
Thân thanh tịnh thù diệu
Đều tùy ứng hiện sinh
Soi đời như Tú Diệu
Tự hay đến Bồ Kìa
Cũng khéo độ người khác
Tùy ý hoá trăm ngàn
Cộng nhiếp các Nghĩa Thiện
Đầy đủ trăm ngàn phước
Thuần hoá nhất thế gian
Khéo bỏ mọi tiền tài
Mọi loại tướng huyễn hoá
Thế gian Đại tự tại

Cát Tường chư Thiên Tôn
Cầm hoa sen xanh diêu
Đủ Giới cho các nguyện
Vui thiện thường vắng lặng
Ánh lửa Tuệ Đại Tĩnh
Trừ sạch các ác chướng
Tất cả Ma Chủ kia
Cứu nạn ban an vui
Tâm bình đẳng vô đẳng
Trừ hết cả đấu tranh
Khéo lìa chết sợ hãi
Bộ Đa đến Đé Mẫu
Là làm Dạ Xoa Vương
Hiện thân làm Rồng lớn
Đủ trăm đầu ngàn mắt
Trăm lưỡi, tướng Đại Ác
Tâm vô úy chân thật
Đủ trăm ngàn chủng thắng
Địa Thiên khéo giữ đời
Thường vui lời vô úy
Trừ hết bệnh dịch độc
Hào quang lớn thù diêu
Vô cấu thường thanh tịnh
Tất cả THẾ GIAN MẪU
Giữ pháp lợi thế gian
Tối thắng Quán đỉnh vương
Sở Tác đều thực hành
Đủ mười Ba La Mật
Thường ở mười địa vị
Mười Pháp Thừa Tạng Hiển
Mười lý Đại Chân Thật

Trụ mười câu Kim Cương
Thành mười Pháp Biểu Sát
Mười Trí trừ ám tối
Mất Quán Thế Tự Tại
Đủ sắc tướng Đại Diệu
Ngang hư không vô biên
Hoặc hiện Ngũ Thông Tiên
Đủ Giới, tướng tự tại
Thân ly dục, Ứng Cúng
Thường an đạo Tịch Tĩnh
Chính Giác đã ca ngợi
Tara Bồ Tát này.

Bấy giờ Đức Thế Tôn nói lời kệ này xong, bảo Càn Thát Bà Vương với tất cả chúng hội rằng : “Đây là 108 Danh của Tara Bồ Tát. Ta vì ông diễn nói, các ông cần phải chí tâm thọ trì 108 Danh của Tara Bồ Tát với Đà La Ni, chư Phật đời quá khứ và vị lai đã thuyết và sẽ thuyết, vì lợi ích cho tất cả chúng sinh”.

Nếu có người trai lành, người nữ thiện phát tâm chí thành, vào buổi sáng tịnh hoặc vì mình vì người tụng 108 danh và Đà La Ni của Tara Bồ Tát cho đến niệm thâm (Mặc niệm) hoặc dùng 4 miếng lụa trắng làm thành nền vẽ tượng, hoặc trên bức tường sạch, y theo pháp dùng màu sắc tối thượng vẽ tượng Bồ Tát. Hoặc dùng gỗ Đàn Hương tạo hình Bồ Tát. Dùng tâm thanh tịnh tùy ý thực hiện. Sau đó ở trước tượng Bồ Tát bày mọi thứ cúng dường, một ngày ba thời chấp tay làm lễ, y theo pháp chí tâm quán tưởng. Tụng 108 danh với Đà La Ni này. Vị Tara Bồ Tát này có đủ thế lực lớn, tối thượng cát tường, cầu tiêu tan các tội, khéo phá quân Ma, nơi sơ thiện trung thiện hay phá pháp thành tựu ấy.

Nếu lại có người phát tâm chí thành, trì niệm một biến thì tất cả việc tốt lành, giàu sang với pháp thành tựu của người đó tùy theo nguyện đạt được vĩnh viễn không có chướng ngại, được bản thân chư hiền Thành thường ủng hộ. Lại được Trời, chúa Quỷ, Đại Hắc Thiên Thần, Tần Na Dạ Ca, Quảng Tự Tại Thiên... cho đến được chư Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, tất cả Phần Nộ Vương, Đại Uy Đức Minh Vương... hoặc nói lời là: “Lành thay! Lành thay thiện nam tử! Các người cầu nơi hạnh của chư Phật Bồ Tát sẽ sinh vào cõi Phật Tô Kha Phộc Đế”.

Lúc đó, Ngũ Kế Càn Thát Bà Vương vui vẻ nhảy nhót, tâm sinh tín trọng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy cởi mọi loại vật nghiêm thân, châu báu, ma ni, trân châu, bạc, vàng, anh lạc vô giá cúng dường Đức Phật, chấp tay cung kính chiêm ngưỡng Đức Thế Tôn rồi nói kệ rằng:

Lành thay! Thế Tôn
Kỳ đặc thiện thế!
Nên đem tâm bi
Cứu hộ tất cả
Mà hay vì con
Với nơi chúng tôi
Nói tối thượng này
Nghĩa của chân thật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói kinh này xong, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, các vị Thanh Văn, bậc Trì Minh, Đại Phần Nộ Chủ, tất cả Minh Vương, các chúng trời, người của Ngũ Kế Càn Thát Bà.... nghe điều Đức Phật nói đều đại hoan hỷ, tin nhận phụng hành.

THÁNH TARA BỒ TÁT

108 DANH ĐÀ LA NI KINH

*Hán dịch: Tây Thiên dịch Kinh – Tam Tạng Triều Tán Đại
Phu Thích Hồng Lộ Thiếu Khanh – Truyền Giáo Đại Sư – Kể
bây tôi là PHÁP THIÊN phụng chiếu dịch.*

Quy mệnh tất cả Ma ni Anh Lạc thù diệu trang nghiêm tối
thắng Đại Thế Giới TARA Đại Bồ Tát

Bấy giờ Tara Đại Bồ Tát vốn có Pháp Đà La Ni xa xưa rất
hiếm thấy nghe, nay nguyện ban bố diễn nói:

- 1) OM
- 2) TRAILOKYA
- 3) VIJAYA
- 4) AJITAM
- 5) JAYA
- 6) AJITAM JITA
- 7) JAYA
- 8) AJAYA
- 9) VIJAYA
- 10) MAHÀ JAYA
- 11) VIJAYA
- 12) JAYA JAYA
- 13) HI HI
- 14) SMARA SMARA
- 15) CALA CALA
- 16) VARANI VARANI
- 17) MAHÀ KARUNIKA DEVI

- 18) VIRASA VIRASA
- 19) VIRASA
- 20) VAJRA
- 21) MODA KALI
- 22) VIJAYA DEVI
- 23) HI HI
- 24) SYAM SYAM
- 25) VILAM MATI
- 26) SMARA SMARA
- 27) MAHÀ PRATIGHE
- 28) ANIVARITA
- 29) PRASARI
- 30) MAHÀ KARUNIKA
- 31) TARAM GHINI
- 32) HÙM HÙM
- 33) SPHAT SPHAT
- 34) AVISTAYA SAM VISTAYA
- 35) DHUNA DHUNA
- 36) VIDHUNA VIDHUNA
- 37) KAMPA KAMPA
- 38) KAMPA PÀYA
- 39) SURATI
- 40) GHAMTA
- 41) DHIVA SIDDHA MUKHE
- 42) HARA TÀRÀ TÀMARA
- 43) CANGHARJI NATI
- 44) MANIRU
- 45) VI'SANA VI'SANA
- 46) HI HI
- 47) BHAGAVATE
- 48) CANDRA SÀYA

- 49) VIGHNAM
- 50) PARIBHARAYA
- 51) SMAKAM
- 52) MADIDI MADIDI
- 53) DAMADI DAMADI
- 54) SAMVIDHANI
- 55) SAMVIDHAYA
- 56) MOHAYA SAM MOHAYA
- 57) HARA HARA
- 58) HILI HILI
- 59) HULU HULU
- 60) VIDHARATI
- 61) VIRÀJAHAM
- 62) VIRÀJAHAM
- 63) STRÙTAYA
- 64) STRÙTARYA
- 65) SASTRUTÀYA
- 66) SASTRUTÀYA
- 67) MARDA MARDA
- 68) DAMA DAMA
- 69) SAMALA SAMALA
- 70) KURA KURA
- 71) VIGA VIGA
- 72) VIGA VATI
- 73) NAMO
- 74) NAMAHA
- 75) SVÀHÀ.

Nói Chú này xong, bấy giờ Trời, Người, Dạ Xoa, Càn Đát Bà, A Tu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, La Sát, Bộ Đa, Tần Nẳng Dã Ca... nghe câu Đại Chú đều hoảng sợ che mặt, Đại thần lực chấn động, cầu xin xót thương cứu hộ, quy mệnh

tán thán Tara Bồ Tát: “mắt tịnh tu Tâm Hạnh rộng lớn chân thật, biểu thị cho tất cả Bình Đẳng của Ba Cõi, mắt tỏ ánh sáng TỬ như Ngài Quán Tự Tại, lợi ích cho chúng sinh như hoa sen hé nở.”

Khi ấy TỰ TẠI THIÊN VƯƠNG trật áo hở vai phải, quỳ gối phải sát đất với tất cả nhóm Trời, Người, A Tu La, Trì Minh Chúng... tập hội quỳ dài cũng đều như vậy. Bấy giờ Tự Tại Thiên Vương liền nói Chú là:

**Năng mô năng ma đất sa-muội đá la duệ nhĩ, bát đá văn
lị-tả tế phộc khát xoa đã, mặt-dã nỗ ba ma nhĩ phộc-diễm.
Năng ma sắt-tra thiết đá mẫu-dựng đá hàm, sa-phộc tất-đế
ca vĩ nhạ đã, tô thất-lị khát-sử, bát-la ty nhạ-noa, bát-la tế
thấp-phộc lị, i thấp-phộc lị, thất-tả tất-lị đã, ty sắt-ma tán
noa, ma hạ tả la phộc đế ba nạp-ma, năng ty tô tảo khát-
xoa na, tô lộ tả năng, vĩ xá lạc khát-sử, nỗ la nỗ la noa-dã,
tô khư na mặt la na lỗ ba na đất tha, năng tha năng tha, ca
lị náo nại-la, la đất-năng đất-la đã, vĩ xá lệ nỗ đất một-náo
sắt-nhĩ đá mặt-la năng khế la khát-đổ đất-bát la lộ tả năng,
nan na nan na, mặt la bát nạp-ma, bát nạp-ma bà bát nạp-
ma, đá la ca đất lại lộ chỉ-dã, na ma nỗ phiến đá ty ma vĩ
nga, ma hạ mặt la, na ma nỗ na ma nỗ, tái phộc xá lệ nỗ nỗ-
lị phộc la ba la, bát-la noa đá phộc nhật-lị vĩ nhạ duệ, bát-la
bà thấp-phộc lị vĩ la nhạ, ma la tái phộc vị địa thất-tán
nại-lị tô la phộc la lị-tức đá. A hộ đế, bát-la hộ đế, thất-tái
phộc phộc lỗ ni, tả lỗ phộc lị-tả sa phộc lỗ ni, dụ địa nỗ lệ
noa, bổ-nghiệt sắt-ba năng ma ma nỗ hạ lị đất-lị thi khư
đất lị, mặt lệ thất-tái phộc nhật-lị nỗ, đất-la đất-lị ma la ba
hạ đất-lị sắt-noa ba năng đã năng sa địa-vĩ đất tha sa la
thấp-phộc đế, ma đá bố sắt-trí na măng ni-dã, na tái phộc
bá ba hãn đế, vĩ xá la na đà năng na kiến đế na tảo ma-dã,**

tô lỗ bá tô câu tổ na li, ma dã ma dã, phộc đế nan đá nan
đá, lạc khất-xoa la tế, ma hạ lệ nễ na ma nễ tái phộc, na ma
năng na ma năng, ba hạ ca lệ kiến đế ma đất-bát-a nhạ-noa
đà phộc lộ ma na xả ma nễ đất tha tô khư, bát-la nhạ ba đế
đế-lị tha, một-la hám-ma phộc đế, một-la hám-ma na ba la
nhĩ xá-phộc lị tán nại-la, bát-la bà tán nại-la, mục khế tán
nại-la, kiến đất-dã ba lị hạ ni, tô lị-dã nhĩ bát-đế ha la, ma-
dã la ma ni, tô mục khế thi phộc khất-sử ma, vĩ cận-năng
năng xá nễ đà nễ-dã mang ni-dã tái đá tả đá bát-đá nhạ-
cảm, mô hạ na, bát-la bà bà dã, hãn vĩ, a bà dã na, đá la đá
la, địa ba năng năng, tát lị-phộc tát đất-phộc, nỗ ba la đá
bố nhạ-dã, vãn nhĩ-dã, bát-la sa na mẽ, nễ la kế xá, tô vĩ
xá tả la đất-năng ba la noa bộ sa noa bế đán, mặt la đà la
nhĩ vĩ thương lị-ngu nại-bà tất đồ, nhập-phộc la vĩ lỗ tả
năng, lỗ tả năng, đế la kiểu-dựng, đế la ca bế, phộc nhật-la
đà lị ni mạn noa la, nga-la đà lị ty ma, hám sa hám sa, thú
tức tất-nhĩ đá kế dụ la quân noa đà la, hạ la nhập-phộc la
ca la bế nễ, tô nhĩ khư la tả lộ, mục khế nỉ-dần năng năng
ty đà la, tô khế ma ni, bát-la ba ma ni, đà la ma ni, bộ sa
noa bộ sử đá ma ni, bát-la phổ nhĩ-dụ đá phộc đế ma tứ,
mạn noa la mạn noa năng nhĩ bát-đế kiến đế đà lị, phộc
nhật-lị năng la năng lị, bát-la vị đà nễ năng sắt-trí-lị, nan
noa đà-lị, tô ma-dã, một-la hám-ma vĩ nga tam ma, tứ đá
nga nga năng, tam ma nga nga năng, tả lị ni phộc la ba-bà
la hạ la, bát-la bà ca nhĩ nễ na ma nễ. Tát lị-phộc ca ma
câu-lỗ đà, bát-la ma lị-phộc ca tô noa đà lị nhạ trí não nại-
lị, một-la hám-nhĩ một-la hám-ma, xá-phộc la dã, nễ ca la
vĩ-dựng ca bà ni tô bộ-lỗ nhạ lộ kế, xá-phộc la câu la nga-la
nhạ nan ni nan noa phộc đế tán ni, phộc nhật-lị la đất-
năng, bát-la bà vĩ bộ sa noa, quân noa la ma la tam phộc đà

dã, đá dã ma-dã ma nỗ nỗ nga, vĩ nhĩ-dã đà lị, lỗ ba đà lị, mặt la ca lị, mặt la mặt la, đà la tái phộc, bát-la nhạ-noa thiết tát đát-la, bát-la hạ lị ni, ca la ca la, phộc đế tái phộc, bát-la nhạ ba la ma năng tát-đát tha hạ lị-nhĩ hạ lị-ma-dã, tô hạ lị-ma-dã, tả tán ba cung na ma bà tô la tân nga la sa ma xá-lị dã, nỉ sắt-nô ca la lệ ca la na ba nễ tô bà nga, bát-la lăm nhĩ nễ tái phộc đát tha tả hạ lị-số đát-ca tra câu la nỗ lỗ ba, đế mặt la phộc ngật-la câu-lỗ đà, bát-la sa na nễ vĩ-dựng nỗ, phộc nhật-la mục khế địa ma địa ca lị, bát-la nhạ-noa phộc lị-đà nễ mâu lệ, vĩ lộ tả nhĩ vĩ, tát lị-phộc nhĩ phộc địa ca phộc la. A năng già năng la dã ni ba ba hạ lị lạc khất-sử nhĩ, lăm nhạ phộc đế tít-lị dã, tô tít-lị dã, tít-lị dã, tán phộc sa tít-lị dã, tức sắt-tra tít-lị dã, phộc đế tít-lị dã, tít-lị đế ca lị tái phộc, tít lị-phộc đạt lị-ma, tam ma thất-la dã, một đà nễ lị-ma noa nễ lị-ma noa, ma năng bà năng dã nặm ca lị. Yết li-ma ngật-lệ xá, bát-la mặt thể nễ ca ma trại nễ-dã, bát-la mặt thể nễ na xả nhạ-noa năng đà lị vị đà na xả ba la nhĩ đá thất-la dã, na xả bộ nhĩ phộc thi, bát-la bát-đá ma hạ na xả mặt lộ nhạ-phộc la, phộc nhật-la lỗ ni, phộc nhật-la đà lị, phộc nhật-la tô sô-ma tô la, ma hạ ca la, phộc nhật-la tô ma năng na, phộc nhật-lãm câu thể tô khế bà trí, phộc nhật-la bá xả tô bá xả tả, phộc nhật-la ha sa-đá vĩ la tít nễ ma nỗ nhạ-noa ma nặm tán phộc năng ba la vĩ cận-năng, vĩ năng xả nễ, bát-la hạ la na nễ đế một-la mục khế ngật-lị noa năng tra ca nại lị-xá nễ, hạ la hạ la, bát-la bà đạt lị-nhĩ đạt lị-ma nan đá phộc lộ cát nễ. Năng mô sa-đồ đế, ma hạ nhĩ vĩ nhĩ bát-đá phộc nhật-la, ma hạ mặt la dã đát-noan di phộc nhật-la, sa lị ni bà sử đá mặt-lị đá phộc nhật-lị ni, sa-phộc hạ ”.

Lúc đó, Tự Tại Thiên Vương tán nói 108 danh này xong rồi lại bảo rằng: “Các ông! Tara Bồ Tát hay diệu nói”.

Khi ấy Tara Bồ Tát cầm đuôi ngọn lửa sáng (quang điểm) chiếu khắp mười phương rồi ghi nhớ lời của Đức Phật quá khứ. Tự Tại Thiên Vương với các Trời, Người chí tâm lắng nghe, tất cả Như Lai đủ mười lực lớn luôn tác ủng hộ. Có Hạnh Bồ Đề uy đức rộng lớn như thế cứu thoát các người khỏi sợ hãi lớn về nỗi khổ sinh tử trong vòng luân hồi, đến được bờ kia của NIẾT BÀN CỨU CÁNH khiến cho tâm phát HẠNH, tin nhận MINH PHÁP.

Bấy giờ có Đức Phật hiệu là QUANG ĐIỂM CHỨNG CHỨNG TRANG NGHIÊM NHƯ LAI lại nói về lực của Đại minh này là: “Đối với tất cả chúng sinh trong Thủy Tế làm sự cứu hộ lớn, đối với nơi Hắc Ám làm ánh hào quang lớn, đối với các tội chướng thì sinh ra căn lành. Đại Kim Cương Đà La Ni này nghe Đức Phật quá khứ làm hạnh tương ứng. Bạc Trí tâm được thanh tịnh, biến thành TAM MUỘI CÁT TƯỜNG TỐI THƯỢNG, tất cả lỗi ác đều tự tiêu trừ, tất cả tội nghiệp đều tự chẳng sinh. Nếu lại có người lắng nghe thọ trì, chuyên tâm đọc tụng như lời Phật nói thì tất cả sự nghiệp đều được thành tựu, tất cả phiền não đều được giải thoát, tất cả ước nguyện của chúng sinh đều được thành mãn, Như Lai pháp trí thế gian vô đẳng.

Nếu lại đọc tụng 108 Danh này thì Tara Bồ Tát cứu hộ dẫn Đạo, được thành tựu sở cầu chánh Giác. Nếu Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, Cư sĩ đứng trước chúng sinh thì họ thấy đều quy phục, hay phá tất cả mê vọng phiền não của thế gian”.

Bấy giờ Đức Phật ĐIỂM QUANG nói rằng: “Người ấy nhập vào Như Lai Tộc, là đẳng lực quang minh của chân Phật

Tử, hay giác ngộ Trời Người đủ lực tinh tấn, được đoan nghiêm tối thượng của Như Lai và có tên là ĐẠI SĨ, khéo giải lợi ích tối thắng của Pháp Tướng.”

Đức Phật ấy lại nói: “Xa lìa Tâm dục, vui với sự chẳng sinh của phiền não, khéo trụ nơi khoan khoái, phát tâm rộng lớn, an ổn trong đêm dài, Tara Bồ Tát yêu thích phòng hộ. Lại được tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần vui vẻ yêu kính như chưa từng có, đỉnh lễ chấp tay, đứng thẳng khen ngợi.”

KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH TARA BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP

Quy mệnh Du Già Tự Tại Vương
Khéo trụ nơi Tam Muội Như Huyền
Rộng khắp các do tuần sâu tịnh
Hay hiển mọi thứ tùy loại thân
Ta y LIÊN HOA VƯƠNG ỨNG MÔN
Mở bày Pháp Đại Bi Tara
Vì khiến tu tập các Tam Muội
Lìa xa Định “Vô Bi” Nhị Thừa
Mau đủ Thần thông Ba La Mật
Liên hay đốn chứng ĐỊA NHƯ LAI
Hành giả nên phát tâm PHỔ HIỀN
Theo Thầy nhận đủ giới Kim Cương
Chẳng nguyện thân mệnh vượt Tâm Bi
Liên hay thâm nhập LUÂN GIẢI THOÁT
Nên theo Thầy nhận Tam Muội Gia
Khế ấn, Mật ngôn như kinh nói
Kính A Xà Lê tướng như Phật
Ở nơi đồng học, tâm ân trọng
Hoặc ở sườn núi, A Lan Nhã
Sông suối ao đầm, nơi thích ý
Ngọn núi, hang hốc đá, bên cây
Xây dựng Đạo tràng như Pháp tắc
Trang nghiêm Tịnh thất đặt Bốn Tôn

Tuỳ sức cúng dường, nhất tâm trú
Quán khắp các PHẬT HẢI MƯỜI PHƯƠNG
Sám hối, phát nguyện đều như Giáo
Làm thành ba nghiệp của Kim Cương
Nên ở trong hai tay, lưỡi, tim
Tưởng chữ HỒNG thành chày NGŨ TRÍ
Do đây gia trì NẰNG TẮT ĐỊA
Tiếp đến kết khế tên CẢNH GIÁC
Hai tay đều nắm Kim Cương Quyền
Đàn Tuệ (2 ngón út) móc nhau, dựng Tiến Lực (2 ngón
trỏ)

Hai Độ dính nhau tên Khởi ấn

Chân ngôn là:

i. OM VAJRO TISTA HÙM

Tiếp, nên kính lễ A XÚC TÔN

Xả thân cầu thỉnh “BÁT THOÁI CHUYỂN”

Chấp tay Kim Cương duỗi trên đỉnh

Toàn thân chạm đất, dùng tâm lễ

Chân ngôn là:

* OM SARVA TATHAGATA PÙJA PASVANAYA
TMÀNÀM - NIRÌYA TAYÀMI - SARVA
TATHÀGATA VAJRA SATVÀ DHISTA SVAMÀM -
HÙM.

Tiếp, lễ Nam phương BẢO SINH PHẬT

Xả thân cầu thỉnh “QUÁN ĐỈNH VỊ”

Chấp tay Kim Cương đặt ngang tim

Cúi trán sát đất Kiên thành lễ.

* OM - SARVA TATHÀGATA PÙJA BHISE KAYA
TMÀNÀM - NIRYÀ TAYÀMI - SARVA TATHÀGATA
VAJRA RATNA BHISICA MÀM - TRÀH.

Tiếp, lễ QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG TÔN

Xả thân cầu thỉnh “TAM MA ĐỊA”

Chắp tay Kim Cương đặt trên đỉnh

Cúi miệng sát đất Kiền tâm thỉnh

Chân ngôn là:

* OM - SARVA TATHÀGATA PUJÀ PRAVARTTA
NÀYÀ - TMÀNÀM NIRYÀ TAYÀMI - SARVA
TATHÀGATÀ VAJRA DHARMA PRAVARTTAYÀ
MÀM HRÌH

Tiếp, quán Chư Phật khắp hư không

Nên kết trí ấn lạy dưới chân

Thiền Tuệ (cái trái + út phải) Đàn Trí (út trái + cái phải)
cùng cài ngược

Gối phải sát đất, đặt (ấn) trên đỉnh.

Chân ngôn là:

* OM VAJRA VIH.

Tiếp, dùng thành tựu diệu chân ngôn

Nguyện khắp chúng sinh đồng tất địa

Tất cả Như Lai khen ngợi Pháp

Đang nguyện gia trì mau thành tựu.

Chân ngôn là:

* OM - SARVA TATHÀGATA SAMSIÀM SARVA
SATVÀNÀM - SARVA SIDDHA YAH - SAM PADYA
TNÀ TATHÀGATÀ SCA ADHITISTA TNÀ.

Tiếp, nên thẳng thân ngồi kiết già
Tịnh trừ ba nghiệp khiến thanh tịnh
Các Pháp vốn có tính thanh tịnh
Nguyện khiến TA, NGƯỜI (tự tha) đều không như
Chân ngôn là:

* OM SVABHÀVA 'SUDDHA - SARVA DHARMA
SVABHÀVA 'SUDDHO HÀM.

Tiếp, kết LIÊN HOA TAM MUỘI GIA
Mười độ cài nhau buộc kiên cố
Nhấn nguyện (ngón giữa) hợp dựng như cánh sen
Tưởng thân đồng với TARA TÔN

Chân ngôn là:

* OM VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

Tiếp, kết cực HỖ TAM MUỘI ẤN
Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
Nhấn nhục, nguyện độ (2 ngón giữa) hợp giao giữa
Đàn Tuệ (2 út) Thiền Trí (2 cái) dựng dính nhau

Chân ngôn là:

* OM SAMAYA HOH SURATA STVAM.

Tiếp, nên khai tâm vào Phật trí
Gia trì hai vú TA (-vú phải) TRA (- vú trái)
Kết Kim Cương phộc để trước tim
Ba kéo khai tâm như mở cửa

Chân ngôn là:

* OM VAJRA BANDHA TRAT

Tiếp, quán đài hoa A TỰ MÔN
Hai điểm trang nghiêm thành Diệu trí

Thiền Trí (2 ngón cái) co vào Kim Cương phộc
Triệu chữ tuôn vào ở trong tim

Chân ngôn là:

* OM VAJRA VE'SA AH

Tiếp, kết MẬT HỢP KIM CƯƠNG QUYỀN

Dùng dây gia trì khiến kiên cố

Tiến Lực (2 ngón trỏ) vào ấn, trụ Thiền Trí (2 ngón cái)

Nên hay giữ vững chẳng lui mất

Chân ngôn là:

* OM VAJRA MUSTI VAM.

Tiếp, kết LIÊN HOA TÔI MA ẤN

Dùng dây tñnh trừ các chướng nạn

Nên dùng nghi Kim Cương hợp chướng

Tiến Lực (2 ngón trỏ) như nanh, dựng Thiền Trí (2
ngón cái)

Trong trụ TÂM TỬ, hiện uy nộ

Xoay phải ba vòng thành giới phướng

Chân ngôn là:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA DUSTAM
PRADUSTAM MA MA KRTE JAMBHAYA STAMBHAYA
MOHAYA BANDHAYA HUM HUM HUM PHAT PHAT
PHAT SARVA DUSTA STAMBHANI TARE SVAHA.

Tiếp, nên thẳng thân trú Tam Muội

Hai cánh (2 bàn tay) cài nhau làm Định ấn

Không giới, bụi, thân, các Phậ Hải

Cảnh giác khiến quán tâm chân thật

Chân ngôn là:

* OM CITTA PRATIVE DHAM KAROMI

Liên quán chữ A làm vành trăng
Cùng dùng chân ngôn khiến sáng tỏ
Chân ngôn là:

* OM BODHI CITTA MUTPADAYAMI

Tự tâm vốn có tính thanh tịnh
Nên diệu quán sát sen Kim Cương
Chân ngôn là:

* OM TISTA PADMA

Làm thành thanh tịnh một tướng nên
Dần khiến hé mở đồng Pháp giới
Đều hay tịnh khắp chúng sinh giới
Chân ngôn là:

* OM SPHARA PADMA

Vì khiến Tam Muội thành thực ngay
Đều khiến thu rút được Tự tại
Sen trí nhỏ dần bằng thân mình
Phát hào quang tịnh chiếu Tam Muội
Chân ngôn là:

* OM SAMHARA PADMA

Tiếp, dùng chân ngôn diệu kiên cố
Gia trì hay khiến chẳng lay động
Chân ngôn là:

* OM DRDHA TISTA PADMA

Chư Như Lai hiện ở hư không
Đều vào Giác hoa làm MỘT THỂ

Nên biết đấng đồng với Chư Phật
Bồ Đề kiên cố, thân Thệ nguyện

Chân ngôn là:

* OM PADMA TMA KOHÀM SAMAYOHAM
MAHÀ SAMAYOHAM - SARVA TATHÀGATA
BHSAM BODHI PADMA TMA KOHÀM.

Liên quán diệp hoa là Bản Tôn
Có thân thanh tịnh màu vàng lục
Ma ni, báu diệp làm châu lục
Mão báu, đầu đội VÔ LƯỢNG THỌ
Tay phải: ẤN DŨ NGUYỆN Thù Thắng
Tay trái cầm giữ hoa sen xanh
Trú ở Tam Muội nơi vành trăng
Toả khắp Từ Quang chiếu ba cõi
- Tiếp dùng CĂN BẢN THANH LIÊN ẤN
Tim, trán, họng, đỉnh, gia trì khắp
Chân ngôn là:

* OM TÀRE TUTÀRE HÙM

Tiếp, kết BẢO ẤN tự quán đảnh

Hai cánh (2 bàn tay) Kim Cương phộc kiên cố
Tiến lực (2 trở) Thiền Trí (2 cái) như hình báu
Trên trán gia trì, buộc sau đỉnh

Chân ngôn là:

* OM VAJRA RATNÀ BHSIMCAMÀM - SARVA
MUDRA MEDRPHÌRU VARA KAVACENA VAM

Hai tay như rũ giải HOA MAN

Liên tự mặc giáp kiên cố

Kết Kim Cương quyền duỗi Tiến Lực (2 ngón trở)

Tướng chữ OM (- trở phải) TUM (- trở trái) trên mặt
ngón

Tim, lưng, rốn, eo với hai gối
Họng, trán, sau đỉnh đều ba vòng
Đàn Tuệ (2 ngón út) buông trước rũ áo trời
Liên hay bền chắc không lay động
Nên đem hai cánh (2 bàn tay) vỗ ba lần
Đấy là Nghi ấn LIÊN HOA HỮ

Chân ngôn là:

* OM PADMA TUSYA HOH

Tiếp, nên nghiêm tịnh quốc thổ Phật
Vì muốn phụng sự các Như Lai
Để quán biển nước thơm vô tận
Trên sen diệu giữ HOA TẠNG GIỚI
MA NI, diệu báu dùng trang nghiêm
Vượt quá vật cúng diệu của trời
Hư không, chư Thiên là thứ năm
Ước muốn đều từ hư không sinh
Tâm vui cúng dường các Thánh chúng
Nguyện khiến Như ý, viên mãn khắp
Dùng chân thật này gia trì xong
Nên kết nghi Kim Cương hợp chưởng
Chân ngôn là:

* OM - GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH.

Đất báu trang nghiêm trên tòa sen
ĐỐT LỘNG TỰ MÔN thành Bản Tôn
Phóng hào quang tịnh hơn nhật nguyệt
Quyển thuộc Liên Hoa đều vây quanh

-Tiếp, dùng thỉnh triệu mật phương tiện
Triệu tập tôn thân vào trí thể
Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) buộc bền chắc
Tiến lực (2 trở) đều co như móc câu
Chân ngôn là:

* OM PADMA KU'SA KARSAYA MAHÀ PADMA
KURU HAYAGRVA SAMAYAM HÙM JAH

-Tiếp, kết Liên Hoa Sách Đại Ấn
Liên chưởng Trí (ngón cái phải) vào trong
Tiến Thiền (ngón trở cái, ngón cái trái)
Dùng mật ấn này với chân ngôn
Triệu thỉnh Bốn Tôn hay dẫn nhập.
Chân ngôn là:

* OM AMOGHA PA'SA KRODHA SAMAYE
PRAVE'SA PRAVE'SAYA SARVA SAMAYAM HÙM.

Tiếp, kết tay hoa làm TOẢ ẤN
Tiến Lực (2 ngón trở) Thiền Trí (2 cái) cùng móc kết
Dùng LIÊN HOA CHỈ LƯU ẤN này
Hay khiến Bốn Tôn trụ bền vững
Chân ngôn là:

* OM PADMA SAMKARE HÙM

Tiếp, kết LIÊN HOA LINH MẬT ẤN
Thiền Trí (2 ngón cái) co vào chưởng hoa sen
Dùng mật ấn này với chân ngôn
Hay khiến Bốn Tôn diệu hoan hỷ
Chân ngôn là:

* OM PADMA GAMTA DHÀRI SIGRAMA
VE'SAYA SAMAYA SAMUKHE AH.

Tiếp, dùng DIỆU GIÀ ĐÀ thích ý
Phụng trì ÁT GIÀ hiến nước thơm
Diệu âm tràn đến vô biên giới
Dùng gia trì này mau thành tựu

Chân ngôn là:

* OM ARYA TARA GURU BUDDHA BODHISATTVA
SAPARIVAREBHYO VAJRA ARGHAM PRATICCHA
SVAHA

Tiếp, nên rộng bày bốn Nội cúng
Chưởng hoa dựng cúng độ Thiền Trí (2 ngón cái)
Dùng LIÊN HOA HỖ HỖ này nên
Hay mãi BỐ THÍ BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM PADMA RATI PÙNIYE HAH.

Tiếp, kết LIÊN HOA MAN MẬT ẤN
Chưởng hoa sen trước duỗi cánh tay
Do hiến hoa man cúng dường nên
Sẽ mãi TỊNH GIỚI BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM PADMA GITA PÙNIYE GÌH

Tiếp, kết LIÊN HOA VŨ cúng dường
Tay hoa chuyển múa đặt trên đỉnh
Do Mật ấn này và chân ngôn
Mau đủ TỊNH TẮN BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM PAMA DRITYE PÙNIYE KRT

Tiếp, kết LIÊN HOA PHÂN HƯƠNG ẤN
Chưởng hoa buông xuống như đốt hương
Do uy lực của PHÂN HƯƠNG ẤN
Sẽ chứng TĨNH LỰ BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM DHÙPA PRAHLA DINI HÙM.

Tiếp, kết LIÊN HOA HOA cúng dường
Chưởng sen bung lên như hiển hoa
Do hiển hiệu hoa trang nghiêm nên
Mau chứng BÁT NHÃ BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM PADMA MUSTI HÙM

Tiếp, kết LIÊN HOA ĐĂNG MINH ẤN
Thiền Trí (2 ngón cái) sát mặt tay hoa sen
Dùng đèn sáng này cúng dường nên
Sẽ mãn PHƯƠNG TIỆN BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM PADMA SUTEJA GRI DHARMA LOKE
PÙNIYE PÙJAYA HÙM.

Tiếp, kết LIÊN HOA ĐỒ HƯƠNG ẤN
Bung chưởng trên tim như xoa hương
Dùng nghi mật ấn chân ngôn này
Hay mãn THỆ NGUYỆT BA LA MẬT

Chân ngôn là:

* OM PADMA GANDHE HÙM.

Tiếp, kết BỔN TÔN CĂN BẢN ẤN
Dùng ấn gia trì trên tim mình

Hai cánh Trí quyền cùng ngược lóng
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng
hợp nhau

Chân ngôn là:

* OM PADMA TÀRE HÙM

Tiếp, kết BÁT KHÔNG TARA TÂM
Dùng ấn gia trì ở trên đỉnh
Theo tướng CĂN BẢN MẬT ẤN trước
Sửa dựng Đàn Tuệ (2 út) khiến dính nhau

Chân ngôn là:

* OM VIPULA TÀRE HÙM

Tiếp, kết Bốn Tôn BẢO QUAN ẤN
Đem Đại Ấn này đặt trên đỉnh
Theo Tâm Ấn trước dựng Nhẫn Nguyên (2 ngón giữa)
Tiến Lực (2 ngón trỏ) co tránh lưng hai độ

Chân ngôn là:

* OM PRASARA TÀRE HÙM

Tiếp, kết CHÂN THẬT GIA TRÌ ẤN
Dùng dây hay triệu thỉnh tất cả
Theo ấn BẢO QUAN quán đánh trước
Chỉ đưa độ Tinh Tiến (ngón trỏ cái) qua lại

Chân ngôn là:

* OM AMOGHA TÀRE HÙM

Tiếp, kết TÔI PHÁ CHƯ MA ẤN
Dùng dây hay phục kẻ khó phục
Theo ấn Bảo Quan quán đánh trước
Duỗi thẳng Lực Độ (ngón trỏ phải) nhiều bên phải

Chân ngôn là:

* OM SAMAYA TÀRE HÙM

Tiếp, dùng Tụ Môn bày trên thân
Chữ OM trên đỉnh, TA trên trán
Chữ RE hai mắt, TU hai vai
Chữ TA ngay tim, RE ngay rốn
Chữ TU hai gối, RE hai bắp chân
SVA chân trái, HA chân phải.

BỐN MINH dẫn TÔN vào thân mình
Dùng dây gia trì không hai THỂ
Nên kết THANH LIÊN CĂN BẢN ẤN
Xưng tụng LIÊN HOA BÁCH TỰ MINH
Hai cánh Định Tuệ (2 bàn tay) cài chéo trong
Tiến Lực (2 ngón trở) Thiền Trí (2 ngón cái) dựng dính
nhau.

Chân ngôn là:

* OM PADMA SATTVA SAMAYA MANU PALAYA
PADMA SATTVA TVENO PATISHTA DRI DHO ME
BHAVA SUTO KHAYO ME BHAVA SUPO KHAYO
ME BHAVA ANU RAKTO ME BHAVA SARVA SIDDHI
ME PRAYATSA SARVA KARMA SUTSAME TSITTAM
SHRIYAM KURU HUNG HA HA HA HA HO
BHAGAWAN SARVA TATHAGATA PADMA MA ME
MUN TSA PADMA BHAVA MAHA SAMAYA SATTVA
AH.

* NAMO RATNATRAYÀYA

NAMAH ARYA AVALOKITE 'SVARÀYA BOHDI
SATVÀYA - MAHÀ SATVÀYA MAHÀ KARUNIKÀYA.

TADYATHA: OM - TÀRE - TUTTÀRE TURE -
SVÀHÀ.

Lại dùng chân ngôn gia trì châu (tràng hạt)
Nâng lên đỉnh niệm.

Chân ngôn là:

* OM VAJRA GUHYE JABHA SAMAYE HÙM.

Tiếp, trì số hạn kết thúc xong
Lại hiển ÁT GIÀ, tụng DIỆU TÁN
Đặt bày tám cúng, phát nguyện xong
Giải giới tướng TÔN về BẢN CUNG
Kết LIÊN HOA TAM MUỘI GIA trước
Trên đỉnh bung hoa, khiến lễ chân.

Chân ngôn là:

* OM KRTO VAH - SARVA SATVÀ RTHA -
SIDDHI RDATTAYA PÀDAGÀ GACCHATHAM
BUDDHA VISAYAM - PUNARAGA - MANAYATU -
OM PADMA SATVA MUH.

Dùng quyền tiến các Bốn Tôn xong
Gia trì quán đảnh, mặc giáp trụ
Kiên trú Bốn Tôn Tam Ma Địa
Tự ý dừng nghỉ hoặc kinh hành
Lại nên chuyển đọc MA HA DIỄN
Thường khiến Tịnh nghiệp chẳng gián đoạn
Sẽ được TARA hiện trước mặt
Thắng nguyện mong cầu đều viên mãn
Đời này được vào HOAN HỖ ĐỊA
Mười sáu đời sau thành Bồ Đề

PHÁP TU TRÌ “ THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU ”

*Tặng Hán: KIM CƯƠNG Thượng Sư Tây Khang NẶC NA
HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ truyền thụ.*

Kim Cương Thượng Sư Tây Khanh NẶC NA HỒ ĐỒ Khắc Đồ tại Nam Kinh đi đến xứ Lưu Tích truyền thụ 21 Pháp Thánh Cứu Độ Phật Mẫu. Lúc ấy trong hội có hơn 200 người thọ Pháp, mong nhờ Thượng Sư từ bi khai thị.

Lược dạy rằng: “Ta nhận lời thỉnh cầu của Pháp hội cần ngưng tai nạn, lợi dân cho đất Quảng Đông nên đem Pháp tu lúc trước hôm nay đặc biệt rộng truyền Đại Pháp Thánh Cứu Độ Phật Mẫu để cùng kết thắng duyên. Thánh Cứu Độ Phật Mẫu tổng cộng có 21 Tôn, giản xưng là 21 Độ Mẫu. Các Tôn này đều là Hoá Thân của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát. Tu Pháp này có lợi ích rất nhiều và công đức rất lớn.

Ngày nay trên thế giới xảy ra nhiều cuộc chiến tranh lớn, sự kinh sợ không còn xa: ánh sáng giết hại, khí độc, đạn phá, súng ống...giết người. So sánh với lúc trước lại càng mãnh liệt hơn. Hạn kiếp lâm đầu cần phải biết rõ.

Siêng năng tu Pháp này có thể miễn trừ được tất cả: Thiên tai, nhân họa, các tai nạn nguy hiểm về đất, nước, lửa, gió, không khí, và dùng tránh độc hại lại càng có công hiệu đặc thù. Ta từng bị trúng độc ba lần mà vẫn không sao là nhờ đã tu mãi Pháp này.

Pháp này chưa được rộng truyền ở Khang, Tạng. Tại trung thổ (Trung Hoa) trước đây chưa được nghe Pháp này lưu truyền rộng rãi. Nay do nhân duyên đặc biệt thù thắng nên mới rộng truyền. Rất mong các vị cư sĩ thọ pháp hãy giữ gìn tâm cứu mình cứu người, ôm ấp ý niệm lợi thế lợi sinh. Một truyền 10, 10 truyền 100, 100 truyền 1000, 1000 truyền vạn, vạn truyền cho đến vô cùng, ngày khác ắt được quả báo thù thắng. Có thể dứt lời được như vậy.

Có điều Pháp này tuy có thể truyền thụ cho người nhưng muốn tự mình được lợi ích, tăng thêm hiệu nghiệm thì chú Lục Độ Mẫu trong 21 Độ Mẫu hay tổng quát công đức của 21 Độ Mẫu hạn số ít nhất là 100 vạn biến. Còn lại chú Độ Mẫu của 20 Tôn thì mỗi chú phải niệm ít nhất là 10 vạn biến; nếu chẳng đủ thì không được. Nếu có thể niệm đủ chú của 21 Độ Mẫu thì công đức rất viên mãn, còn chuyên niệm chú Lục Độ Mẫu cũng có công hiệu đặc biệt. Lại như phụ nữ bị nhiều thống khổ, nếu thành tâm tụng chú này cũng có công hiệu kỳ diệu.

Công đức của Pháp tu, quan trọng nhất là Quán tưởng. Lúc niệm chú nên Quán tưởng ranh giới trái tim (Tâm Tế) của Lục Độ Mẫu là chữ Chủng tử với Tự Luân (Vòng tròn chữ) của chú thì công đức rất lớn. Nếu chỉ niệm tụng mà không quán tưởng, tuy có công đức nhưng hiệu nghiệm ít ỏi.

Chữ Tây Tạng tuy khó nhận rõ, xong lâu ngày nhận rõ một chữ cũng chẳng phải là việc khó. Giả sử chẳng có thể quán tưởng các chữ của Toàn chú và chữ của Chủng tử cũng chẳng quán được rõ ràng minh bạch thì chẳng thể được.

Nay, lược thuật Pháp tu trì của Lục Độ Mẫu như sau, còn Pháp niệm tụng chú Độ Mẫu của 20 Tôn còn lại có thể suy ra từ cách này.

Ngồi ngay thẳng thân mình, chẳng sinh một niệm. Trong khoảng sát na, tướng thân mình biến thành Lục Độ Mẫu đầu đội mào báu Ngũ Phật, ở đỉnh kế trong mào có Đức Phật A Di Đà ngồi (21 Tôn Độ Mẫu còn lại, nên quán trên đỉnh kế có Đức Phật A Di Đà ngồi hoặc là Lục Độ Mẫu). Lại quán ngay trái tim của mình có hoa sen, trong hoa có vành Nhật Nguyệt, vành Mặt trời màu hồng, vành Mặt trăng màu trắng. Chữ TÂM- Tức chữ Chủng tử chung của Lục Độ Mẫu và 21 Tôn Độ Mẫu có vị trí ở chính giữa vành trăng, mặt chữ xoay về bên trái, bên ngoài từ phía trước mặt xoay theo hướng bên phải có chữ của Chú Lục Độ Mẫu bao quanh mà lập thành hình Tự Luân. Chữ Chủng tử và Tự Luân của chú đều phóng ra ánh sáng màu xanh lục (nếu Độ Mẫu là màu trắng thì ánh sáng cũng màu trắng. Nếu Độ mẫu màu gì thì ánh sáng cũng màu đó) cúng dường chư Phật ở mười phương. Chư Phật mười phương cũng phóng ra ánh sáng tương ứng, bao nhiêu công đức của chư Phật đều tùy theo ánh sáng này quay lại nhập vào thân của mình. Thân, khẩu, ý của mình liền biến thành thân, khẩu, ý của Độ Mẫu. Lại từ chữ TÂM phóng ra ánh sáng chiếu khắp tất cả chúng sinh, tiêu diệt nghiệp tội và khiến cho họ lìa khổ được vui, muôn sự như ý, tất cả đều thành Độ Mẫu phóng ra ánh sáng tương ứng. Lại quán ánh sáng này quay lại nhập vào trong chữ CHŨNG TỬ của thân mình, ngay nơi ấy bắt đầu niệm chú, càng nhiều càng tốt. Khi niệm quán, bên ngoài Tự Luân có ánh sáng màu xanh lục theo phía trước mặt hướng bên trái xoay chuyển. Niệm xong đem công đức này bố thí cho tất cả chúng sinh tức là hồi hướng, như có mong cầu điều gì có thể lặng lẽ cầu khẩn.

Lại nữa, Thánh LIÊN HOA SANH ĐẠI SĨ chính là Đức Phật THÍCH CA MÂU NI hoá thân. Ngài là vị Tổ đầu tiên (TỊ TỔ) khai sáng Mật Giáo ở Tây Tạng, khai mở Pháp Mật

trong thời Mật Pháp, cúng dường Thánh tượng Đại Sĩ sẽ có công đức chẳng thể luận bàn, các vị Đại Thiện Tri Thức nếu có thể ở các nơi tạo nhiều tượng Liên Hoa Sanh Đại Sĩ, cung kính cúng dường ất tất cả tai nạn của đời này, đời sau có thể bị tiêu diệt, quả đức vô biên đều hay viên mãn. Sau khi chết tùy nguyện vãng sanh về Cực Lạc Quốc hay Tịnh Thổ của Ngài. Đại Sĩ căn bản chú:

OM AH HUM VAJRA GURU PADMA SIDDHI
HUM.

Tâm chú: OM PADMA VAJRA HUM

LỤC ĐỘ MẪU CHÚ TỰ LUÂN ĐỒ TÂY KHANG NẶC NA HỒ ĐỒ KHẮC ĐỒ THÂN NHƯ

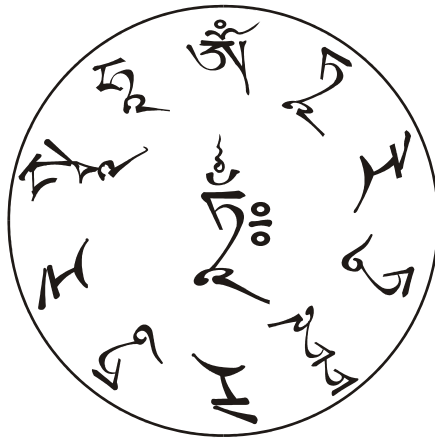
* Thuyết minh đồ hình thứ nhất:

a) Trong đồ hình chữ TÂM tức chữ chủng tử đứng thẳng ở chính giữa vành trăng, mặt chữ hướng về bên trái.

b) Tự Luân của Chú. Phía trước mặt, thứ nhất là chữ OM mặt chữ hướng về bên phải, đến phương hướng của chữ thứ hai với các chữ còn lại đều y theo phương hướng của chữ trước xoay theo bên phải làm hình vành xe (Luân hình) cho nên các chữ của Chú y theo đấy mà định phương hướng. Hình trạng an bày như ngựa chạy lên cao.

Ánh sáng màu xanh lục từ phía trước hướng bên trái xoay chuyển.

Chữ của Chú từ phía trước hướng theo bên phải an bày thành vòng tròn.



c) Đồ hình này an 4 góc trước, sau, trái, phải biểu thị cho SỞ QUÁN của Bốn Tôn. Đặt ở trước mặt hành giả dùng để lễ bái cúng dường.

Hành giả tu Pháp, lúc quán thân mình đã thành Bốn Tôn sẽ dùng phương hướng của tự thân làm: trước, sau, phải, trái.



* Thuyết minh đồ hình thứ hai:

a) Đồ hình này là chỗ dùng tác quán của hành giả tu Pháp, phương hướng của chữ chủng tử với sự an bày các chữ của Chú có thể tham cứu lời thuyết minh của đồ hình thứ nhất mà tự biết.

b) Quán ánh sáng màu xanh lục từ phía trước hướng về bên trái xoay chuyển. Chữ chủng tử với các chữ của chú đều đứng thẳng bất động.

c) Khi tu Pháp nên xem xét mức độ tác quán. Trước hết đem chủng tử với Tự Luân, quán tưởng rõ ràng. Lại quán từ chữ chủng tử với Tự Luân phóng ra ánh sáng cúng Phật, độ sinh. Khi niệm tụng, quán ánh sáng bên ngoài Tự Luân từ từ xoay chuyển khắp vòng rồi trở về như lúc ban đầu. Nếu

chẳng có thể quán tưởng thuần thực thì không nên quán ánh sáng xoay chuyển.

d) Khi tác quán, yếu lĩnh quan trọng là tập trung tinh thần quán chữ chủng tử của tâm tể (giới hạn của trái tim) rồi đến Tự Luân. Màu sắc của chữ chủng tử nên quan rõ ràng và đậm màu. Màu sắc của các chữ Tự Luân thì nhạt hơn. Màu sắc của ánh sáng với màu sắc của chữ đều nhạt.

1. THÁNH CỨU ĐỘ PHẬT MẪU

Bốn tôn ngồi bán già trên hoa sen có nhật nguyệt luân, hoa sen tám cánh màu hồng. Một chân co, một chân duỗi, tay trái và phải đều cầm hoa sen xanh dương. Đầu đội mào ngũ Phật, mặc quần áo lụa, quần trong dài ngoài ngắn, cổ đeo ba vòng anh lạc : chuỗi thứ nhất ở cổ, chuỗi thứ hai ở tim, chuỗi thứ ba ở rốn. Hai tai đeo hai khoen. Còn 20 độ mẫu kia cách ngồi áo mào cũng giống như Lục Độ Mẫu, chỉ trừ màu sắc là khác. Bốn tôn tức là Tara Quán Tự Tại Bồ Tát. Bốn tôn và chú là căn bản của các độ mẫu kia. Nếu thường niệm tụng hay đoạn luân hồi sanh tử, ma chướng; tất cả bệnh tật, khổ ách, thủy hoả, đao binh, đao tặc, các nạn; tăng trưởng thọ mạng phước huệ, cầu gì đều xứng ý, mạng chung được vãng sanh Cực Lạc, thành tâm thọ trì rất linh ứng, công đức rộng lớn không thể nghĩ bàn. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA

2. CỨU TAI ĐỘ MẪU:

Bốn tôn thân màu trắng, tay phải vô úy ấn, tay trái cầm hoa. Trì tụng bốn tôn chú hay trừ tất cả bệnh khổ và các nạn đất nước gió lửa. Đọc chú:

OM VAJRA TARE SARVA VIGHNAM SHANTIM
KURU SVAHA.

3. CỨU ĐỊA TAI ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu xanh biếc. Tay phải kết ấn thí vô úy, tay trái cầm hoa, trên hoa có chày kim cang năm chấu. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ được địa liệt sơn băng, tất cả các nạn do đất gây ra. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA SARVA LAM LAM
BHAYA SHANTIM KURU SVAHA.

4. CỨU THỦY TAI ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu hồng, tay phải kết thí vô úy ấn, tay trái cầm hoa; trên hoa có mặt kiếng. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ được các tai nạn về nước. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA SARVA VAM
VAM JVALA BHAYA SHANTIM KURU SVAHA.

5. CỨU HỎA TAI ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu vàng, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có thủy minh châu, từ trong xuất ra cam lộ. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ được các tai nạn do lửa gây ra. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA SARVA RAM RAM
JVALA BHAYA SHANTIM KURU SVAHA.

6. CỨU PHONG TAI ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu trắng, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có núi Tu Di, trên núi có bánh xe. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ được các tai nạn về gió. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA SARVA YAM
YAM JVALA BHAYA SHANTIM KURU SVAHA.

7. TẶNG PHƯỚC HUỆ ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu vàng, tướng oai mãnh. Tay phải cầm Như ý Bảo châu, tay trái cầm Thiết Câu, cán có bảo châu. Trì tụng bổn tôn chú hay có tài năng trí tuệ và thần thông. Đọc chú:

OM RATNA TARE SARVA LOKA JNANA VITYA
DHARA DHARA DHIRI DHIRI HRIM HRIM JAH JNANA
PUSTIM KURU OM.

8. CỨU THIÊN TAI ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu lục, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa; trên hoa có chày Yết Ma. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ sương tuyết lôi điện, tất cả các nạn do trời gây ra. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA SARVA MAHA
HAMA HAYA SHANTIM KURU SVAHA.

9. CỨU BỆNH TAI ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu xanh, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có kiếng đứng thẳng. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ đao thương, kiếm kích, binh khí, đạn dược. Pháp này

tu phải thành tâm trai giới, khi vào trận đao tiễn không hại được. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA SARVA TIG TIG
TIKSHAN RAKSA KURU SVAHA.

10. CỨU NGỤC NẠN ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu hồng, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có thiết câu. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ tất cả lao ngục gông xiềng. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE MAMA RAJA DUSTAM
KRODHA SHANTIM KURU SVAHA.

11. CỨU ĐẠO NẠN ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu đen, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có búa. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA CHORA BANDHA
TRIGTHUN SVAHA.

12. TẶNG OAI QUYỀN ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu hồng, tướng mạo vui vẻ, tay phải cầm hoa câu, câu hưởng lên, tay trái cầm dây lụa. Trì tụng bổn tôn chú được đại oai quyền, khiến người khâm kính, nếu vợ chồng bất hoà, tu pháp này khiến trở lại thương mến nhau. Đọc chú:

OM PADME TARE SANTARA HRIH SARVA LOKA
VASAM KURU HOH.

13. CỨU MA NẠN ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu đen, tay phải kết ấn vô úy thí, tay trái cầm hoa, trên hoa có hàng ma chùy 3 đầu. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ trùng mị tinh linh, thiên ma, địa ma, không ma, địa long v.v... Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA DUSTAM
VIGHNAM VAM PHAT SVAHA.

14. CỨU SÚC NẠN ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu xám đen, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có lửa cháy. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ được các thú không ăn thịt như voi, ngựa, trâu bị bệnh. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA HAM HAM
DUSTAM HARA HARA PHAT SVAHA.

15. CỨU THÚ NẠN ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu đen, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có lửa cháy. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ hổ, lang, sư tử, tất cả các động vật trên đất làm hại. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA HE HE CHALE
CHALE BANDHA SVAHA.

16. CỨU ĐỘC NẠN ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu trắng, tay phải kết thí vô úy ấn; tay trái cầm hoa, trên hoa có tịnh bình chứa đầy nước cam lộ. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ được tất cả các độc dược, độc khí, độc

trùng, thủy, hỏa, phong, không làm hại được hành giả. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA VISA CHALAYA
HARA HARA PHAT SVAHA.

17. PHỤC MA ĐỘ MẪU:

Bổn tôn thân màu đen, một mặt ba mắt, tướng cực hung, hai tay chắp lại, cầm hàng ma chùy, khi gặp nạn vị ấy đem chùy ra đánh, năng phá ma. Trì tụng bổn tôn hay hàng phục thiên ma ngoại đạo. Đọc chú:

OM KARMA TARE SARVA SHATRUM VIGHNAM
MARA SENE HE HE HE HO HO HUM HUM BHINDA
BHINDA PHAT.

18. DƯỢC VƯƠNG ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu vàng lục, tay phải kết thí vô úy ấn, tay trái cầm hoa, trên hoa có chủng tự AH sáng như mặt trời phóng quang như nước cam lồ, năng trừ bách bệnh. Trì tụng bổn tôn chú hay trừ các bệnh tật. Đọc chú:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA JNANA SARVA
DURGA PRASA MARAYA PHAT SVAHA.

19. TRƯỜNG THỌ ĐỘ MẪU

Bổn tôn thân màu trắng, tay phải kết thí vô úy ấn, tay trái cầm hoa, trên hoa có trường thọ bình, trong đầy nước cam lồ. Trì tụng bổn tôn chú hay tăng trường thọ mạng, trừ tất cả uổng tử cực ác.

-Trước Bạch Độ Mẫu kính lễ tán

Chính giữa hoa sen màu trắng tinh
Trên đó an bày toà Nguyệt Luân
Toà hiện KIM CƯƠNG DU GIÀ MẪU
-Trước THÍ NGUYỆN MẪU chí kính lễ
Mặt như tướng ánh sáng trắng thu
Thân Phật Mẫu tựa HẠO PHÁCH LUÂN
Mọi thứ trang nghiêm đầy đủ cả
Cầm hoa ỨU BÁT xin kính lễ
-Đầy đủ Thế Tướng mười sáu tuổi
Tất cả Chính Giác đều là con
Đảm đương ban bố tùy ước muốn
Xin kính lễ Cứu Độ Phật Mẫu
-Luân trắng tinh toả hào quang trắng
Trên tám cây cặm hiện tám chữ
Tất cả đồng với tướng xoay chuyển
Hướng trước cụ luân chí kính lễ
-Tất cả cõi nước đều thanh tịnh
Trong đó tràn đầy nhiều hoa báu
Đản sinh Phật Mẫu của ba đời
Trước Tôn Mẫu con xin kính lễ
-Thánh Mẫu, Độ Mẫu, Cứu Độ Mẫu
Tặng Ích Thọ Mẫu Như Ý Luân
Trước Phật Mẫu Tôn con cầu khẩn
Xin làm tiêu chướng Thọ Duyên con
Các đau buồn, khổ bệnh phát sanh
Cầu xin bảo hộ giúp con trọn đời
Các thành tựu thông thường và tối thắng
Ban bố cho con không dư sót
Trước Thánh Mẫu Tôn thành kính lễ
Xin thường ghi nhớ như mẹ con
Trước TÔN con cũng chí khẩn cầu

Xin Ngài cầm Từ Bi câu móc
Thắng thân Phật Mẫu như trăng sáng
Yếu diệu như thiện thể đoan nghiêm
Diệu tướng điểm tô báu vật đầy
Xiêm y báu công đức đầy vô lượng
Trên toà báu vành trăng hoa sen báu
Hai chân ngồi co duỗi bậc Pháp Vương
Hai tay, một mặt vui thư thái
Là Sinh Mẫu của ba đời chư Phật
Trước Phật Mẫu Tôn thường đảnh lễ
Đối trước Ngài dùng Diệu tán sâu xa
Xin giúp con tu Đạo được viên thành
Từ nay cho đến Bồ Đề quả
Xin tiêu trừ được mọi chướng duyên
Nguyện được đầy đủ mọi thuận duyên.

BẠCH ĐỘ MẪU CHÚ:
OM TÀRE TUTTÀRE TURE MAMA AYUS PUNYE
JNANA PUSTIM KURU SVÀHÀ.



Fig. 1. White Tārā. From a wood-block print by Roger Williams.

Trường thọ Bạch Độ Mẫu

20 **BẢO NGUYỆN ĐỘ MẪU:**

Bổn tôn thân màu vàng, tay phải kết thí vô úy ấn tay trái cầm hoa, trên hoa có bảo tàng; bên trong chứa đầy bảo châu. Trì tụng bổn tôn chú thì hay đầy đủ tài bảo hoặc trừ tất cả nghèo túng và các sự áp bức về kinh tế. Đọc chú:

**OM TARE TUTTARE TURE JAMBHE MOHE DANNA
MEDHI HRIH SVAHA.**

21. **NHƯ Ý ĐỘ MẪU:**

Bổn tôn thân màu vàng lục tay phải kết thí vô úy ấn tay trái cầm hoa, trên hoa có ngọc như ý. Trì tụng bổn tôn chú như châu mani, sự sự như ý, tùy nguyện sở cầu, không gì không thành, muốn cầu con thì tu Pháp này. Đọc chú:

**OM TARE TUTTARE TURE SARVARTHA SIDHI SIDHI
KURU SVAHA.**

Hai mươi mốt Độ Mẫu này, khi quán tưởng thì quán ngời; khi gặp nạn thì quán đứng. Câu chú **OM TARE TAM SVAHA** là tâm chú của tất cả các Độ Mẫu, niệm tụng là tổng nhiếp tất cả công đức Độ Mẫu.

Ngày 25 mỗi tháng là ngày của tất cả Độ Mẫu tập hội, lấy ngày này khởi đầu tu tập là rất tốt.

ĐỘ MẪU CHƠN NGÔN THẬP TỰ CĂN BẢN CHÚ:

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA

CỨU ĐỘ BÁT NẠN CHÚ:

**OM TARE TUTTARE SARVA PAYANA CHANA
SARVA DHIHKHO TARANI SVAHA.**

PHÁP HÀNH TRÌ LỤC ĐỘ MẪU THEO PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

I. QUY Y:

Phần khởi đầu:

Quy y, đánh thức tâm giác ngộ, và suy niệm về tứ vô lượng tâm

Phần này bắt đầu sự tụng niệm chính của nghi thức, đặt giai đoạn thiền định về phẩm hạnh tốt bên trong tương ứng với sự gia trì lực vật dụng kế tiếp. Như Ngài Tsongk'apa nói: “sau đó, hành giả đặt thân thẳng đứng, cổ giữ theo tư thế của một con công, thở chậm, mắt mở hé và hướng về đầu mũi, răng chạm nhau và lưỡi để lên vòm hầu – rồi hành giả quán tưởng toàn thể chúng sanh và tha thiết đánh thức tâm giác ngộ, suy nghĩ rằng “hãy giúp con đạt được toàn giác, đánh thức tâm đại bi để gánh vác việc giải thoát chúng sanh khỏi mọi đau khổ” và hành giả sẽ tích lũy khối lượng công đức với tâm an trú trong lời nguyện, rằng tất cả đức hạnh của hành giả thực hiện đều vì mục đích đạt được trí tuệ giác ngộ, rằng tất cả những đức hạnh nhờ đó được gia trì đều vì mục đích đạt được hạnh phúc vô hạn, ngay cả trong thế giới này.

Tất cả những hành giả cùng chấp tay lại và niệm 3 lần:

Chúng con và tất cả chúng sanh nhiều như hư không ngay từ lúc này cho đến khi chúng con đạt được địa giác ngộ, quy y đến những Đạo sư vinh quang và thiêng liêng, chúng con quy y đến những Bổn Tôn bảo hộ trong mandala; đến những chư Thiên; chúng con quy y những chư Phật gia hộ toàn vẹn,

chúng con quy y Giáp Pháp linh thiêng, quy y đến Tăng Đoàn cao quý.

Sau đó “đánh thức niệm giác ngộ” bằng việc tụng niệm 3 lần:

Vì lợi ích của tất cả chúng sanh, con mong đạt được đẳng cấp toàn giác của một vị Phật. Vì lí do này, con đi vào nghi thức phục vụ và cầu khẩn bốn tôn Tara cao quý linh thiêng.

Ở đây tâm giác ngộ này được ghi chú đặt vào một ngữ cảnh gây ấn tượng mạnh mẽ, một nghi thức hoá về động lực thần học cơ bản. Sự chuẩn bị đạo đức của tập thể này, sự tích lũy khối lượng công đức của họ - được mô tả lần nữa trong dạng vấn tất khi những hành giả một lần nữa chấp tay tụng 3 lần:

Cho đến khi giác ngộ, con quy y.

Đến Phật, Pháp, Tăng cao quý

Bởi những thực hiện nghi thức phục vụ và khẩn cầu này của con.

Mong con đạt được Phật tánh vì lợi ích của chúng sanh.

Cuối cùng, sau đó xả ấn và tụng niệm nghi thức vô song như dạng nghi thức bất biến của tứ vô lượng:

Cầu cho tất cả chúng sanh có được hạnh phúc và nguyên nhân tạo ra hạnh phúc.

Cầu cho tất cả chúng sanh thoát được đau khổ và nguyên nhân gây đau khổ.

Cầu cho tất cả chúng sanh kết hợp với cõi cực lạc thiêng liêng trong đó không có đau khổ.

Cầu cho tất cả chúng sanh an trú trong thanh thân vô hạn, thoát khỏi yêu thương và thù hận, gần và xa.

OM BODHICITTA UTPADAYA AHAM (7 LẦN)

Lời nguyện đến Đạo sư Gốc (Khai Mật Tạng Đại Pháp Vương Kusum Lingpa)

Om Svati ! Sarva Mangalam !

Tri Giác bốn nguyên thanh tịnh là hồ Sindi xứ
Orgyen.

Nơi tâm đài sen, diệu hữu của Chân Không là
Phổ quang minh bất nhị tự Kim Cang tánh của Tam
Thân Phật,

Thị hiện như huyễn thành Tôn Sư Liên Hoa Sanh,
Bất khả phân với đàn tràng tổng nhiếp tất cả chư Phật.
Hỡi tập hội Quy Y Pháp Vương bất thối, xin hãy chú
tâm!

Hiển mật bất nhị chính là tinh yếu của Phật Pháp.
Đấng Pháp Vương lừng lẫy với hạnh nguyện quảng
đại như biển cả hoàng dương Giáo Pháp vi diệu.
Ngài, bậc Tôn Sư cứu độ chúng sanh trong tam giới,
Chính là Vị Thủ Hộ Chủ, Ứng Hóa Thân Khai Mật
Tạng Đại Pháp Vương Orgyen Kusum Lingpa.
Ngự trên tòa Kim Cang sư tử tuyệt vô úy,
Ngài kiên trụ bất hoại như Mật ấn bất nhị của trí và
dụng,

Với trang phục là áo giáp đại thế nguyện
Hào quang chiếu diệu bởi vô lượng Công hạnh Giác
ngộ của Ngài

Làm nở bừng đóa sen tín tâm trong lòng vô số chúng
sanh cần được điều phục.

Nhất là các tâm Mật tạng quý báu của Đức Liên Hoa
Sanh

Dành cho thời Hiền Kiếp được Ngài khai truyền cho những đệ tử đã tạo phước duyên từ đời trước.

Nguyện cho lời tán thán đầy phúc lạc này được quảng dương khắp mọi phương!

Nguyện cho chuỗi hóa thân Liên Hoa của Ngài sẽ đời đời kiếp kiếp tự hộ và độ tha

Cùng trưởng dưỡng chúng con với lòng từ bi tha thiết của Ngài.

Nguyện cho tâm thể bất động của dòng truyền thừa Giác ngộ Chân đế được chứng đạt!

Bản thể của tâm chính là thật tánh như thị vô tác thậm thâm,

Do thần lực bởi chân lý bất hoại của vạn pháp tương duyên,

Và do nhân duyên tạo nên bởi ước nguyện thanh tịnh của đệ tử cùng các hành giả khác,

Mong rằng những lời cầu nguyện này được mau chóng thành tựu không chút chướng ngại!

OM AH GURU VAJRADHARA VAGINDRA
SUMATI SHASANA DHARA SAMUDRA SHRIBHADRA
SARVA SIDDHI HUM HUM (21 lần)

Lời nguyện này được viết bởi Tri Minh Vương Hungkar Dorje, hóa thân của Tôn Giả Do Khyentse Yeshe, là một Tỳ Kheo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nguyện công đức tăng trưởng.



***b. Tán thán cầu thỉnh Tổ sư sáng lập dòng phái:
Liên Hoa Sanh Đại Sĩ***

Kỳ diệu biết bao! (E Ma Ho) Trong không gian trước mặt
con, ở giữa những con sóng ánh sáng cầu vồng,

Là Đạo sư Padma Tho-Treng Tsal (Liên Hoa Sanh)

Được vây quanh bởi một đại dương “Các Bậc Năm
giữ Trí huệ” của Ba Dòng Truyền Thừa.

Trong “bản thể” này mọi nương tựa (quy y) được nối
kết.

Hung! Ở biên giới Tây Bắc xứ Orgyen,

Sinh ra trong nhụy hoa sen.

Được phú cho sự thành tựu kỳ diệu nhất.

Lừng danh là Đấng sanh-từ-hoa-sen,
Được vây quanh bởi thánh chúng Dakini.
Để tiếp bước theo Ngài, con thực hiện hạnh của Ngài.
Xin Ngài đến đây và ban các ân phước.
GURU PADMA SIDDHI HUNG !

c. Quán Tưởng:

Ngài có nước da trắng hơi hồng và vẻ mặt tươi trẻ,
Ngài được tô điểm trong một áo choàng, Thượng y
của nhà sư, và áo gấm kim tuyến không tay.

Với một mặt, hai tay, Ngài ngồi trong tư thế du hí của
bậc vương giả

Trong tay phải, Ngài cầm một chày kim cương, tay trái
cầm bình trường thọ trên một cốc sọ người.

Trên đầu Ngài đội mào Pad-ma'i Nyen Shu (mũ
mềm của Padma)

Ngài ôm biểu tượng đại lạc và tánh Không siêu việt

Chiếc chìa ba linh thánh trên vai trái uy mãnh

Ngài an tọa giữa những cầu vồng, những tia sáng và
các giọt ánh sáng chói lọi.

Trong các vòng bên ngoài là mạng lưới ánh sáng ngũ
sắc vi tế

Hai mươi lăm hóa thân, nhà vua và các thần dân
đang an tọa;

Các Học giả, Hiền triết và những Bậc Năm giữ Trí
Huệ của Ấn Độ và Tây Tạng;

Các Dakini, Hộ Pháp và những Bạc Trì-giữ Giới Nguyên, tất cả đều tụ hội như những đám mây.

Hãy quán tưởng các Ngài trong trạng thái Buông Xả Vĩ Đại của sự Chói sáng và Tánh Không.

Sau đó hãy quán tưởng từ giữa trán của Ngài là chữ OM () màu trắng phát ra một luồng ánh sáng trắng phóng vào trán của hành giả, kế đến là chữ AH () màu đỏ từ luân xa cổ họng của Ngài phóng ra một luồng ánh sáng đỏ vào cổ họng của hành giả, kế tiếp là chữ HUNG () màu xanh dương đậm từ luân xa tim của Ngài phóng ra một luồng ánh sáng màu xanh dương đậm vào tim của hành giả. Cuối cùng cả ba luồng ánh sáng trắng, đỏ, xanh dương từ ba nơi kể trên của Ngài phóng cùng lúc vào ba vị trí tương ứng của hành giả.

d. Niệm Chân Ngôn:

OM AH HUNG VAJRA GURU PADMA SIDDHI
HUM (108 biến)

(Túc số bài chú này 2 triệu biến, hành giả không bị tái sanh nơi ba cõi thấp)

Xin quán đánh từ Đạo Sư: (thanh tịnh Thân, Khẩu, Ý).

OM AH HUM VAJRA GURU PADMA SIDDHI
HUM VAJRA GURU KAYA VAK CHITTA SIDDHI
HUM (21 biến)



ĐẠO SỨ LIÊN HOA SANH

Quán chủng tử của Lục Đô Mẫu Tara:

Quán tướng chữ OM () màu trắng trên đỉnh đầu của Ngài, chữ AH () màu đỏ ngay cổ họng, chữ HUM () màu xanh dương ngay tim (giữa ngực), trên một mặt trắng và một hoa sen chủng tự TAM () màu xanh lục ở ngay giữa.

Câu thỉnh Trí Hữu Tình:

Từ chủng tự TAM đó, ánh sáng chiếu ra rực rỡ, triệu thỉnh trí hữu tình – hoàn toàn giống như quán tướng nguyện hữu tình trước đó – từ phạm vi vô tận của Núi Potala, “nơi an trụ



LỤC ĐỘ MẪU TARA

tự nhiên” của Ngài bao quanh bởi vô số Đấng TARA
thiên liêng.

Tới đây, hành giả cầm chuông và chày lên rung chuông
khi niệm VAJRA – SAMAJA ! (ba lần) sau đó niệm bài kệ
(hoặc hát theo một nhịp điệu chuẩn thích hợp), rung chuông
vào lúc cuối mỗi dòng, chấm dứt bằng một hồi chuông lớn
khi gọi tên Ngài:

Từ nơi cao nhất của Potala,
Sinh ra từ chủng tự TAM màu xanh lục,
Cứu vớt chúng sanh với ánh sáng của chữ TAM,
Tara và quyến thuộc: con cầu khẩn Ngài đến !
ARYA – TARE !



JAH H



HUM H



HAM H



HOH H

Sau đó với bốn ấn và mantra JAH HUM BAM HOH !
Triệu thỉnh trí hữu tình, thể nhập, kết nối, hoà tan vào nguyện
hữu tình, chuyển năng lực thực sự của bốn tôn vào sự quán
tưởng, họ chắp tay thành kính đến bốn tôn và nói: “ do đây
Tara và quyến thuộc hòa tan vô hình vào nguyện hữu tình.”

Niêm phong với quán đảnh:

Bước cuối trong Tiến Trình Phát Sanh là sự quán đảnh của
bốn tôn, niêm phong hình tướng và năng lực, và vì mục tiêu
này gia đình ngũ trí Phật được cầu thỉnh: “một lần nữa, ánh
sáng chiếu ra rực rỡ từ tâm Ngài và triệu thỉnh ngũ trí Phật
cùng các quyến thuộc.” Chư Phật hoan hỷ với VAJRA –
SAMAJA ! và cúng dường đến các Ngài với những thủ ấn
thích hợp:

OM VAJRA ARGHAM AH HUM !

OM VAJRA PADYAM AH HUM !

OM VAJRA PUSPE AH HUM !

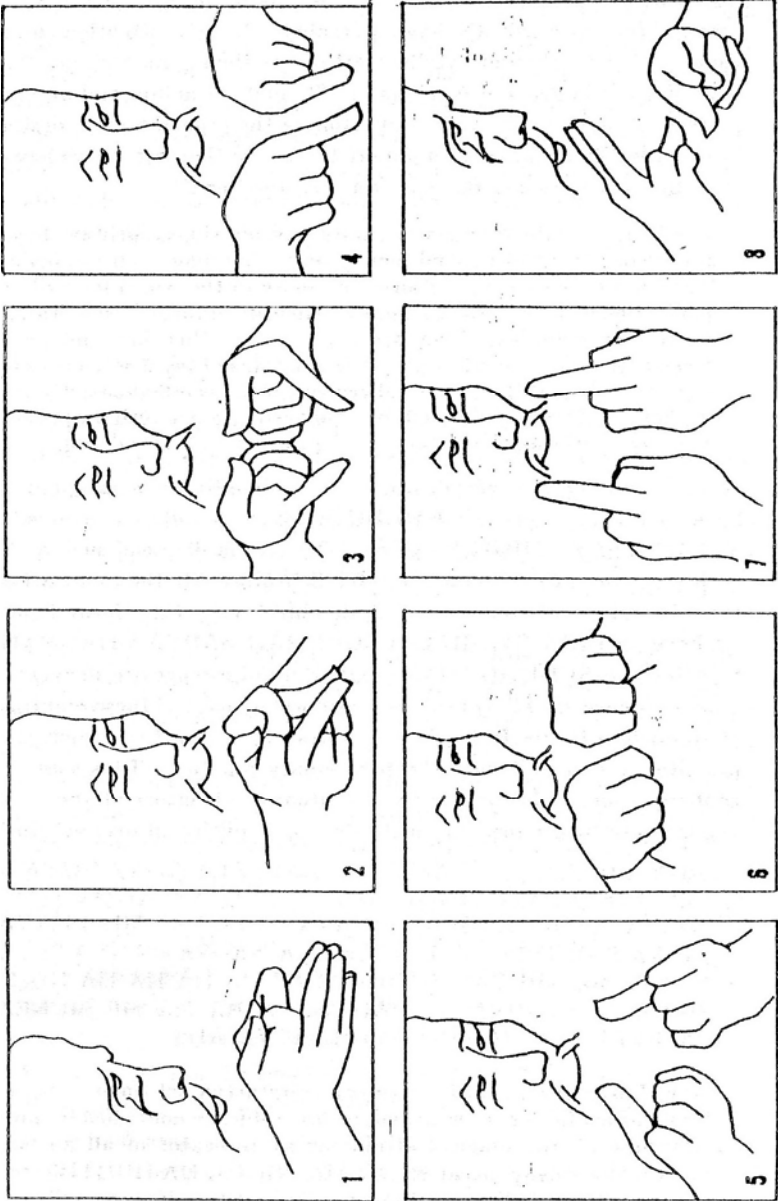
OM VAJRA DHUPE AH HUM !

OM VAJRA ALOKE AH HUM !

OM VAJRA GANDHE AH HUM !

OM VAJRA NAIVEDYE AH HUM !

OM VAJRA SABDA AH HUM !



Lúc chấm dứt, giống như trước được kết thúc bằng âm thanh chập chả của “âm nhạc an bình”, và chư Phật được cầu nguyện ban quán đảnh với:

OM ABHISINCATU MAM SARVA TATHAGATA !

Chúng ta có thể ghi chú rằng mantra này tiếp tục không thay đổi từ nghi thức *tự-phát sanh* do những học giả Tây Tạng ít kiến thức về Phạn ngữ, ngay cả dù ở đây việc Bốn Tôn phát sanh ở phía trước không thích hợp; nhưng năng lực của mục tiêu kết tinh trong những ngôn từ huyền bí hoạt động như một chất xúc tác cho sự quán tưởng hình tướng, khi họ tụng:

OM SARVA – TATHAGATA – ABHISEKATA – SAMAYA – SRIYE HUM !

Với mantra này Bốn Tôn ban quán đảnh từ bình chứa đầy cam lồ tẩy tịnh tất cả những nhiễm ô

II. TÁN THÁN:

OM NAMO MANJUSHRIYE SVAHA
NAMO UTTAMASHRIYE SVAHA
NAMAH SUSHRIYE SVAHA (3 lần)

NAMAH SARVA TATHAGATANAM TADYATHA: OM
NAMAH SUKASAM NAMAH TARAYE TARA MITA
TARA BHAGAVATIYAM SUTRAM SAMYAK
SAMBUDDHA BHASITAM SARVA KARA SAMAYA
ULAKARAYE BUDDHANI CHA DHARMANI CHA
SAMGHANI CHA TARAYE SVAHA.

NAMAH SARVA TATHAGATA SAMYAK
SAMBUDDHAYA TREYATA DHARATE TU TARA.

TẨY TỊNH:

a. Tẩy tịnh bình nước để có hiệu nghiệm.

Tất cả những việc tụng niệm ở trên được thực hiện liên tục với âm điệu đều đặn, thấp, nhẹ nhàng. Sau đó khi sự chuẩn bị cá nhân này hoàn tất thì nơi chốn và những vật dụng của nghi lễ cũng phải được chuẩn bị, chúng phải được tẩy rửa khỏi tất cả những chướng ngại, tẩy tịnh vào Tánh Không và quán tưởng, chúng được tái tạo và gia trì lực. Nhưng trước tiên nước được tẩy tịnh phải làm cho có hiệu nghiệm. Hành giả phục vụ bàn thờ, và người sẽ làm công việc chánh, trên tay cầm *cỏ-kusa* rải ra với ấn “Bổn tôn Kim cang tâm” trong lúc tập thể tụng mantra: OM AMRTA HUM PHAT ! và quán tưởng nước đặt trong một vỏ sò lớn bên cạnh bàn thờ “trở thành Cam Lô Xoáy”. Mantra này được tụng 21 hay 100 lần tùy theo vị chủ lễ cho đến khi nước đủ năng lực huyền bí để sử dụng.

b. Gia trì nơi chốn và vật dụng

Người phục vụ bàn thờ rải nước chỗ làm lễ và vật dụng, đồ cúng dường trên bàn thờ, đã được tẩy với nước hiệu nghiệm và với mantra.

OM VAJRA – AMRTA – KUNDALI HANA HANA HUM HUM PHAT !

Khi nơi chốn làm lễ và pháp khí đã được tẩy tịnh khỏi những chướng ngại, tẩy tịnh tất cả vật dụng với mantra OM SVABHAVA SUDDHA SARVA-DHARMA SVABHAVA SUDDHO HAM ! do đó chúng được nhập vào tánh Không, và chúng phải được tái tạo như một cung điện thiêng liêng tràn đầy với những cúng dường linh thiêng đến chư Thiên, không còn là những chén đựng nước và gạo trên bàn thờ. Tăng đoàn tụng niệm sự quán tưởng của tiến trình này:

Từ trong cõi giới Tánh Không lưu xuất ra chữ BHRUM (), hiện lên từ nơi cư trú trở thành một cung điện thiêng liêng,

nơi chốn của giải thoát, được làm bằng nhiều loại ngọc quý khác nhau, toàn hảo trong tất cả những đặc tính. Ở chính giữa là chữ OM, từ đó hình thành một bình ngọc, rộng và lớn; trong đó là chữ HUM, tan chảy vào vật dụng cúng dường thiêng liêng: nước cúng, nước rửa chân, hoa, trầm hương, đèn, dầu thơm, thực phẩm và âm nhạc, những vật chất tuy mang tướng cúng dường nhưng tinh túy là trí huệ và bản chất là Đại Lạc vô tận mà chúng tỏa lan khắp hư không.

Những quán tưởng cúng dường này được gia trì với những mantra của chúng. Những vị tăng tụng mantra này thật nhanh và nối tiếp nhau khi họ kết ấn thích hợp, động tác tay của họ trôi chảy như một vũ điệu:

OM VAJRA-ARGHAM SVAHA ! OM VAJRA-PADYAM SVAHA ! OM VAJRA-PUSPE AH HUM ! OM VAJRA-DHUPE AH HUM ! OM VAJRA-ALOKE AH HUM ! OM VAJRA-GHANDE AH HUM ! OM VAJRA-NAIVEDYE AH HUM ! OM VAJRA-SABDA AH HUM !

Ở chỗ SABDA “âm nhạc” (thường bao giờ cũng ở cuối phần cúng dường), âm nhạc không chỉ biểu tượng trên bàn thờ mà còn được trình bày trong thực tế: hành giả chủ lễ rung chập chỏa vang rền. Những hành giả còn lại đánh trống, thổi tù và bằng vỏ ốc, thổi kèn trumpet dài, và vị Kim Cang Sư ngồi ở vị trí đầu lắc trống *damaru*, trong lúc những vị còn lại rung chuông từng hồi dài gọi là “âm thanh an bình” để cúng dường. Trong lúc những âm thanh rền vang, những hành giả “cầu thỉnh năng lực ban xuống” bằng việc tụng ba lần:

OM VAJRA-DHARMA-RANITA PRARANITA
SAMPRARANITA SARVA BUDDHA KSETRA

PRACALINE PRAJNA PARAMITA-NADA-SVABHAVITE
VAJRA-DHARMA-HRDAYANI SAMTOSANI HUM HUM
HUM HO HO HO AH KHAM SVAHA !

c. Nền tảng:

Khi những người tham dự, nơi chốn và những vật dụng được đầy đủ, nghi thức những điều vũ bao gồm quán tưởng phạm vi cúng dường và cầu nguyện Bốn tôn và cúng dường, cầu nguyện các Ngài.

c.1 Thiên quán về phạm vi cúng dường :

c.11 Phát sanh Bốn Tôn chánh:

Kế đó, trước tiên qua Tiến Trình Phát Sanh, Bốn tôn chánh của trường cúng dường được cầu thỉnh, ở đây Tiến Trình Phát Sanh chiếm vị trí ở trước hành giả, nhưng sự quán tưởng liên tục đều giống nhau như chúng ta đã khảo sát chi tiết trước đó, mà ở bất kỳ đâu năng lực linh thiêng đều tự hiện.

c.111 Phát sanh Nguyên hữu tình:

Hành giả hòa nhập mọi thứ, tất cả những gì họ đã tạo tác không thực vào Tánh Không, niệm mantra: OM SUNYATA-JNANA-VAJRA-SVABHAVATMAKO HAM ! đây là kho tàng trí tuệ đối lại với kho tàng công đức trước đó, niệm chân thực của giác ngộ đối nghịch với niệm có chủ tâm giác ngộ trước đó; từ Tánh Không tuyệt đối này, trong nghi thức ban phát nguyện thủy của riêng Tara, họ phát sanh Bốn Tôn phía trước họ – đây là nghi thức cúng dường bằng cách niệm:

Nguyện hữu tình trở thành Tánh Không, từ cõi Hư Không phía trước là một đại dương cam lồ, chính giữa là chữ PAM, từ đó xuất hiện một hoa sen trên cuống hoa là chữ A, từ đó xuất hiện một mặt trăng. Trên mặt trăng là chủng tự TAM màu xanh dương lục, từ đó xuất hiện một hoa sen màu xanh lục được khắc chữ TAM nổi.

Ánh sáng chiếu ra chói lọi từ chữ TAM, cúng dường các Đấng Tôn Quý và phục vụ mục đích của chúng sanh .

Ánh sáng thu rút lại và hòa tan vào chủng tự, và từ sự chuyển hóa đó xuất hiện TARA thiêng liêng, thân Ngài màu xanh lục, khuôn mặt mỉm cười an bình, tay phải Ngài kết thí nguyện ấn, tay trái cầm một cuống hoa sen bằng ngón cái và ngón đeo nhẫn ở ngang ngực, hoa sen có 18 cánh ở ngang tầm lỗ tai Ngài. Ngài khoảng 16 tuổi với 30 biểu hiệu và 80 dấu hiệu phụ; dáng điệu của Ngài duyên dáng và lôi cuốn với bộ ngực căng phồng trang hoàng với nhiều loại ngọc quý, vòng tai, vòng cổ, vòng cổ bằng ngọc quý, vòng cổ hổ phách, vòng tay, dây lưng, vòng cổ chân và một chuỗi chuông nhỏ, Ngài được tô điểm bằng nhiều hoa thiêng liêng đẹp đẽ. Thân trên Ngài mặc lụa màu xanh dương; thân dưới quấn bằng lụa nhiều màu; tóc buông về bên trái; cuộn xoáy xuống bên phải, Ngài ngồi trong tư thế ngồi nghỉ của hoàng gia, chân phải duỗi nhẹ ra và chân trái co lại, và phía sau Ngài là một vầng hào quang sáng rực như ánh trăng rằm.

OM DHARMADHATU VISUDHA HUM (ba lần)

OM VAJRA JVALA VAJRA TANA HUM PHAT (ba lần)

Dùng Vi Khiển Ấn, tụng OM AMRTA HUM PHAT 21 lần



Quán tưởng nước trong bình nước trong sạch, dùng cỏ Kusa sái tịnh các món cúng trên bàn thờ, vừa rải vừa tụng: OM VAJRA AMRTA KUNDALI HANA HANA HÙM PHAT.

Tiếp đến, tẩy tịnh pháp giới rộng lớn như hư không trong đó có lầu các của Bốn Tôn, Thánh Chúng và các thứ Tịnh Diệu:

OM SVABHAVA SUDDHA SARVA DHARMA SVABHAVA SUDDHO HAM. (7 lần).

Từ chữ BHRUM trong hư không biến thành lầu các của Bốn Tôn Tara, trong đó có thất bảo và các thứ trang nghiêm.

Quán tưởng chữ OM thành 8 chén cúng dường, trong đó chữ HÙM biến thành những món cao thượng như: nước, nước rửa chân, hoa, trầm hương, đèn, dầu thơm, thực phẩm và âm nhạc to lớn như hư không, mà biểu tượng thực tế là các chén cúng trên bàn thờ.

OM VAJRA ARGHAM SVAHA (ba lần)

OM VAJRA PADYAM SVAHA (ba lần)

OM VAJRA PUSPE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA DHUPE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA ALOKE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA GANDHE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA NAIVEDYE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA SABDA AH HUM (ba lần)

Dùng chuông hoặc Damaru (trống nhỏ) lắc ba lần, tụng:

OM VAJRA DHARMA RANITA PRARANITA
SAMPRARANITA SARVA BUDDHA KSETRA
PRACALINE PRAJNÀPARAMITA NADA SVABHAVE
VAJRA DHARMA HRIDAYA SAMTOSANI HUM HUM
HUM HO HO HO AH KHAM SVAHA. (ba lần).

Tụng:

OM SUNYATA JNANA VAJRA SVABHAVATMAKO
HAM.

Tất cả các món cúng dường đều trở thành tánh Không. Từ tánh Không, trong đại dương cam lồ trước mặt hiện ra chữ PAM từ đó xuất sanh cánh sen trên đó chữ AH biến thành mặt trăng, trên mặt trăng hiện chữ TAM màu xanh lục, từ đó xuất sanh màu xanh lục có chữ TAM.

Từ chủng tự TAM chiếu ánh sáng ra các cõi cúng dường các Đấng Chiến Thắng và làm lợi ích chúng sanh. Ánh sáng này rút về tan biến vào chủng tự và từ chủng tự này biến thành Bốn Tôn Tara.

Xong phần quán tưởng Bốn Tôn, hành giả quán tưởng các Đạo sư, Hộ pháp, chư Phật, Bồ Tát, và những học trò của các Ngài đầy khắp hư không chứng minh lễ vật, tụng:

OM VAJRA SAMAJA !

Để trừ chướng ngại từ các ma quỷ khi triệu thỉnh các Đấng Chiến Thắng, hành giả dùng chày xoay ba vòng theo chiều kim đồng hồ vòng tròn ngang chân mày tụng bài phần nộ bảy lần:

OM AMRTA HÙM PHAT.

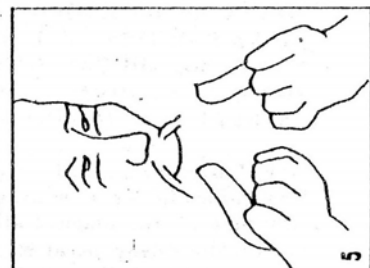
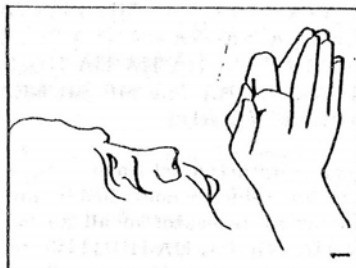
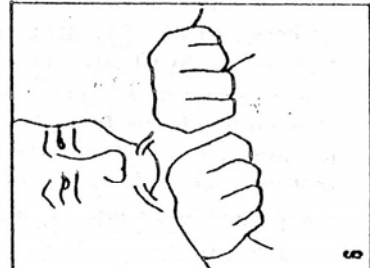
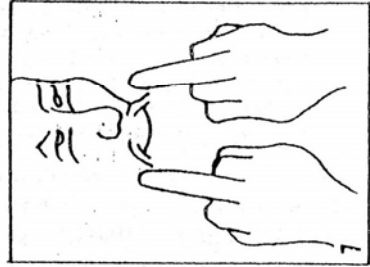
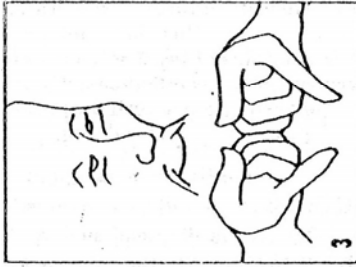
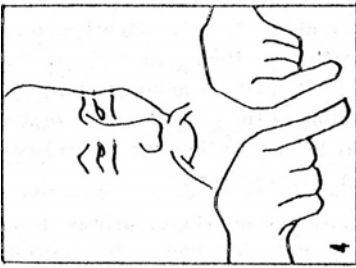
Tiếp theo thỉnh Thánh Chúng an tọa:

OM PADMAKAMALAYAS STVAM !

IV CÚNG DƯỜNG:

Sự quán tưởng cúng dường cũng kèm theo những thủ ấn của nghi thức, vì thực ra đó là những hoạt động quan trọng nhất của nghi lễ. Vì một số lý do, những thủ ấn này vẫn chưa nhận được sự chú ý nhiều của các học giả về Mantra hoặc là chúng bị nhầm lẫn với những điệu bộ mô tả bằng hình tượng phục vụ cho việc nhận ra tranh vẽ và hình ảnh. Chúng ta có thể phân biệt hai phạm trù chức năng của nghi thức thủ ấn. Đầu tiên, một cách tương đối là những điệu bộ rập khuôn của sự tôn sùng, hàng phục, triệu thỉnh và phụng tống. Hành giả có thể chấp tay để tỏ lòng tôn kính, đưa lòng bàn tay ra theo kiểu Tây Tạng để chào tạm biệt, hay bắt chéo hai tay vào trước ngực để chỉ sự thể nhập của Bốn tôn vào hành giả. Phạm trù thứ hai bao gồm những cách thức kết thủ ấn kèm theo sự phô bày cúng dường, và đó là mục đích rõ rệt như *sự bất chước đại diện* cho đối tượng được cúng dường – là hình ảnh điều khiển việc chuyển giao thờ phụng đến Bốn Tôn, đúng như những Mantra cúng dường chỉ thị phải nhận và đáp ứng.

Sự đa dạng rộng lớn của cúng dường quán tưởng trong nghi lễ được gởi đến Bốn Tôn bằng âm thanh và cử chỉ; nói chung có những tiêu đề xếp chung vào một nhóm như “*ngoại cúng dường*”, “*nội cúng dường*”, và “*bí mật cúng dường*” trong một số nghi thức được thêm vào một “*cúng dường chân lý*”



Ngoại cúng dường là tất cả những vật chất của thế giới bên ngoài – hữu tình và vô tình dành cho hoàng gia hay những Vị thiêng liêng. Căn bản nhất kèm theo những thủ ấn được minh họa trong hình vẽ là hai loại nước và năm loại tặng phẩm được liệt kê sau đây bằng tên tiếng Phạn:

- 1.- ARGHAM “đồ cúng” hay “nước rửa mặt”
- 2.- PADYAM “nước rửa chân”
- 3.- PUSPE “hoa”
- 4.- DHUPE “hương thơm”
- 5.- ALOKE “đèn”
- 6.- GHANDE “dầu thơm”
- 7.- NAIVEDYE “thực phẩm”

Những đồ cúng dường được bày trên bàn thờ bằng bảy chén chứa đầy nước và ngũ cốc, và thêm vào

- 8.- SABDA “âm nhạc”

Mà không được bày trên bàn thờ vì cho rằng chúng có mặt khắp nơi trong các buổi hội họp. Ở đây, mục đích bất chước của những cử chỉ không được rõ ràng như trong một số bộ cúng dường khác; nhưng chú thích thủ ấn số 5 tiêu biểu cho cúng dường đèn, với ngón cái đưa ra mô phỏng một bắc đèn trên bờ, hay thủ ấn 8 tiêu biểu cho việc đánh nhịp thời gian trong âm nhạc.

Chúng ta để ý rằng những Mantra đi kèm với những cúng dường này xuất hiện tới một nhà nghiên cứu tiếng Phạn đã trải qua một số biến dạng kỳ dị. Nhưng đa số có thể tính toán như sự đồng hóa loại suy chính quy ngôn ngữ Ấn khác tiếng Phạn ban đầu (ví dụ số ít của tặng cách RAJAYA cho RAJNE) hay một số dạng nhiều hoặc ít của Phật tử Hybrid (ví dụ cách xưng hô số ít của GURU là GURO, đưa ra bắt buộc KHAHI là KHADA “ăn”). Hai loại nước là đối tượng đối

cách rõ ràng của lệnh PRATICCHA “chấp nhận” nhưng năm loại quà tặng – thường cúng dường như một phối hợp riêng biệt – được xem như danh xưng giống cái số ít (ví dụ PUSPE “O, bà chủ của những bông hoa!”) gửi tới Bốn Tôn nữ xuất ra từ hành giả và cúng dường cho Bốn Tôn, sự rập khuôn trong Mantra ngay cả khi một sự phát ra như thế cũng không được đưa ra trong bản văn nghi thức. SABDA dường như bất bình thường, là một xưng hô giống đực số ít có lẽ song hành với Mantra của dạng OM SUVARNA-CAKRA PRATICCHA “OM bánh xe Vàng: hãy nhận lấy !”.

Kiểu mẫu tiêu chuẩn của việc trình bày tất cả những cúng dường này là sự tụng niệm (hoặc ca hát, dùng bất kỳ số lượng giai điệu tiêu chuẩn nào thích hợp với nhịp thơ có số âm tiết nhất định) của một bài kệ dâng cúng và sau đó là Mantra bằng Phạn ngữ, kèm theo những thủ ấn thích hợp. Thường mỗi thủ ấn đi trước tiến trình tụng kệ bởi một loạt động tác tay mở đầu, nếu đồ cúng dường được làm với dạng rút gọn, và chỉ tụng niệm Mantra, hành giả kết ấn vào mỗi thứ, cũng có thể bật những ngón tay sau mỗi điệu bộ giống như chuyển động trôi chảy mềm dẻo của một vũ điệu bằng tay. Tất cả những cách chuyển ấn này mỗi phái mỗi khác, ngay cả mỗi tu viện cũng vậy, nhưng ở mọi nơi, khi thực hiện đúng đắn, họ thêm vào sự thẩm mỹ với âm thanh đi kèm những chuyển động của thân được kiểm soát để hoàn thành điệu múa ba lê quán tưởng của họ.

Ví dụ, những bài kệ và Mantra cúng dường hai loại nước có thể tụng hay hát như sau, với những cử chỉ thích hợp cho mỗi thứ:

- 1) Bốn tôn , Ngài đến đây thật là cát tường,
Ban cho chúng con cơ hội làm công đức;

Và khi Ngài nhận đồ cúng của chúng con
Chúng con cầu mong Ngài ở lại

OM GURU – SARVA - TATHAGATA PRAVARA –
SATKARA – MAHASATKARA – MAHA - ARGHAM
PRATICCHA HUM SVAHA !

“OM đạo sư và tất cả chư Như Lai: hãy tiếp nhận đồ cúng
dường to lớn, tuyệt hảo, đầy tôn kính, và tôn kính nhất HUM
SVAHA !”

2) Cũng như Đức Phật khi Ngài đản sanh,
Được tắm bởi tất cả chư Thiên,
Chúng con cầu được chư Thiên tắm cho giống như Ngài
Với nước thanh tịnh thiêng liêng này.

OM GURU – SARVA – TATHAGATA MAHA –
PADYAM PRATICCHA HUM SVAHA !

“OM guru và tất cả chư Như Lai: hãy tiếp nhận nước to lớn
này cho chân của Ngài HUM SVAHA !

Nhân đây, câu kệ thứ hai này là một tiêu chuẩn, cũng
dùng trong “tắm rửa bốn tôn” và trong việc ban quán đảnh
cho đệ tử. Và ở đây, cũng vậy, như trong nhiều nghi thức
khác, có một khoảng gián đoạn ngắn giữa cúng nước và vật
phẩm để dâng cúng chỗ ngồi cho bốn tôn :

Với tình thương vô biên cho chúng con và tất cả chúng sanh,
Với sức mạnh của sự xuất hiện kỳ diệu,

Chúng con cầu mong Ngài, Đấng ban Phúc Lạc, hãy ở lại đây,
Chừng nào chúng con còn cúng dường.

OM GURU SARVA-TATHAGATA
PADMAKAMALAYAS TVAM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai, một đài sen dành cho Ngài !”

3) Những hoa sen, xanh dương và trắng,
Đỏ: và tất cả những loại hoa,
Màu sắc, hình dáng, mùi vị tuyệt vời,
Chúng con cúng dường lên Hóa thân cao quý nhất.

OM GURU SARVA – TATHAGATA DHUPE PUJA –
MEGHA –SAMUDRA – SPHARANA - SAMAYE HUM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai: bông hoa: sự tích tụ những đám mây cúng dường lớn như đại dương HUM !”

4) Lô hội và tùng hương,
Hương vị dịu ngọt nhất của tất cả cảnh giới;
Tất cả hương thơm tuyệt vời nhất của thế gian,
Chúng con cúng dường lên Hóa thân cao quý nhất.

OM GURU – SARVA – TATHAGATA DHUPE PUJA –
MEGHA – SAMUDRA – SPHARANA – SAMAYE HUM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai: hương thơm: sự tích tụ những đám mây cúng dường lớn như đại dương HUM !”

5) Những ngọn đèn bơ với cốt lõi của dầu,
Đèn của cây tre và cành nhánh của cây ăn trái:
Tất cả chiếu sáng bóng tối của thế gian,
Chúng con cúng dường lên Hóa thân cao quý nhất.

OM GURU – SARVA – TATHAGATA DHUPE PUJA –
MEGHA – SAMUDRA – SPHARANA – SAMAYE HUM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai: đèn: sự tích tụ những
đám mây cúng dường lớn như đại dương HUM !”

6) Long não, đàn hương, và nghệ tây,
Hương thơm ngọt dịu nhất, hoan hỷ khi xúc chạm,
Cả hai thiên nhiên và pha chế,
Chúng con cúng dường lên Hóa thân cao quý nhất.

OM GURU – SARVA – TATHAGATA GANDHE PUJA –
MEGHA – SAMUDRA – SPHARANA – SAMAYE HUM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai: hương thơm: sự tích tụ
những đám mây cúng dường lớn như đại dương HUM !”

7) Cơm và những thực phẩm thanh tịnh khác,
Được chuẩn bị với vô số cách nấu nướng khác nhau,
Những thực phẩm pha trộn, tất cả mùi vị tuyệt vời nhất,
Chúng con cúng dường lên Hóa thân cao quý nhất.

OM GURU – SARVA – TATHAGATA NAIVEDYE
PUJA – MEGHA – SAMUDRA – SPHARANA – SAMAYE
HUM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai: thực phẩm: sự tích tụ những đám mây cúng dường lớn như đại dương HUM !”

8) Những trống lớn, tù và vỏ ốc xà cừ, trống đất, trống định âm,

Chũm chọe, và những trống nhỏ, hàng loạt âm nhạc:

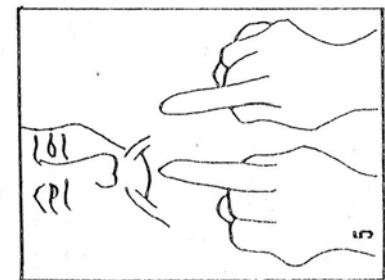
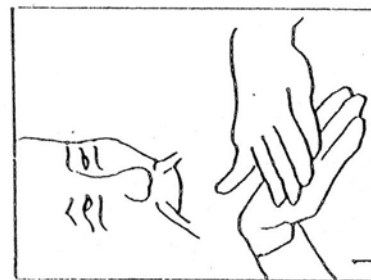
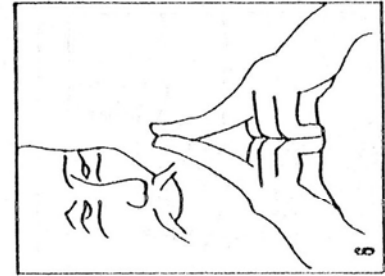
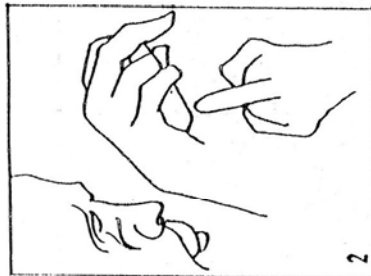
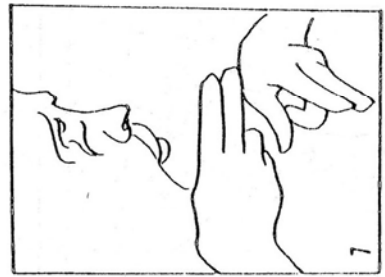
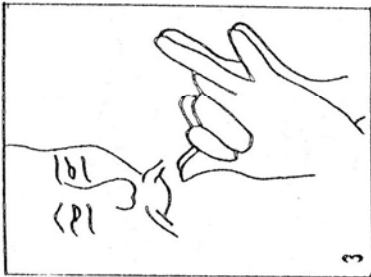
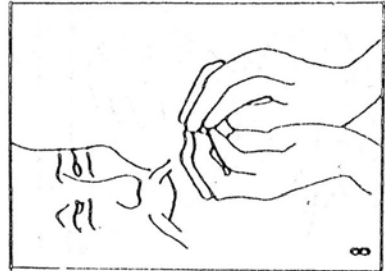
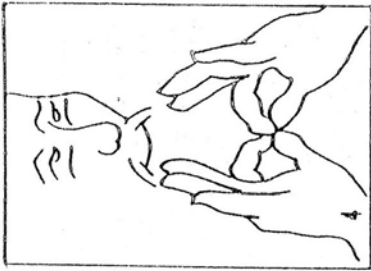
Và đa số những âm thanh giai điệu của thế gian,

Chúng con cúng dường lên Hóa thân cao quý nhất.

OM GURU – SARVA – TATHAGATA SABDA PUJA –
MEGHA – SAMUDRA – SPHARANA – SAMAYE HUM !

“OM Guru và tất cả chư Như Lai: âm thanh: sự tích tụ những đám mây cúng dường lớn như đại dương HUM !”

Hình bên minh họa những động tác đi kèm với bảy loại ngọc quý của quyền lực tối cao:



- 1) CAKRA – RATNA “bánh xe báu”
 - 2) HASTI – RATNA “voi báu”
 - 3) ASVA – RATNA “ngựa báu”
 - 4) MANI – RATNA “ngọc báu”
 - 5) STRI – RATNA “hoàng hậu báu”
 - 6) PURUSA – RATNA “người thừa hành báu”
 - 7) KHADGA – RATNA “tướng báu” hay “kiếm báu”
- Với danh sách này được thêm vào:
- 8) UPARATNA “những đồ vật phụ trợ báu”

Những động tác này cũng được dùng để đại diện cho cúng dường gọi là “kho tàng rộng lớn như hư không”. Ví dụ, một trong những nghi thức của Pema Karpo gồm những câu kệ và Mantra sau tiêu biểu cho việc cúng dường này:

- 1) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy bánh xe báu;
 Tự tạo từ vàng ròng thiêng liêng, chúng ta cúng dường nó
 Trục bánh xe, vành xe tuyệt hảo, hàng ngàn nan hoa phát
 sáng rực rỡ,
 Ban chiến thắng trên tất cả những gì cao quý nhất.

OM CAKRA – RATNA PRATICCHA HUM SVAHA !

- 2) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy voi báu;
 Chúng ta cúng dường voi trắng sáu ngà, màu sắc của mặt
 trắng,
 Trái đất nhanh chóng được bao quanh bởi đại dương,
 Vòng tròn thiêng liêng qua con đường của bầu trời.

OM HASTI – RATNA PRATICCHA HUM SVAHA !

3) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy ngựa báu;
Màu của nó như cổ của con công, và chúng ta cúng dường
chúng

Trang hoàng bằng vàng, nhanh như tên bắn,
Vòng quanh trái đất và trở về chỉ trong buổi sáng.
OM ASVA – RATNA PRATICCHA HUM SVAHA !

4) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy ngọc báu;
Chúng ta cúng dường lam ngọc chiếu ánh sáng xanh rực
rỡ,

Vượt trội hơn ánh sáng mặt trời,
Tám phần thanh tịnh của nó thỏa mãn mọi ước nguyện.

OM MANI – RATNA PRATICCHA HUM SVAHA !

5) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy hoàng hậu
báu;

Chúng ta cúng dường Ngài, như một trinh nữ thuần tịnh bất
tử,

Thân, tâm hoan hỷ với tiếp xúc tuyệt diệu nhất của Ngài,
Được ban cho trí tuệ, khéo léo, và tài hùng biện của Ngài.

OM STRI – RATNA PRATICCHA HUM SVAHA !

6) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy người thừa
hành báu;

Tâm Ngài sáng suốt, cẩn trọng, mãnh liệt, chúng ta cúng
dường Ngài,

Hướng dẫn mọi tham dự với sự tinh tế trữ kín của Ngài,

Những lời của Ngài phải lưu ý, như có cặp mắt của Bốn tôn.

OM PURUSA – RATNA PRATICCHA HUM
SVAHA !

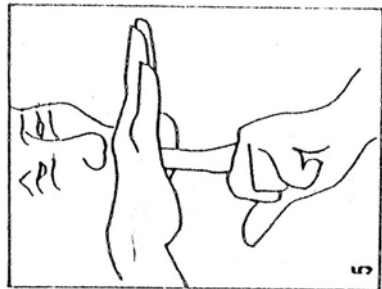
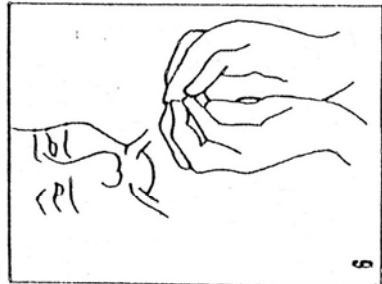
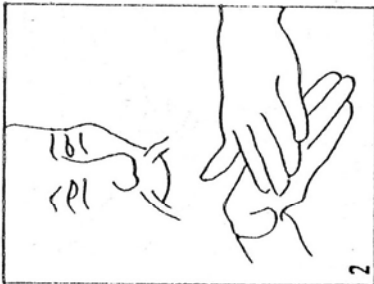
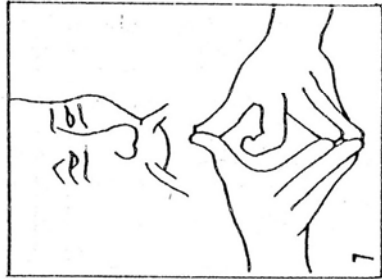
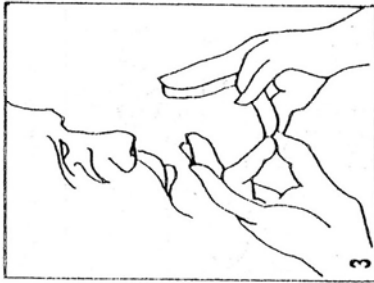
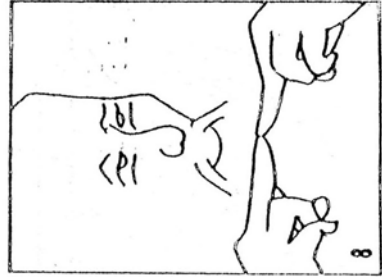
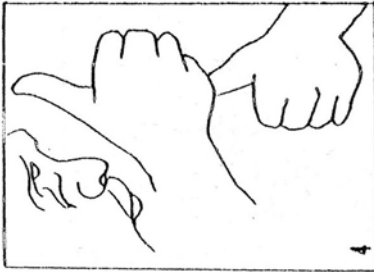
7) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy vị tướng báu;
Chúng ta cúng dường Ngài, một anh hùng với sức mạnh của Bốn tôn;
Thực hiện tiêu diệt kẻ thù chỉ trong chớp mắt,
Tất cả mục tiêu khiến chuyển tâm chiến thắng.

OM KHADGA – RATNA PRATICCHA HUM
SVAHA !

8) Chúng ta quán tưởng hư không tràn đầy chần nệm mềm mại;
Với những dao bằng lam ngọc có cả da mềm;
Với trang phục êm dịu cho sự hỷ lạc nhiều như rừng rậm,
Với sự thật mạnh mẽ, những nơi an trú linh thiêng.

OM UPARATNA – RATNA PRATICCHA HUM SVAHA
!

Tương tự, việc cúng dường Bốn tôn trong *ngoại cúng dường* có thể được xem trong hình trình bày những động tác tiêu biểu *tám dấu hiệu cát tường*:



- 1) SRI-VATSYA “nút cuộn”
- 2) SUVARNA-CAKRA “bánh xe vàng”
- 3) PADMA-KUNJARA “liên hoa”
- 4) KUNDA-DHVAJA “cờ chiến thắng”
- 5) SITATAPATRA “bạch tán cái”
- 6) NIDHI-GHATA “bình đựng châu báu”
- 7) SANKHA-VARTA “vỏ ốc xà cừ tay phải”
- 8) KANAKA-MATSYA “cá vàng”

Trong nghi thức tương tự, Pema Karpo ban những câu kệ và Mantra sau đây, chúng ta cũng ghi nhận ở đây những cúng dường và quán tưởng này được tám Thiên nữ cát tường mang đi – “những Thiên nữ cúng dường xuất ra từ tâm hành giả, mang những phẩm vật phi thường để cúng dường”:

1) Cầu mong tất cả cát tường,
 Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
 (Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
 Bởi những trinh nữ đẹp đẽ này,
 Trắng trẻo như ánh trăng, vỏ ốc xà cừ,
 Tự hào mang trên cao nút cuộn quang vinh.

OM SRI – VATSYA PRATICCHA SVAHA !

2) Cầu mong tất cả cát tường,
 Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
 (Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
 Bởi những trinh nữ thon thả này,
 Rực rỡ với ánh sáng vàng,
 Duyên dáng mang theo bánh xe vàng.

OM SUVARNA – CAKRA PRATICCHA SVAHA !

3) Cầu mong tất cả cát tường,
Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
(Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
 Bởi những trinh nữ mười sáu tuổi này,
 Rực sáng với ánh sáng xanh lam ngọc,
 Cầm hoa sen trăm cánh làm duyên.

OM PADMA – KUNJARA PRATICCHA SVAHA !

4) Cầu mong tất cả cát tường,
Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
(Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
 Bởi những trinh nữ xanh lục nhạt chiến thắng này,
 Học tập trong giai điệu say đắm,
 Hát với giọng cao sâu khi giờ cao ngọc cờ.

OM KUNDA – DHVAJA PRATICCHA SVAHA !

5) Cầu mong tất cả cát tường,
Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
(Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
 Bởi những trinh nữ mắt phượng này,
 Rắc màu đỏ son
 Khi xoay Tán cái bằng ngọc trai, mắt bắn ra tia nhìn
như mũi tên.

OM SITATAPATRA PRATICCHA SVAHA !

6) Cầu mong tất cả cát tường,

Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
(Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
Bởi những trinh nữ có hình dáng đẹp này,
Trắng như những đám mây trên bầu trời,
Tay cầm bình đựng châu báu đầy hấp dẫn.

OM NIDHI - GHATA PRATICCHA SVAHA !

7) Cầu mong tất cả cát tường,
Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
(Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
Bởi những trinh nữ vinh quang này,
Tay cầm vỏ ốc xà cừ có xoắn xoay về bên phải,
Có màu lục không phai.

OM SANKHA - VARTA PRATICCHA SVAHA !

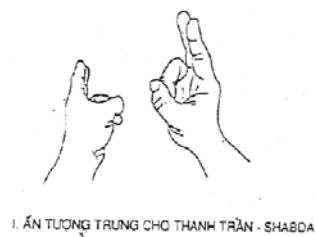
8) Cầu mong tất cả cát tường,
Bằng sự cúng dường vật phẩm cát tường thiêng liêng này;
(Đặt dấu ấn hoan hỷ trên trái tim cao quý nhất)
Bởi những trinh nữ làm say đắm này,
Ngẩng cao kiêu hãnh như cổ con công với sự
hài lòng,
Tay cầm cá vàng chiếu sáng như bình báu

OM KANAKA – MATSYA PRATICCHA SVAHA !

Kế tiếp, tiêu biểu cho *nội cúng dường* đến bốn tôn thường
đa số bao gồm việc làm hài lòng *năm giác quan*:

1) VAJRA – RUPA “Sắc Kim Cang”

- 2) VAJRA – SABDA “Thanh Kim Cang”
- 3) VAJRA – GANDHA “Hương Kim Cang”
- 4) VAJRA – RASYA “Vị Kim Cang”
- 5) VAJRA – SPARSA “Xúc Kim Cang”





K. AN TƯỢNG TRUNG CHO XÚC TRẦN - SPARSHA

Như trong Guhyasamaja Tantra nói:

Hành giả nên cúng dường thích hợp đến chư Phật
 Tiếp theo đến cúng dường làm vừa lòng năm giác quan
 Và bởi việc cúng dường năm phần này,
 Hành giả sẽ mau chóng đạt được Phật tánh.

Chẳng hạn, năm nội cúng dường này có thể tiêu biểu cho những câu kệ sau:

1) Đa số sắc tướng xuất sắc nhất
 Trong tất cả mười phương của thế gian
 (Tất cả điều đó làm hài lòng cái thấy của các Đấng Chiến
 Thắng)

Lưu xuất ra vô số Dakini Kim Cang Sắc
 Và chúng ta cúng dường lên vô số Guru Quang vinh

OM GURU – MANDALA – DEVATA VAJRA – RUPA
 PRATICCHA HUM SVAHA !

2) Đa số âm thanh xuất sắc nhất
 Trong tất cả mười phương của thế gian

(Tất cả điều đó làm hài lòng việc nghe của các Đấng Chiến Thắng)

Lưu xuất ra vô số Dakini Kim Cang Thanh

Và chúng ta cúng dường lên vô số Guru Quang vinh

OM GURU – MANDALA – DEVATA VAJRA – SABDA
PRATICCHA HUM SVAHA !

3) Đa số hương xuất sắc nhất

Trong tất cả mười phương của thế gian

(Tất cả điều đó làm hoan hỷ tới tâm của các Đấng Chiến Thắng)

Lưu xuất ra vô số Dakini Kim Cang Hương

Và chúng ta cúng dường lên vô số Guru Quang vinh

OM GURU – MANDALA – DEVATA VAJRA –
GANDHA PRATICCHA HUM SVAHA !

4) Đa số vị tuyệt diệu nhất

Trong tất cả mười phương của thế gian

(Tất cả điều đó làm hoan hỷ tới tâm của các Đấng Chiến Thắng)

Lưu xuất ra vô số Dakini Kim Cang Vị

Và chúng ta cúng dường lên vô số Guru Quang vinh

OM GURU – MANDALA – DEVATA VAJRA – RASYA
PRATICCHA HUM SVAHA !

5) Đa số xúc tuyệt vời nhất

Trong tất cả mười phương của thế gian

(Tất cả điều đó làm mềm mại với thân của các Đấng
Chiến Thắng)

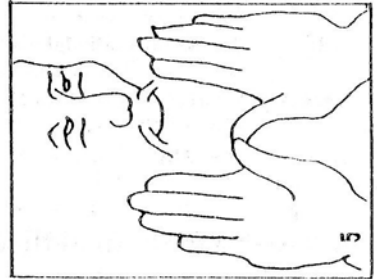
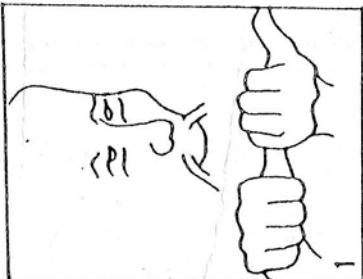
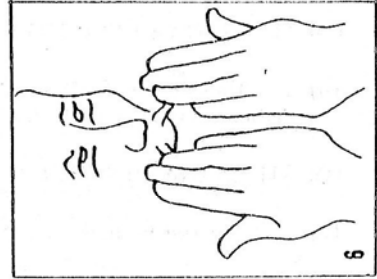
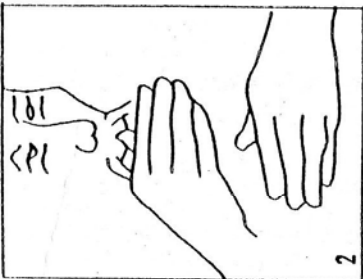
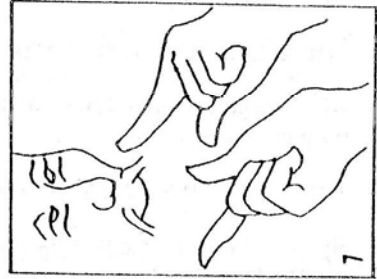
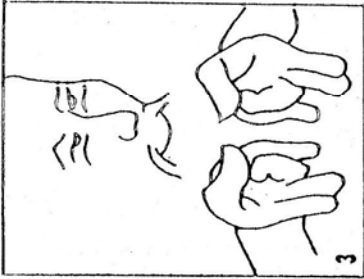
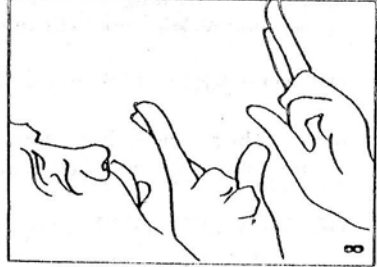
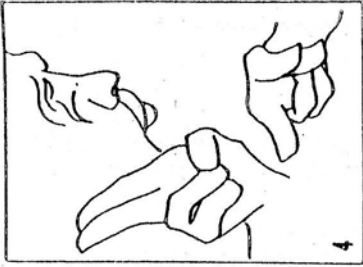
Lưu xuất ra vô số Dakini Kim Cang xúc

Và chúng ta cúng dường lên vô số Guru Quang vinh

OM GURU – MANDALA – DEVATA VAJRA –
SPARSA PRATICCHA HUM SVAHA !

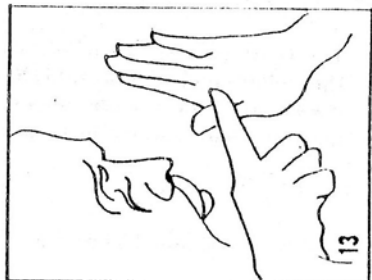
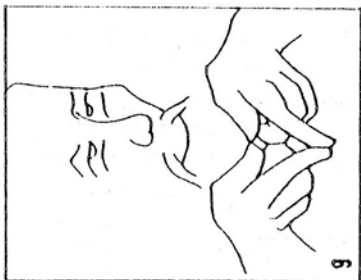
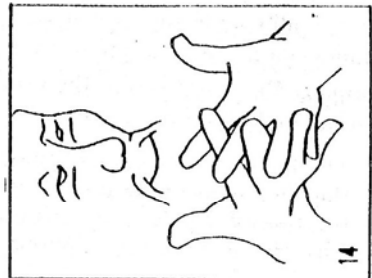
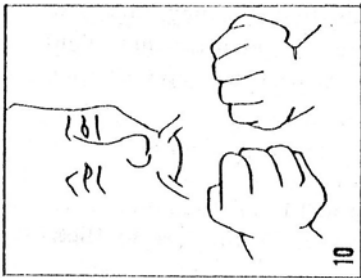
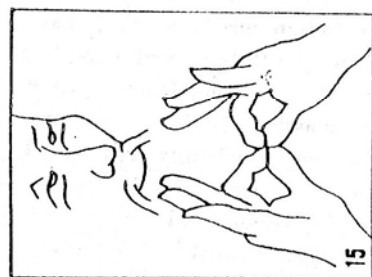
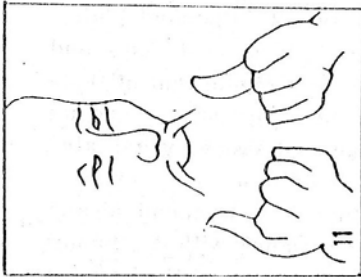
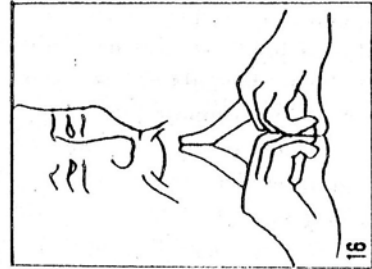
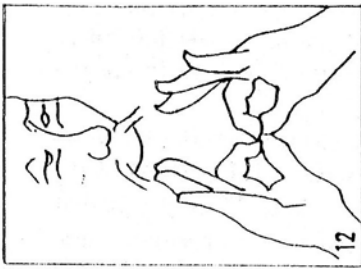
Ở đây không có những thủ ấn đại diện, mà hành giả có một cốc sọ người chứa đầy nước ở phía trước, khi đến lúc cúng dường nội, hành giả mở cốc ra, cầm trong tay trái, và dùng ngón đeo nhẫn của tay phải nhúng vào cốc; búng vài giọt nước, tụng OM PANCA – AM RTA – PUJA KHAHI !
“OM hãy thọ nhận sự cúng dường năm cam lồ này !”.

Sau đó mười sáu cúng dường bí mật được biểu thị, thờ phụng bốn tôn với 16 thiên nữ hỷ lạc bằng 16 ấn sau:



- 1) VAJRA – VINE “thiên nữ chủ của đàn Luýt Kim Cang”
- 2) VAJRA – VAMSE “thiên nữ chủ của Sáo Kim Cang”
- 3) VAJRA – MURAJE “thiên nữ chủ của Trống nhỏ Kim Cang”
- 4) VAJRA – MRDAMGE “thiên nữ chủ của Trống Kim Cang”
- 5) VAJRA – HASYE “thiên nữ chủ của Hỷ Kim Cang”
- 6) VAJRA – LASYE “thiên nữ chủ của Điệu bộ Kim Cang”
- 7) VAJRA – GITE “thiên nữ chủ của Bài hát Kim Cang”
- 8) VAJRA – NRTYE “thiên nữ chủ của Vũ điệu Kim Cang”
- 9) VAJRA – PUSPE “thiên nữ chủ của Hoa Kim Cang”
- 10) VAJRA – DHUPE “thiên nữ chủ của Hương thơm Kim Cang”
- 11) VAJRA – ALOKE “thiên nữ chủ của Đèn Kim Cang”
- 12) VAJRA – GANDHE “thiên nữ chủ của Nước thơm Kim Cang”

- 13) VAJRA – DARSHE “thiên nữ chủ của Sắc Kim Cang”
- 14) VAJRA – RASYE “thiên nữ chủ của Vị Kim Cang”
- 15) VAJRA – SPARSE “thiên nữ chủ của Xúc Kim Cang”
- 16) VAJRA – DHARME “thiên nữ chủ của Thức Kim Cang”



Trước tiên, chúng ta ghi nhận một nhóm bốn thiên nữ: từ 1 đến 4 là thiên nữ về âm nhạc, từ 5 – 8 là thiên nữ về ca khúc và vũ điệu, từ 9 – 12 là thiên nữ cúng dường, từ 13 – 16 là thiên nữ của cảm giác. Cũng trong những nhóm này, đôi khi những thiên nữ được quán tưởng như một bộ phận của đoàn tùy tùng của mandala đã cho, chẳng hạn, bởi Abhayakaragupta và Pema Karpo. Nhận dạng mỗi nhóm thiên nữ với một trong bốn sự hỷ lạc phát sanh bởi sự kiểm soát những kinh mạch, giọt trong Tiến Trình Viên Mãn: 1 – 4 là “bốn niệm tưởng hoan hỷ”, 5 – 8 là “bốn niệm tưởng hỷ lạc cao nhất”, 9 – 12 là “bốn niệm tưởng hỷ lạc của sự chấm dứt”, 13 – 16 là “bốn niệm tưởng của nội lạc”.

Chúng ta có thể ghi chú trong hình 18 và 19 ý định điển đạt bằng hình ảnh rõ rệt của những thủ ấn đại diện cho những thiên nữ này. Vị trí của bàn tay trong cử chỉ 1, “Sáo Luýt Kim Cang” ví dụ, việc sử dụng ngón bấm của miền Nam Ấn *vina*, như trong hình 4 “Trống Kim Cang” được dùng trong việc vận dụng hai ngón của miền Nam Ấn *mrdamga*, và trong động tác 2, “Sáo Kim Cang” trong ngón bấm của việc chơi sáo Flute; trong thủ ấn 7, “Bài Ca Kim Cang” và trong thủ ấn 8, “Vũ điệu Kim Cang” chúng ta thấy những động tác gợi lại của nhà hát cổ điển Ấn Độ, ngay cả những ý niệm trừu tượng tiêu biểu cho sự bất chước; động tác 13 “Sắc Kim Cang” ngụ ý bằng việc hành giả chỉ vào ngón tay của mình (“giống như chỉ vào gương”, có người đã nói với tôi như vậy); và động tác 16 “Thức Kim Cang”, ngụ ý cho việc tạo nên hình tam giác bằng những ngón tay cái và những ngón trỏ, trong việc mô phỏng hình dạng tam giác của giống cái (nguồn cho tất cả các Pháp) trong thiên quán tantric. Kế đó chúng ta có thể đưa ra những câu kệ và Mantra như một ví dụ, kèm theo những động

tác trong việc phô bày bí mật cúng dường về sự hỷ lạc của các giác quan và hỷ lạc thiêng liêng:

1) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân xanh xinh đẹp thổi sáo Lute,
Với chuông và chày trong tay
Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – VINE HUM !

2) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân vàng xinh đẹp thổi sáo Flute,
Với chuông và chày trong tay
Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – VAMSE HUM !

3) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân đỏ xinh đẹp đánh Trống nhỏ,
Với chuông và chày trong tay
Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – MURAJE HUM !

4) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân lục xinh đẹp đánh trống lớn,
Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – MRDAMJE HUM !

5) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như hồng hỷ Dakini xinh đẹp mang tự hào và hoan hỷ,
Với chuông và chày trong tay
Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – HASYE HUM !

6) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini cảm giác thân xanh dương xinh đẹp mang tự
hào và cảm giác,
Với chuông và chày trong tay
Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – LASYE HUM !

7) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini ca hát thân lục xinh đẹp mang tự hào và ca
hát,
Với chuông và chày trong tay
Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – GITE HUM !

8) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini nhảy múa thân vàng xinh đẹp mang tự hào và
cảm giác,

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – NRTYE HUM !

9) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân trắng xinh đẹp với những bông hoa trong
kính mạch hoa sen, với gậy sọ người và trống

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – PUSPE HUM !

10) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân xanh dương xinh đẹp với hương thơm
trong kính mạch hoa sen,

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – DHUPE HUM !

11) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân đỏ với đèn trong kính mạch hoa sen

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – ALOKE HUM !

12) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini thân lục xinh đẹp với nước hoa trong kinh
mạch hoa sen ,

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – GANDHE HUM !

13) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini Sắc thân trắng với tấm gương trong kinh mạch
hoa sen

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – DARH HUM !

14) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini Vị thân đỏ bình vỏ sò chứa đầy nước trong
kinh mạch hoa sen

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – RASYE HUM !

15) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini Xúc thân vàng với vải vóc trong kính mạch
hoa sen

Với chuông và chày trong tay

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – SPARSE HUM !

16) Đa số những bí mật cúng dường thiêng liêng nhất;
Như Dakini Thức xanh dương xinh đẹp với nguồn của mọi
hiện tượng trong kính mạch hoa sen

Với gậy đầu lâu và trống

Nguyện cho người làm vui thích đấng Vinh Quang với
niềm hỷ lạc cao nhất

OM AH VAJRA – DHARME HUM !

Và, cuối cùng, nhiều nghi thức thêm vào ba cấp trên một
cúng dường Chân Lý, sự cao nhất và ban tặng cực điểm của
tự thân Đại Lạc, có thể lấy dạng bài kệ như sau:

Emaho ! Tam giới đầy

Khát khao Cực Lạc.

Emaho ! Cực Lạc an bình phát khởi,

Giác ngộ hiển nhiên lan tỏa mọi nơi

Emaho ! Đại Lạc của Cực Lạc,

Đại lạc viên mãn đã xuất hiện,

Emaho ! Như vô tướng vô tác ,

Những xuất hiện đều hoàn toàn trong Tánh Giác bốn
nguyên,

Emaho ! đồng thời phát sinh trí tuệ nhận ra thực tướng,

Bản chất thực sự của mọi hiện tượng;

Chúng ta hãy nhìn cái đang là giống như trăng trong nước,

Chúng ta hãy nhận âm thanh chỉ như một tiếng vọng,

Chúng ta hãy nhìn trên tâm thức là ảo ảnh trong sa mạc,

Vậy, khi ăn uống cũng giống như hư không,

Mùi vị giống như hoa đốm trong bầu trời.

Hãy để tâm ta tỏa khắp giống như mặt trời, mặt trăng;

Chú tâm vững chắc như núi Tu Di;

Hãy mơ những giấc mơ của một trinh nữ,

Sự định danh là trò ảo của ma thuật.

Tất cả phát sanh cùng lúc với Cực Lạc;

Vì vậy hình tướng phi thường là thoát khỏi bám chấp thế
gian.

Tán thán và tôn kính con đường tối thượng của Đấng Như
Lai.

Ở đó sự vật bao giờ cũng khởi lên như vậy.

HUM ! giống như mặt trời mọc trong bầu trời không mây,

Mặt trời trí tuệ hiện lên trong một tâm thức trong sạch

Chiếu sáng tất cả, biết được mọi sự có thể biết;

Tôn kính Tâm Bốn Nguyên quý báu !

Giống như dòng sông trôi chảy không gián đoạn

Thiền định nhất như không thể ngưng trong một tâm kiên
cố;

Dần dần trở nên không tăng không giảm

Nhưng lại gia tăng kinh nghiệm tánh Không

Quy kính Tâm Bản Nhiên quý báu !

Khi Tâm Vương này không còn xao động,

Chúng ta có được sự kiên cố không xao động bởi những
tạo tác của tâm thức,

Quả tuyệt hảo nhất, luôn vững vàng không thay đổi:

Quy kính Tâm Bản Nhiên quý báu !

Emaho ! Sự quý báu và quang vinh,

Emaho ! Giáo Pháp quý báu và thiêng liêng,

Emaho ! Tâm Bản Nhiên quý báu:

Con xin tôn kính và tán thán trí tuệ giác ngộ vô thượng
này.

Hoặc sự cúng dường Chân Lý này có thể cúng Đại Lạc
trực tiếp tới Bốn Tôn:

Bởi việc kết hợp với Nghi Lễ Biểu Thị,

Bởi sự quán sát của Biểu Thị Trí Tuệ,

Bởi sự hợp nhất của Đại Biểu Thị:

Chúng ta cúng dường với hỷ lạc không thay đổi.

Có những loại cúng dường khác có thể thực hiện với nhiều
bộ Bốn Tôn khác nhau. Nebesky-Wojkowitz đã dẫn chứng tư
liệu đầy đủ, ví dụ, tất cả những loại cúng dường khác nhau có
thể quy định cho những Bốn Tôn thủ hộ phần nộ, nhưng ở đây
chúng ta có thể chú ý như tiêu chuẩn trong nhiều nghi thức;
chén sọ người được đổ đầy nước tiêu biểu cho *thuốc* và *máu*
(*biểu tượng cho cam lồ*). Tất cả những loại cúng dường *torma*
khác vào cuối nghi lễ đại diện cho bốn bộ “khách”: Bốn Tôn
chánh, những Hộ Pháp, “chủ của trái đất”, và chúng sanh
trong sáu cõi

Torma cho Bốn Tôn chánh – cúng dường torma về hình
dạng và trang trí khác nhau cho mỗi Bốn Tôn – cũng có thể
hợp thành nhóm cùng với máu, thuốc, hình thành một bộ cúng

dường tách biệt – máu, thuốc, và torma – được gọi là đặc biệt đối nghịch với cúng dường bên ngoài, bên trong, và bí mật đã được xem là tổng quát, cũng ở đây cúng dường Chân Lý được tách ra hình thành một bộ thứ ba, gọi là *tối cao*. Thuốc men hay biểu tượng tinh dịch – nguyên tố nam tương ứng với máu của phụ nữ – cũng tương tự với năm cam lồ, vậy trong hai cúng dường này có hình thức giống nhau, và có thể sử dụng cùng mantra trong cả hai. Những minh họa trích dẫn sau cho thấy những cúng dường đặc biệt này được trình bày ra sao, ví dụ Ngài Padmasambhava và những Bốn Tôn Phần Nộ, Hiền Minh vây quanh:

Cúng dường thuốc men:

HUM ! cam lồ này, sự chưng cất của
Hàng trăm loại vật phẩm thiêng liêng
Khiến tạo ra Cha, Mẹ của năm gia đình
Là trạng thái của năm thân và năm trí tuệ
Là duyên cớ phát sanh Phương Tiện và Trí Tuệ từ nguyên
nhân của nó:

Chúng con cúng dường lên tất cả những Guru từ bi
Và những Bốn Tôn quyển thuộc Hiền Minh và Phần Nộ.
Hãy thương mến chúng con với lòng từ bi;
Ban cho chúng con thành tựu năng lực và huyền diệu !

OM AH HUM ! SARVA – PANCA – AMRTA –
KHARAM KHAHI !

Xin hãy thọ dụng năm cam lồ này !

OM AH HUM ! đến khẩu của :

Những Guru của năm dòng truyền thừa
Sự tụ hội của Tam Bảo của các Đấng Chiến Thắng,
Một trăm gia đình của Bốn Tôn Phần Nộ và Hiền Minh
Những bậc trì giữ Mantra, Daka, Dakini, Cha và Mẹ,
Tụ hội của Dakini, những bà mẹ cao nhất
Hàng loạt Dấu Thập Kim Cang Huyền Bí thiêng liêng.

SARVA – PANCA – AMRTA – KHARAM KHAHI !
Xin hãy thọ dụng tất cả năm cam lồ này !
Đến khẩu của :

Tam Bảo, Ba Đấng Tối Cao
Của mọi phương, mọi thời
Những Hộ Pháp, những Diệu Phật của hạnh phúc
Chủ của những kho tàng chôn kín:

SARVA – PANCA – AMRTA – KHARAM KHAHI !
Hãy thọ dụng tất cả năm cam lồ này !
Đến khẩu của :
Tất cả những bậc quý giá khác:

SARVA – PANCA – AMRTA – KHARAM KHAHI !
Xin hãy thọ dụng tất cả năm cam lồ này !

Nhận được những thành tựu huyền diệu:

HUM ! dòng cam lồ từ sự hợp nhất
Của Cha và Mẹ năm gia đình
Trong chén sọ người của cõi hiện tượng,
Dòng cam lồ cuộn cuộn của năm gia đình
Sở hữu năm trí tuệ

Ban cho chúng con sự thành tựu huyền diệu của thân,
khẩu, ý ngay đây !

KAYA – SIDDHI OM ! VAK – SIDDHI AH ! CITTA –
SIDDHI HUM !

Cúng dường *máu*:

HUM ! Máu này, sẽ chuyển hóa
Năm độc thành năm trí tuệ,
Máu của đại bi, điềm tĩnh, bi rộng lớn
Máu bí mật to lớn này, bất nhị, thoát khỏi bám chấp:
Chúng con cúng dường lên tất cả Guru từ bi
Và các Bốn Tôn Hiền Minh và Phần Nộ của Ngài

OM AH HUM ! MAHA – RAKTA – KHARAM KHAHI !
Xin hãy thọ dụng máu này !

Cúng dường *torma* (*bánh bột*):

OM AH HUM ! trong chén sọ người này (thanh tịnh hình
tướng)

Chúng con bày torma lớn này (thanh tịnh cảm xúc),
Chúng con bao quanh nó bởi những búp mầm (thanh tịnh
quan niệm),

Chúng con trang trí với những trang hoàng (thanh tịnh động
cơ):

Torma vĩ đại này (thanh tịnh nhận thức)

Chúng con cúng dường lên tất cả Pháp Thân từ bi,

E ! trong chén sọ người của Tánh Không phi chướng ngại

Chúng con bày đại torma của trí tuệ trong sáng,

Chúng con tô điểm với những trang sức của từ bi không dứt

Và cúng dường lên Báo Thân hiền minh

OM AH HUM ! trong lòng chảo (thế giới vô tình bên ngoài)

Chúng con bày torma (chúng sanh hữu tình bên trong thế giới)

Chúng con trang trí với thuốc, quả của thuốc luyện đan

Và cúng dường lên những Hóa Thân Hiền Minh và Phần Nộ.

OM AH HUM ! GURU – DEVA – DAKINI MAHA
BALIM TEGRHNA KHA KHA KHAHI KHAHI !

Dâng lên các Ngài torma này: hãy nhận, hãy thọ dụng !

Cúng Dường Pháp Giới

Vượt lên tất cả những cúng dường đã liệt kê trên, có một loại cúng dường cao hơn, trên thực tế tổng hợp tất cả, và làm thành yếu tố trọng tâm liên quan đến chủ đề quan trọng và phổ thông nhất trong nghi thức Tara. Đây là cúng dường Mandala (hay mandalaka chuyển ngữ sang tiếng Tây Tạng hơn là phiên dịch, để phân biệt thuật ngữ Tây Tạng *chikhor* dịch là “mandala của những lâu các và những cư dân trong đó”). Cúng dường mandala không hơn là một trình bày tới Bốn Tôn của toàn bộ thế gian, quán tưởng phía trước hành giả như một cõi giới bằng vàng với núi Tu Di và các châu lục phụ, một bản đồ vũ trụ với đầy đủ “tất cả sự giàu có và vinh quang của con người và chư thiên. Đây có lẽ là điển cảm cao

nhất của sự sùng kính được nghi thức hóa, khởi đầu như một trình bày tới Guru của một cá nhân, sử dụng như một biểu tượng hoàn toàn phụ thuộc vào Ngài, như một “di sản” vô giá dâng lên vị Thầy, người đã ban quán đảnh, một tặng phẩm vô giá nên giá trị của nó là vô biên.

Thủ ấn kèm theo cúng dường này – ấn cúng dường mandala – được trình bày trong hình, hai ngón đeo nhẫn ở trung tâm tiêu biểu núi Tu Di ở giữa thế giới, và những ngón còn lại kết hợp với nhau tiêu biểu cho bốn châu lục chánh bao quanh. Trên bàn thờ cúng dường này được trình bày bằng một dãy bốn chiếc đĩa, thường trang trí bằng vàng và bạc, những hình ảnh giả sử như vật cúng dường ở bên trong, chứa đầy ngũ cốc hay gạo. Hành giả giữ đĩa trong tay trái và đặt từng nhúm gạo nhỏ bằng tay phải, mỗi một nhúm tượng trưng cho ba mươi bảy món cúng dường truyền thống. Nghi thức này đã được một số học giả phương Tây mô tả, nhưng ở đây trình bày một kiểu quán tưởng tiêu chuẩn ngắn gọn việc cúng dường:



1) CÚNG DƯỠNG MANDALA (Pháp Giới)

Kết ấn cúng dường mandala và rải gạo lên không trung,
Tụng:

OM VAJRA BHUMI AH HÙM
OM VAJRA REKHE AH HUM
OM HAM NAMAH ! OM YAM PURVAVIDEHAYA
NAMAH ! OM RAM JAMBUDVIPAYA NAMAH ! OM
LAM APARAGODANNIYAYA NAMAH ! OM VAM
UTTARAKURAVE NAMAH !
OM A SURYA NAMAH !
OM A CANDRAYA NAMAH !
OM ARYA – TARA – GURU – SARVA – BUDDHA –
BODHISATTVA – NÀMSA – MÀTÀ – PITRNÀM –
SÔPASTHÀYIKÀNÀM SA-PARI-VARANÀM IDAM
RATNA – MANDALAKAM NIRYATAYAMI !

OM VAJRA – BHUMI ! “nền tảng Kim Cang” AH HUM !
nền tảng thanh tịnh, bền vững vĩ đại, đúc toàn bằng vàng.

OM VAJRA – REKHE “đặc điểm chính bằng Kim Cang”
AH HUM ! ở giữa là núi Tu Di (1) vua của các ngọn núi, với
chữ HUM ở giữa, được bao quanh bởi vòng núi sắt.

Ở hướng Đông là Purvavideha(2); hướng Nam là
Jambudvipa(3); hướng Tây là Aparagodaniya(4); hướng Bắc
là Uttarakuru(5).

Về phía hướng Đông là Deha(6) và Videha(7); hướng Nam
là Camara(8) và Aparacamara(9); hướng Tây là Satha(10) và
Uttaramantrina(11); hướng Bắc là Kurava (12) và Kaurava
(13).

Kế tiếp là núi châu báu (14); cây như ý (15); bò như ý (16
– bò báu), và mùa màng tốt đẹp không cần cày bừa (17).

Sau đó là bánh xe báu (18); ngọc báu (19); hoàng hậu báu (20); người thừa hành báu (21); voi báu (22); ngựa báu (23); tướng quân báu (24); và túi đựng tài sản (25)

Kế đó là tám thiên nữ : Thiên nữ Cảm Giác (26); Thiên nữ Vòng Hoa (27); Thiên nữ Nhạc Khúc (28); Thiên nữ Vũ điệu (29); Thiên nữ Bông Hoa (30); Thiên nữ Hương Thơm (31); Thiên nữ Đèn (32), và Thiên nữ Nước Thơm (33).

Tiếp theo là mặt trời (34); mặt trăng (35); lọng báu (36), và cờ chiến thắng khắp mọi phương (37).

Và ở giữa là toàn bộ Người, chư Thiên quang vinh, sự sung túc.

Với pháp giới hoan hỷ và thanh tịnh này, những đám mây cúng dường thu hút từ đại dương của cõi thế gian thuộc về các Đấng đức hạnh của ba thời. Hãy hoan hỷ với thân con và chúng sanh khác. Con thành kính cúng dường đến các Đạo Sư vinh quang và các bậc Thánh, đến Đạo Sư gốc của con và những Đạo Sư trong dòng phái. Con cầu khẩn các Ngài hãy nhận với lòng đại bi vì lợi ích của chúng sanh và con cầu các Ngài ban cho sự quán đảnh

GURU IDAM MANDALAKAM NIRYATAYAMI !
“Guru, con dâng cúng dường mandala này”

OM MANDALA PUJA MEGHA SAMUDRA SPHARANA
SAMAYE AH HUM (ba lần)

Hành giả quán tưởng tất cả những cúng dường này, dâng lên tất cả những hoạt động thiện, những phẩm tính tốt, từ bi, đức hạnh của hành giả và những chúng sanh khác trong quá khứ, hiện tại hay vị lai. Dâng lên tất cả những gì hành giả

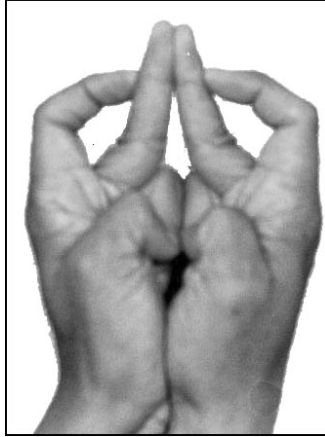
ham thích hay những sự hưởng thụ như: quần áo, thực phẩm, đồ trang sức và ngay cả chính thân của hành giả để phục vụ cho Bốn Tôn hay Guru:

Ngài Tilopa nói: “Nếu người muốn được chỉ dạy, hãy tạo một mandala.” Nhưng Naropa không có ngũ cốc, nên Ngài tạo một mandala bằng cát, và khi tìm kiếm khắp nơi, Ngài không thấy một chút nước nào. Tilopa hỏi: “thân người không có máu sao?” Naropa chích máu từ mạch máu và tìm khắp nơi nhưng không thấy bông hoa. Tilopa mắng: “ người không có tay sao? Hãy cắt đầu người và đặt giữa mandala. Đem tay và chân người xếp chung quanh”. Naropa làm đúng theo như vậy, và cúng dường cho vị Guru của Ngài, mặc dù Ngài đuối sức vì mất nhiều máu. Khi Ngài tỉnh dậy, Tilopa hỏi: “Naropa người có hạnh phúc không?” và Naropa trả lời:

Hạnh phúc thay việc cúng dường lên vị Guru của con
Mandala này bằng máu thịt của chính con.

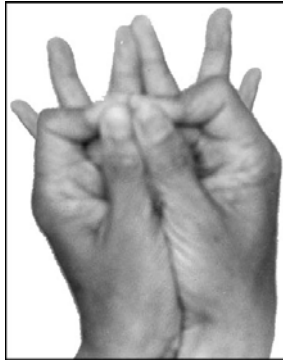
II. XIN QUÁN ĐÁNH:

Kim cang ấn: hai ngón vô danh và ngón út của hai bàn tay co lại và áp vào nhau, hai ngón giữa chụm đầu duỗi thẳng, hai ngón trở co lại đặt lên lông thứ nhất của ngón giữa, hai ngón cái co vào đụng đầu hai ngón vô danh co trong lòng bàn tay.



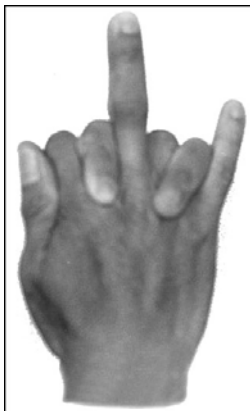
OM SARVA TATHAGATA ATAM AHAM VAJRA
STANA SARVA TATHAGATA VAJRA STANA HUM.

Bảo ấn: Hai tay chắp lại hai ngón giữa dựa nhau, hai ngón vô danh và út xòe ra như con công, hai ngón trở co vuông góc chụm đầu lại, hai ngón cái dựa nhau để đỡ hai ngón trở.



OM SARVA TATHAGATA CINTAMANI JVALANI
SARVA TATHAGATA AHAM SUDDHA
PARISUDDHAYA SVAHA. (10 phương chư Phật quán
đảnh)

Samaya ấn: hai tay chấp lại, hai ngón cái, hai ngón giữa, hai ngón út dính nhau hai ngón trỏ, hai ngón vô danh co lại bên ngoài hai bàn tay



OM SARVA TATHAGATA VAJRA SAMAYA HUM.

Chân ngôn:

OM NAMO RATNATRAYAYA NAMAS TRAIYADHVA
SARVA TATHAGATANAM NAMAS TARAYAI.

Tâm chú:

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA.

Tâm chú dòng Liên Hoa: (Padma Kula) OM TUTTARE
TURE TURE SVAHA.

Tâm chú dòng Bảo Bô: (Ratna Kula) OM TARE TURE
TURE SVAHA.

Tâm chú dòng Tác Nghiệp: (Karma Kula) OM TURE
TUTTARE SVAHA.

Tâm chú dòng Kim cang bồ: (Vajra Kula) OM TARE TUTTARE TARE SVAHA.

III. TỤNG CHÚ, QUÁN TƯỚNG:

a. Tụng chú:

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA (túc số 10 triệu biến)

21 Tara còn lại túc số là 1.000.000 biến.

b. Quán tưởng trên thân phần: quán tưởng chữ OM () trên đỉnh, chữ TA () trên trán, chữ RE () hai mắt, chữ TU () hai vai, chữ TA () ngay tim, chữ RE ngay rốn, chữ TU hai đầu gối, chữ RE hai bắp chân, chữ SVA () chân trái, chữ HA () chân phải, tất cả những chữ đều có màu xanh lục. Khi quán tưởng tụng bảy biến: OM SAMAYA TARE HUM.

c. Quán tưởng hai vòng nguyệt luân:

1. quán tưởng theo chiều thuận (hình vẽ trang 94)
2. quán tưởng theo chiều ngược (hình vẽ trang 94)

d. Quán tưởng Mandala Bốn Tôn

Quán tưởng Mandala của Bốn Tôn Tara như sau:

Cung điện nhiều màu, hoa sen bốn cánh chung quanh là tướng kim cang, có bốn góc, bốn cổng, tám cột trong một hình vuông trang hoàng lưới châu báu, bông hoa.

Trong trung tâm trên mặt trăng và hoa sen là chữ TAM () xanh lá cây biến thành hoa sen Utpala, hoa Utpala biến thành Tara thân xanh lục, một mặt hai tay: tay phải kết ấn Thí nguyện và bông sen Utpala xanh dương, tay trái cầm

cộng sen Utpala trên đó có bánh xe pháp luân. Thân thể tươi nhuận, trẻ trung khoảng 16 tuổi, mặc thiên y; trang sức với ba vòng đeo cổ, bông tai, cổ tay, cổ chân và mão ngọc sáng chói, ngồi trên hoa sen và mặt trăng.

Hướng Đông: trên hoa sen và mặt trăng, từ chữ TAM biến ra hoa sen Utpala xanh dương phát ra ánh sáng ngũ sắc rực rỡ, từ hoa này biến thành Tara xanh dương, có hai tay, tay phải cầm gậy chĩa ba (trident) tay trái cầm nhánh sen Utpala, thân thể trang sức rực rỡ và ngồi như tư thế Tara xanh lục.

Hướng Nam: trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ RE biến ra hoa sen Utpala vàng biến ra ánh sáng nhiều màu, từ đó hiện ra Tara vàng ròng, tay phải cầm kiếm, tay trái cầm hoa Utpala và thân thể trang sức rực rỡ.

Hướng Tây: trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TU biến ra hoa sen Utpala đỏ biến ra ánh sáng nhiều màu từ chủng tự này, sau đó biến ra Tara đỏ hai tay; tay phải cầm bánh xe, tay trái cầm hoa Utpala, trang sức rực rỡ và thế ngồi như Tara lục.

Hướng Bắc: trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TAM biến ra Tara xanh từ bông Utpala xanh lá cây phát ánh sáng, Tara một mặt hai tay, tay phải cầm lọng, tay trái cầm hoa Utpala xanh lục, trang sức trên thân rực rỡ và thế ngồi cũng như Tara ở giữa.

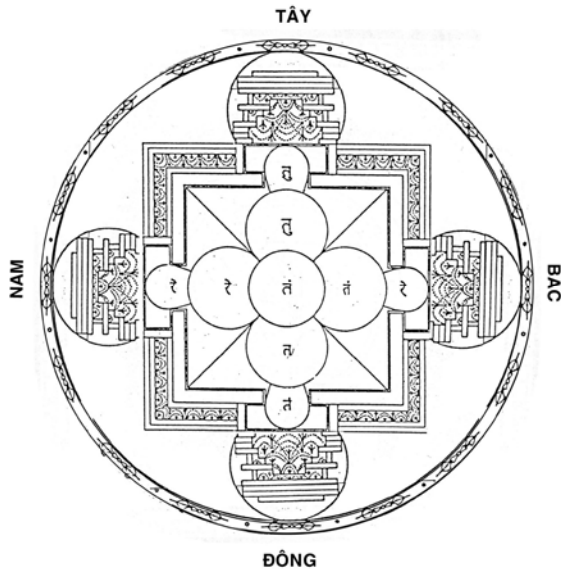
Ở cửa Đông: trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ TAM biến ra hoa sen Utpala, hoa Utpala biến thành Tara Ankusi trắng, hai tay cầm móc câu voi, hiện tướng phần nộ, chân phải duỗi thẳng, chân trái đứng co theo tư thế Abidha

Ở cửa Nam: trên mặt trăng và hoa sen, từ chữ RE biến ra hoa sen Utpala, hoa Utpala biến thành Tara Pasi màu vàng hai tay cầm sợi dây; hiện tướng phần nộ, thân trang sức đẹp

đề, đứng duỗi chân phải; co chân trái trên mặt trăng và hoa sen.

Ở cửa Tây: từ chữ TU biến thành Utpala với chủng tự phát ra hào quang nhiều màu, từ Utpala biến thành Tara Sphota đỏ, hai tay cầm những sợi dây xích, mặt phẫn nộ, trang sức rực rỡ; đứng co chân trái trên mặt trăng và hoa sen.

Ở cửa Bắc: từ chữ RE biến thành Utpala, từ Utpala biến thành Tara Ghanta xanh lục, hai tay cầm chuông, mặt phẫn nộ, trang sức rực rỡ; đứng co chân trái trên mặt trăng và hoa sen.



Đồ hình Mandala của Tara và 8 hoá thân

PHÁT KHIỂN:
Cúng dường bông:

OM NAMO BHAGAVATE PUSPA – KETU – RAJAYA
TATHAGATAYA ARHATE SÀMYAKSÀMBUDDHAYA
TADYATHA: PUSPE PUSPE MAHA PUSPE
PUSPÔDBHAVE PUSPA-SAM-BHAVE PUSPAVAKIRNE
SVAHA ! (ba lần)

Xong rải bông vào hình Bốn Tôn trên bàn thờ và tán thán.
Cúng Đường Bánh Bột (TORMA):



Tụng mantra Amrta để tẩy tịnh, chân ngôn Svabhava và
Om Ah Hùm để gia trì bánh cúng:

NAMAH SARVA BUDDHA BODHISATTVANAM
APARATIHATA SHASANAM HE HE BHAGAVATE
MAHASATTVA SARVA BUDDHA AVALOKITE
MAVILAMBA MAVILAMBA IDAM BALIM
GRHNAPAYA GRHNAPAYA HUM HUM JA JA SARVA
VISAM CHARE SVAHA. (7 lần)

Cúng bánh bột đến các hộ pháp:



OM AKARO MUKHAM SARVA DHARMANAM
ADYANUTPANATVATA OM AH HUM PHAT SVAHA !
(ba lần)

Cúng bái bột đến thổ địa, thần cai quản địa phương:

OM AKARO MUKHAM SARVA DHARMANAM
ADYANUTPANATVATA OM AH HUM PHAT SVAHA !
(ba lần)

Cúng bái bột đến chúng sanh trong sáu cõi:

NAMAH SARVA TATHAGATA AVALOKITE OM
SAMBHARA SAMBHARA HUM. (7 lần)

Con xin đánh lễ Đa Bảo Như Lai

Con xin đánh lễ Diệu Sắc Thân Như Lai

Con xin đánh lễ Quảng Bác Thân Như Lai

Con xin đánh lễ Ly Bố Uý Như Lai

Cầu xin chúng sanh trong sáu cõi được no đủ, phúc lạc, với
bớt nỗi đau khổ trong vòng luân hồi và thành tựu Phật quả

2) SÁM HỐI NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM:

Tụng ba lần bài ALI KALI (nguyên âm, phụ âm) và 1 biến
Kim Cương Tát Đỏa (bài 100 âm) hoặc 108 lần OM
VAJRASATTVA HUM.

SÁM HỐI NHỮNG SƠ SUẤT TRONG CÔNG PHU:

Trong lúc công phu con có những tư tưởng, phóng tâm suy niệm sai lạc về giáo pháp, trạo cử, hôn trầm, thực phẩm dâng cúng không được thanh tịnh, phát âm chân ngôn không được chính xác, xin Bốn Tôn đại từ đại bi tha thứ và giải tan những chướng ngại bên trong, bên ngoài để con thành tựu những ước nguyện và năng lực nhằm cứu độ chúng sanh.

PHÁT TÁN (NIÊM PHONG):

Hành giả quán tưởng Bốn Tôn và Thánh Chúng tan biến thành ánh sáng thu rút vào đỉnh đầu của hành giả và niệm thầm liên tục OM AH HUM cho đến khi sự quán tưởng được hoàn thành.

PHÁT KHIỂN:

OM ! Đấng đại từ đại bi,
Với đại nguyện phục vụ chúng sanh
Xin ban cho con thành tựu tâm linh,
Xin Ngài trở về Tịnh Thổ
Xin Ngài trở lại nơi này khi
con cầu nguyện,
OM VAJRA MUH.



BÀI KIẾT TƯỜNG:

Xin đánh lễ Đạo Sư!
Bậc xứng đáng được cúng dường của chư Thiên và nhân loại,
Xin đánh lễ Đức Phật,
Ngài là kho tàng vô giá.
Cầu xin tài bảo phát sinh đến mọi người.
Xin đánh lễ Giáo Pháp,
Giúp chúng sanh an tịnh và vô nhiễm,

Đáng giá được cúng dường,
Của chư Thiên và nhân loại
Cầu xin tài bảo phát sinh đến mọi người.
Xin đánh lễ tập hội Tăng Đoàn,
Những vị có phẩm tính tuyệt hảo
Đáng được cúng dường bởi chư Thiên và nhân loại
Cầu xin tài bảo phát sinh đến mọi người.
Cầu xin những vong linh đã đến đây rồi,
Đã lang thang trên mặt đất
Hoặc trong cõi giới Bardo
Mong sự tái sinh kiếp sau của các vị
Được an vui hạnh phúc.
Thực hành Giáo Pháp ngày và đêm,
Bởi chân lý của Đấng Chiến Thắng
Chuyển Pháp Luân không mệt mỏi,
Như mặt trời, mặt trăng
Xua bóng tối vô minh.
Do lời chân thật này
Cầu xin các Đạo Sư
Các hành giả
Các vị Thần Tài và quyến thuộc
Chiến thắng trong mọi tình huống
Đạt được sự thịnh vượng.
Jaya, Jaya, Jaya, Vijaya
Sarva Mangalam!

TÁC PHÁP:

Phần trên bao gồm sự cúng dường, tán thán, hành giả quán tưởng thần chú Bốn Tôn Tara như sau:

Trong tâm của Đức Tara trên một bông sen, trong đế mặt trăng là chủng tự TÂM màu xanh lục bao quanh bởi tâm chú

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA phát ánh sáng cúng dường thập phương chư Phật và cảm ứng chư vị, ánh sáng đó làm xoa dịu những tội lỗi, chướng ngại, đau khổ, bệnh tật của tất cả chúng sanh trong đó có Đạo sư và cha mẹ của hành giả làm tăng trưởng công đức, tuổi thọ, trí tuệ, sự vinh quang.

Tùy theo nguyện vọng hành giả có thể nguyện thêm phần phụ chú ở giữa tâm chú:

OM TARE TUTTARE TURE ----- SVAHA

Cầu xin mọi ma quỷ, chướng ngại, bệnh tật, sốt nóng, bệnh hoạn, thương tật, ác mộng, tử vong, sự bối rối, các điều bất tường ... được hóa giải:

1. Ma quỷ:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA GRAHAN SHANTIM
KURU SVAHA.

2. Quỷ chướng ngại:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA VIGHNAN SHANTIM
KURU SVAHA.

3 Bệnh tật:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA VYADHIN SHANTIM
KURU SVAHA.

4 Nóng sốt:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA JVARAN SHANTIM
KURU SVAHA.

5 Bệnh hoạn:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA ROGAN SHANTIM
KURU SVAHA.

6 Thương tật:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA UPADRAVAN
SHANTIM KURU SVAHA.

7 Tử vong:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA AKALAMRTYUN
SHANTIM KURU SVAHA.

8 Ác mộng:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA DUSHVAPNAN
SHANTIM KURU SVAHA.

9 Điều bất tường:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA DURMINITANI
SHANTIM KURU SVAHA.

10 Bối rối, loạn tâm:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA CHITTAKULANI
SHANTIM KURU SVAHA.

11 Kẻ thù:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA SHATRUN
SHANTIM KURU SVAHA.

12 Khủng bố:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA BHAYOPADRAVAN
SHANTIM KURU SVAHA.

13 Đấu tranh:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA YUDDHANI
SHANTIM KURU SVAHA.

14 Hành động bất thiện:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA DUSKRTANI
SHANTIM KURU SVAHA.

15 Trù ếm, nguyên rủa:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA KRTYA
KAKORDHAN SHANTIM KURU SVAHA.

16 Chất độc:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA VISANI SHANTIM
KURU SVAHA.

17 Tổng quát:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA BHAYA
VIMOGHANA – RAJA – CHAURA – AGNI – VISA –
UDAKA – BHAYANI PRASHAMAYA SVAHA.

(OM TARE TUTTARE TURE xin giải thoát các điều
khủng bố, tiêu diệt các sợ hãi từ vua quan, trộm cướp, lửa,
chất độc, nước SVAHA).

Hoặc:

OM TARE TUTTARE TURE SARVA BANDHANA –
TADANA – RAJA – TASKARA – AGNI – UDAKA – VISA –
SHASTRANI PARIMOCCHAKA SVAHA.

(OM TARE TUTTARE TURE xin giải thoát các chướng
ngại, sự đánh đập đàn áp từ vua, trộm cướp, từ chất độc, nước
và vũ khí SVAHA).

Mantra hàng phục: OM TARE TARE TUTTARE HUM
KARA PURITASI DIGANTARE SAPTA LOKA
KRAMAKRANTI ASESAKARSANA KSAMI HRIH.

Tăng ích: OM TARE TARE TUTTARE HUM SVAHA
KARA PURITASA DIGANTARE SAPTA LOKA
KRAMAKRANTI ASESA PUSTIM KURU KARSANA
KASAMI HO.

Hành đông: OM TARE TARE TUTTARE HUM KARA
PURITASA DIGANTARA SAPTA LOKA
KRAMAKRANTI USNISA ALIKA RAYAKARSANA
KSAMI PHAT.

Điều phục Long Vương: OM TARE TARE TUTTARE
TURE HUM KARA PURITASI DIGANTARE SAPTA
LOKA KRAMAKRANTI ASESANTA KURU
KARSANA KSAMI SVAHA.

Tất cả mọi thiên sư: OM TARE TARE TURE TUTTARE
SVAHA SAKRAMATA BRAHMA RUDRAIS

CESVARACITE BHUTA VETALA GANDHARVA GANA
YAKSA PURAS KRTE PHAT KARA PARA YANTRA
PRAMARDANI PRATYALIDHA PADANYASA SIKHI
JVALAKUTI JALIRI MAHA GHORI MARA VIRA
VINASANI BHRKUTI KRTA VAKTRABYA SARVA
SATRU NISUDANI RATNA MUDARIKA HRDYANGULI
VIBHUSITE BHUTASESA DIK CHAKRA NIKARA SVA
KARA KULE HUM HUM HUM PHAT PHAT PHAT.

Thành tựu mọi tác nghiệp: (sarva karma siddhi mantra)

OM INDRAYA YAMAYA VARUNAYA YAKSAYA
AGNAYE VARAVE NAIRRTYAI RAKSASE. OM INDRA
PALAYA SURYA CANDRAYA UTI AYA BHUMIYE
AKRO MUKHAM SARVA DHARMANAM ADY
ANUTPANATVATA OM AH HUM PHAT SVAHA.

1. Nghi thức Tức tai:

Trong một phòng được xông trầm hương để chịu, rắc nước hoa, thoa nước đàn hương lên mandala trắng và rải những bông hoa, trong một bình trắng được làm bằng vật liệu quý đặt năm thứ: vàng, ngọc trai, pha lê, san hô, lam ngọc – năm loại hương: đàn hương, agaru, nhựa thông, long não, và usira – ngũ cốc: lúa mạch, lúa mì, đậu Hà Lan, gạo, và dầu mè – năm tinh chất: đường, mật ong, bơ, muối, và hạt mè. Trưng bày bốn bình, bốn hương thơm, bốn ngọn đèn, bốn bông hoa.

Quán tưởng từ chữ TAM trở thành người mẹ ban cho năng lực TARA trong thân của yogini, thân Ngài màu trắng giống như trắng mùa thu được trang sức bằng những vòng cổ, vòng tay... gồm một mặt; hai tay. Tụng:

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA.

2. Nghi thức Tăng ích:

Trong một phòng được xông trầm với mùi dễ chịu, làm một mandala trét bằng sản phẩm của bò màu hung, thoa bằng mùi dịu, những bó hoa, trưng bày một thangka tăng ích, làm 21 đồng nhỏ của năm loại quý, ngũ cốc, dược phẩm, để chúng trong một bình nhỏ quý và đặt giữa mandala, sắp bốn món: nước, hương, đèn, và hoa.

Quán tưởng từ chữ TAM trở thành người mẹ ban cho năng lực TARA nhanh chóng trong thân của yogini, thân Ngài màu vàng được trang sức bằng những vòng cổ, vòng tay... gồm một mặt; hai tay. Tụng:

OM TARE TARE TUTTARE TURE SVAHA.

3. Nghi thức Hàng phục:

Thực hành trong một bãi tha ma, tại một cây duy nhất, trên bờ sông, hay trong một tu viện. Trét nơi đó với năm sản phẩm của bò, và trên mandala thoa nước hoa thường, một bông hoa. Để những vật có năng lực, hoa, và trái cây trong một bình quý và đặt chúng ở giữa mandala.

Quán tưởng từ chữ TAM trở thành người mẹ ban cho năng lực TARA nhanh chóng trong thân của yogini, thân Ngài màu đỏ như hoa bandhuka được trang sức bằng những vòng cổ, vòng tay... gồm một mặt; hai tay. Tụng:

OM TUTTARE TURE SVAHA.

4. Nghi thức Phần nô:

Thực hành trong sân một lò thiêu, tại một cây duy nhất, trên bờ sông lớn. Rắc năm sản phẩm của bò và làm một mandala với nước hoa dịu. Trên một vỏ cây bu lô hay một mảnh vải hoặc một vỏ cây khác vẽ bằng nước cây nimb hình của vua hay bất kỳ ai và đặt trong một tô đất sét hay hộp trên mandala, ngoài ra cũng sắp xếp những vật cúng dường như hương thơm, đèn.

Quán tưởng từ chữ TAM trở thành người mẹ ban cho năng lực TARA nhanh chóng trong thân của yogini. Từ một hoa sen lớn trở thành mặt trời và mặt trăng Ngài ngồi trên đó, thân Ngài màu xanh lục, trang sức với những vòng cổ, vòng tay... Ngài có một mặt hai tay với Phật A Di Đà ngự trên mặt trăng trên đỉnh đầu Ngài. Tụng:

OM TURE TUTTARE TURE SVAHA.

5. Tất cả mọi Hoạt động:

Thực hiện trong sân một lò thiêu, ở một gốc cây, trước một bảo tháp, hay trên bờ một con sông lớn, phết bằng năm sản phẩm của bò, trên mandala thoa nước hoa thường, một bông hoa. Bày hình của Bốn tôn. Chính giữa hình làm bằng sáp ong, chèn mantra trên vải từ sân lò thiêu cho hòa hợp, chèn chủng tự tên và đặt chính giữa mandala, cũng sắp xếp hoa, đèn nến, nhang thơm.

Quán tưởng từ chữ TAM trở thành người mẹ ban cho năng lực TARA nhanh chóng trong thân của yogini. Từ một hoa sen trở thành mặt trời và mặt trăng Ngài ngồi trên đó, thân màu đen tỏa sáng với vòng tay, vòng cổ. Ngài một mặt hai tay, mặt Ngài nghiêm nghị và nói HUM, mái tóc vàng cam của Ngài hướng lên trên, với Phật A Di Đà ngự trên mặt trăng trên đỉnh đầu Ngài. Tụng:

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA.

Những điều này thành tựu bốn hoạt động.

6. Mẹ của gia đình Kim Cang bồ:

Bốn mặt, tám tay, có màu của vỏ sò, bốn mặt có màu trắng, xanh dương đậm, đỏ, và vàng. Những khuôn mặt của Ngũ Trí Phật nổi lên trên đỉnh, ba mắt, tám tay cầm: (phải) chày, mũi tên, giáo, ấn thí nguyện, (trái) utpala, chén, móc vajra, quyển sách với ngón trở đe dọa.

Mantra: NAMO RATNATRAYAYA NAMA ARYA JNANA SAGARAYA AKSHOBHYA – VYUHA RAJAYA TATHAGATAYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHAYA. NAMA ARYA AVALOKITESVARAYA BODDHISATTVAYA MAHASATTVAYA MAHA KARUNIKAYA TADYATHA: OM TARE TURE TUTTARE SVAHA.

Làm một hình nộm của bất kỳ ai bằng sáp, và đưa vào trong trái tim của nó những nguyên liệu làm từ thịt quạ và cừu có thể thay được cùng với danh tính. Tụng:

OM AMUKAM ME VASAM ANAYA SVAHA.

Tụng và chôn nó ở hướng Đông Bắc, sẽ xảy ra xung đột và phân cách khiến kẻ thù bỏ chạy.

7. Mẹ của gia đình Liên Hoa bộ:

Bốn mặt, tám tay, mặt chánh màu đỏ, thân có màu của hoa banduka (đỏ), bốn mặt: phải-trắng, trái- xanh dương đậm, phía sau-vàng. Trên đỉnh bốn khuôn mặt được chạm nổi của Ngũ Trí Phật ba mắt; tám tay: (bên phải) hoa sen; mũi tên; giáo; thí nguyện ấn, (bên trái) utpala; chén; móc vajra; quyển sách với ngón trở đe dọa.

Mantra:

NAMO RATNATRAYAYA NAMA ARYA JNANA SAGARAYA AMITABHA – DEVA VYUHA RAJAYA TATHAGATAYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHAYA. NAMA ARYA AVALOKITESVARAYA BODDHISATTVAYA MAHASATTVAYA MAHA KARUNIKAYA TADYATHA: OM TUTTARE TURE SVAHA.

Nghiền nhỏ cà độc dược, và hoa asoka, trộn bột với thuốc mỡ và mật ong, tụng:

OM AMUKA ABHIDHANAM KUMARI MAHYAM
UDVAHENA TASYA PITA PRAYACCHATU HUM
HRIH.

Để đạt được thân gái ngang với con vua (cúng dường lửa 5.000 lần với hạt cây thuốc phiện candali, trái cây thuốc phiện, hoa asoka, mật ong, bơ sữa trâu lỏng và đường trong bảy ngày)

8. Me của tất cả chư Như Lai:

Bốn mặt, tám tay, mặt chánh màu vàng của vàng đang nung, phải trắng, trái đỏ, phía sau xanh dương đậm, tất cả được chạm nổi Ngũ Trí Phật trên đỉnh, ba mắt, tám tay: bánh xe, mũi tên, giáo, thí nguyện ấn (phải), hoa utpala, ; chén; móc vajra; quyển sách với ngón trở đe dọa. (trái)

Mantra: NAMO RATNATRAYAYA NAMA ARYA
JNANA SAGARAYA VAIROCHANA – VYUHA RAJAYA
TATHAGATAYA ARHATE SAMYAK SAMBUDDHAYA.
NAMA ARYA AVALOKITESVARAYA
BODDHISATTVAYA MAHASATTVAYA MAHA
KARUNIKAYA TADYATHA: OM TARE TUTTARE TURE
SVAHA.

Làm hình nộm bằng tro xác chết với nhựa trái đường, đưa vào tim (tên) với hai phụ âm chót, tụng:

OM MARAYA MARAYA KARAYA KARAYA
STAMBHAYA STAMBHAYA JAMBHAYA JAMBHAYA
HUM HUM HUM LAM LAM LAM LAM LAM.

Tụng và chôn ở ngã tư đường.

9. Me của gia đình Bảo Bô:

Bốn mặt, tám tay, mặt chánh xanh dương, thân xanh dương, mặt phải trắng, trái đỏ, mặt sau vàng; được chạm nổi với Ngũ Trí Phật trên đỉnh, ba mắt, tám tay: ngọc, mũi tên,

giáo, thí nguyện ấn (phải), hoa utpala, ; chén; móc vajra; quyển sách với ngón trở đe dọa. (trái)

Mantra: NAMO RATNATRAYAYA NAMA ARYA
JNANA SAGARAYA RATNASAMBHAVA – VYUHA
RAJAYA TATHAGATAYA ARHATE SAMYAK
SAMBUDDHAYA. NAMA ARYA
AVALOKITESVARAYA BODDHISATTVAYA
MAHASATTVAYA MAHA KARUNIKAYA TADYATHA:
OM TARE TARE TUTTARE TURE SVAHA.

Đặt rễ cây bu lô đã mục và sâu hay trùng làm từ trái tim
trộn với hai hạt giống trong một hộp hay chén bằng đất sét,
tụng:

OM AMUKA ABHIDANAM AKARSAYA AKARSAYA
AMUKI MAYERA SETRAM SAVANAM KATHAYA
HUM HRIH.

Tụng và dấu dưới giềng của người phụ nữ, cô ta sẽ hiểu
phẩm tính của hành giả và trở thành bất khả phân với hành
giả.

10. Mẹ của gia đình tác nghiệp (hành đông):

Bốn mặt, tám tay, mặt chánh màu xanh lục, mặt phải
trắng, mặt trái đỏ, mặt phía sau xanh lục; được chạm nổi với
Ngũ Trí Phật trên đỉnh, ba mắt, tám tay: kiếm, mũi tên, giáo,
thí nguyện ấn (phải), hoa utpala, ; chén; móc vajra; quyển
sách với ngón trở đe dọa. (trái)

Mantra: NAMO RATNATRAYAYA NAMA ARYA
JNANA SAGARAYA AMOGHASIDDHI – VYUHA
RAJAYA TATHAGATAYA ARHATE SAMYAK
SAMBUDDHAYA. NAMA ARYAVALOKITESVARAYA
BODHITSATTVAYA MAHASATTVAYA MAHA
KARUNIKAYA TADYATHA: OM TURE TUTTARE
SVAHA.

Tụ hội tất cả phụ nữ không ghen tức, làm mất, lưỡi và tim của chim cu đất hay bồ câu, ngưi hoàng, sulfit màu gan thành những viên tròn nhỏ, tụng:

CALA PRACALA SIGHRAM GAMI DEVADATTAM
UCCATAYA AMUKHAM VASANAM MUKTAM KURU
NAYANA MAHARI HADATE HRIH SVAHA.

Hành giả tụng và thoa, tất cả phụ nữ tụ hội bị hàng phục không còn ghen tức.

11. Cúng dường lửa:

Cho nghi thức tức tai đầu tiên, làm một căn nhà nhỏ có màu của mặt trăng ngày mùng 3, trình bày vajra trắng, làm nhiên liệu bằng gỗ đàn hương trắng và thắp lửa; đặt trước hình, tượng. Dâng cúng với mantra một ít gạo, mè trắng, tụng 21 lần: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA và ném chúng vào lửa. Dâng cúng với mantra một ít phô mai, sữa cùng với “Santim Kuru”, cúng dường gỗ, dầu bơ trắng, sữa (sap) cùng với “Sarva Papam”

Với những bông hoa trắng, châm lửa vào gỗ đàn hương trong nhà “lửa”. Đặt nó ở trước hình, tượng, dâng cúng với nước và mù tạt trắng và niệm mantra: TADYATHA: OM SARVA TATHAGATA TARE TUTTARE TURE SVAHA + SARVA PAPAM SANTIM KURU SVAHA.

Cúng dường 108 vốc tay nước.

Nghi thức này dẹp yên những bệnh tật, tội lỗi, ma quỷ gây bệnh, giúp phục hồi cuộc sống trước.

Hành giả thoa thuốc mỡ làm bằng 5 sản phẩm của bò, và trong căn nhà lửa; căn nhà dơ bẩn, hành giả vẽ một hình sấp và đốt với mantra: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA, hành giả sẽ hàng phục được bất kỳ sự sợ hãi diệt nào.

12. Những vòng tròn:

• Trong một vòng tròn chia làm chín, viết chữ OM và HA cùng với tên của người nào đó ở giữa, kiết giới (sự bảo vệ) là RAKSA RAKSA, ở vùng biên viết: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA. Có thể chèn vào giữa chữ SVAHA được viết trên vỏ cây bu lô trắng bằng màu vàng nghệ, buộc trên cánh tay để có sự bảo vệ tốt nhất.

• Trong một vòng tròn chia làm chín, viết chữ OM và HA cùng với tên của người nào đó ở giữa, kiết giới (sự bảo vệ) là RAKSA RAKSA, ở vùng biên viết: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA. Trên tất cả giữa MU và MU là chủng tự. Vẽ bằng mực đỏ trên vỏ cây bu lô và buộc ngang rốn, đây là sự bảo vệ và hàng phục tốt nhất.

• Làm một bánh xe có 8 nan hoa viết tám chữ: OM TARE TUTTARE TURE SVAHA. Viết bằng màu vàng nghệ trên vỏ cây bu lô với tên chót của SVAHA và RAKSA RAKSA ở giữa, buộc trên cánh tay hay cổ sẽ là sự bảo vệ tốt nhất.

• Vòng bảo vệ xóa tan chướng ngại: là ba vành xung quanh, vòng ngoài chia làm 8 phần. Ở giữa là SVAHA, phần chót của tên là RAKSA RAKSA. Ở bên trong đặt 8 chữ U, ở bên ngoài đặt U Om U, U Ta U, U Re U..... U Re U. nếu vẽ bằng màu vàng nghệ trên vỏ cây bu lô hay vỏ cây khác và buộc quanh trán hay gần nách sẽ thoát khỏi mọi thương tổn. Mantra tụng càng nhiều khi có thể.

• Vòng thành tựu mọi hoạt động: viết trên vỏ cây bu lô hay vải bằng nước của gỗ đàn hương trắng, trên vòng tròn chia làm 9 phần đặt mantra: ở vòng ngoài viết AA, II, UU, AI, OAU, RR, LL, AM, AH – ở vòng trong là TARE TUTTARE TURE SVAHA, và giữa OM và HA trong vòng ở trên là RAKSA SANTIM KURU SVAHA, đảo ngược mantra ở vòng dưới. Những nguyên âm bên ngoài cũng được

hiểu như đảo ngược. Ở giữa viết RAKSA SANTIM KURU giữa OM và HA.

- Đặt một hộp bùa hộ mạng trong một hộp bằng đất sét có nắp, màu trắng, nung trong lửa. Trong nó vẽ một vòng chia làm 9 phần. Đặt mantra OM TARE TUTTARE TURE, trong 8 ô viết RU RU OM RU RU, RU RU TA RU RU, RU RU RE RU RU. Ở giữa viết KURU SATIM KURU SVAHA. Đóng hộp lại và đặt trong hộp một sợi chỉ trắng ở giữa trên một mandala. Sau đó nếu hành giả cúng dường với năm loại, với hoa trắng, ba lần, sẽ được tức tai.

- Đặt một hộp bùa hộ mạng trong một hộp bằng đất sét có nắp, và được làm bằng mực của gỗ đàn hương trắng, vẽ một vòng tròn có 9 phần chia làm phần bên trong và bên ngoài. Viết mantra SVA SANTIM KURU HA ở giữa. Trong vòng ngoài viết A OM A, A TA A, A RE A, A TU A, A TA A, A RE A. nếu hành giả cột hộp bằng một vòng hoa và đặt trên mandala, cúng dường bốn lần trong bảy ngày, hành giả sẽ thành tựu nghi thức đại tức tai.

- Để thực hành nghi thức tăng ích, vẽ trên vỏ cây bu lô với màu nghệ hay màu vàng của mật một vòng tròn chia làm 9 phần trong và ngoài. Ở giữa đặt SARVA PUSTIM KURU OM A, trong 8 phần bên trong viết 8 chữ OM, trong 8 phần bên ngoài viết OM OM OM, OM TA OM, OM RE OM. Sau đó nhét trong một hộp bùa hộ mạng bằng đất sét, cúng dường với hoa màu vàng, năm loại cúng dường, một ngày làm bốn lần trong bảy ngày sau ngày rằm. Hành giả sẽ tăng tuổi thọ và công đức.

- Vòng tròn hàng phục ma quỷ: vẽ vòng tròn với nước nghệ trên đá hay nhựa. Cũng chia làm 9 phần trong và ngoài. Ở giữa viết mantra WA SVA STAMBHAYA HA, ở vòng trong viết 8 chữ WA, trong vòng ngoài viết WA OM WA, WA TA

WA,..... WA RE WA. Che dấu vòng tròn hành giả sẽ thành tựu hàng phục.

13. Lời nguyện, giới luật trước bốn tôn Tara và Mandala:

Không sát sanh hại vật – không lấy của không cho – không lạm dụng phụ nữ – không nói dối – không say sưa.

Đối với tất cả phụ nữ không phân biệt, không dính mắc, giúp đỡ và thương mến họ như người mẹ. Nơi đâu có người giữ giới nguyện trong sạch, nơi đó có năng lực của Tara.

PHỤ CHÚ

21 Hóa Thân Tara Theo Kinh Điển Tây Tạng

1. Tara xanh lá cây: thân xanh lục, một đầu, hai tay (trái cầm hoa sen, phải ấn thí nguyện).

Mantra: NAMA SARVA TATHAGATANAM
TADYATHA: OM NAMO SUKASA NAMA TARE
PARAMITA.

OM JETSUNMA PAKMA DROLMALA CHAKTSALO.

(OM NAMO ĐẮNG TARA TÔN QUÝ)

OM TARE TUTTARE TURE SVAHA.

2. Tara anh hùng và nhanh chóng (Pravira Tara): ngồi kiết già, thân đỏ, một mặt, hai mắt, tám tay (hai tay trên đỉnh đầu cầm chuông chày, hai tay phải trái mũi tên và cung, hai tay phải trái bánh xe pháp, vỏ ốc, hai tay phải trái sau cùng gươm và dây buộc yên) cầu xin năng lực bảo vệ.

3. Tara trắng trắng thu (Chandra Kanti Tara): đứng hai chân thẳng, ba mặt, 12 tay (hai tay kết ấn thiền định, hai tay phải trái Khatvanga; bình, hai tay phải trái bánh xe pháp; hoa sen Utpala xanh dương, hai tay phải trái bảo châu và chuông, hai tay phải trái chày và bình báu, hai tay phải trái tràng hoa và quyển kinh) cầu để chữa bệnh truyền nhiễm.

4. Tara vàng ròng (Kanaka-varna Tara): ngồi xếp bằng, một mặt 10 tay (hai tay phải trái cầm chuỗi và khăn quàng, hai tay phải trái cầm kiếm và sợi dây, hai tay phải trái cầm mũi tên và hoa sen, hai tay phải trái cầm chày và chuông, hai tay phải trái cầm chĩa ba và cung) cầu để kéo dài thọ mạng.

5. Tara Phât Đảnh Chiến Thắng (Usnisa -Vijaya Tara):

Thân vàng ngồi kiết già, một mặt bốn tay hàng phục bốn ma (hai tay phải trái ban ấn thí nguyện và bình nước thơm, hai tay phải trái cầm râu chuối và tượng) cầu xin năng lực giải độc.

6. Tara phát âm HUM (Hum svara nadini Tara): ngồi kiết già, thân vàng ròng, một mặt hai tay (ban pháp quy y và hoa sen vàng) cầu xin để hàng phục ngay cả quan quân, vua chúa.

7. Tara hàng phục tam giới (Trailokya-vijaya Tara): ngồi kiết già, thân đỏ, một mặt, bốn tay (hai tay phải trái cầm chày và ấn đe dọa, hai tay phải trái cầm kiếm và dây trói) cầu xin để thanh tịnh chướng nghiệp.

8. Tara giải trừ chú thuật ếm đối (Vadi pramardaka Tara): đứng chân phải cong, chân trái duỗi thẳng, thân đen, mặt phần nộ với một mặt bốn tay (hai tay phải trái cầm bánh xe pháp và sợi dây, hai tay phải trái gươm và ấn đe dọa) tóc dựng đứng, tay chân đeo vòng và rắn. Cầu xin để chuyển thức về cõi Trời Sắc Cứu Cánh.

9. Tara hàng phục ma vương và ban thần lực (Mara sudana vasitottamala Tara): Ngồi kiết già, thân vàng, một mặt bốn tay (hai tay phải trái cầm nhánh cây Asoka và hoa sen, hai tay phải trái cầm bảo châu thí nguyện và bình nước ban thần lực) cầu xin để đạt giải thoát.

10. Tara của rừng hương thơm (Khadiravani Tara): đây là thân chánh của Lục Tara, hai tay cầm sen xanh, Ngài có thể đổi màu và thay thế vai trò 9 Tara trong 21 Tara. Đồng hành có Nữ Thần Marici và Ejakati (chân trái co, chân phải duỗi, có hoa sen).

11. Tara thí nguyện (Varada Tara): ngồi kiết già, thân đỏ; một mặt bốn tay (hai tay phải trái cầm chày và chuông, hai tay phải trái là ấn múa và nhánh cây Asoka) cầu xin để sở

đắc mọi hành động thiện sự, đặc biệt ở đây trên đầu Ngài là đầu ngựa.

12. Tara đuổi mọi đau buồn (Soka vinidana Tara): ngồi, thân đỏ, chân trái co, chân phải duỗi, một mặt bốn tay (hai tay phải trái chấp lại trên đầu, hai tay phải trái cầm gương và nhánh cây Asoka) cầu xin dẫn vào mandala pháp giới.

13. Tara xua đuổi mọi rủi ro (Jagad vasi vipan nirbarhana Tara): hai chân đứng, chân phải duỗi, đen sậm, một mặt hai tay (hai tay phải trái cầm lưỡi câu kêu gọi 8 hành tinh và cây gậy móc huyền bí) cầu xin hạnh phúc, may mắn.

14. Tara ban thịnh vượng (Kalyanada Tara): ngồi kiết già, màu vàng, một mặt tám tay (hai tay phải trái cầm chày và bảo châu ngay ngực, hai tay phải trái cầm hai lưỡi câu móc, hai tay phải trái cầm chĩa ba và gậy, hai tay phải trái cầm kiếm và bình chứa tiền) dùng pháp này để hộ ma.

15. Tara phần nô (Paripachaka Tara): đứng trên bông sen đỏ, chân phải duỗi chân trái co, thân đỏ, một mặt bốn tay (hai tay phải trái cầm gương và bánh xe, hai tay phải trái cầm tên và cung) dùng để xua đuổi chướng ngại bên trong và ngoài.

16. Tara trán nhăn phần nô (Bhrkuti Tara): thân đen, đứng trên xác chết, chân phải duỗi thẳng, chân trái co lại, ba mặt giận dữ; ba mắt phần nô, mặt chánh đen, phải trắng, trái đỏ, mặc da cạp bao chung quanh 8 con rắn, đeo đầu người, sáu tay (hai tay phải trái cầm kiếm và chén sọ người, hai tay phải trái cầm móc câu và dây, hai tay phải trái cầm cây gậy nhỏ và thiên đánh). Dùng để làm vòng bảo vệ.

17. Tara đại an lạc (Maha santi Tara): ngồi kiết già, thân màu trắng bông lài, một mặt sáu tay (hai tay phải trái cầm chuỗi nơi ngực và bông sen, hai tay phải trái kết ấn thí

nguyện và bình, hai tay phải trái cầm trượng nhỏ và quyển sách trên bông Utpala nở rộng) công dụng tẩy sạch thân tâm hành giả.

18. Tara diệt trừ tâm dính mắc (Raga-nisudana Tara): ngôi kiết già, thân màu đỏ san hô, ba mắt hai tay (chĩa ba nơi ngực, cây có trái với ấn đe dọa) công dụng làm tăng tâm lực.
Mantra:

OM TARE TUTTARE TURE SAVHA

(Phần nộ: OM NAMAS TARE NAMO HARE HUM HARE SVAHA)

19. Tara thành tựu mọi công đức (Sukha sadhana Tara): ngôi xếp bằng, thân màu vàng cam, một mặt hai tay (hai tay cầm đĩa mặt trăng nơi ngực) cầu để bắt cọt ăn trộm.

20. Tara chiến thắng (Vijaya Tara): thân màu trắng ngôi xếp bằng trên con ngỗng hai cánh dang, một mặt bốn tay (hai tay phải trái cầm hai móc câu trên đầu, hai tay phải trái ban ấn thí nguyện và quyển sách trên bông sen xanh) công dụng chữa bệnh cùi (bệnh Long Vương).

Mantra: OM TARE TUTTARE TURE PHAT.

21. Tara thu nhân khổ đau (Dukha dahana Tara): thân trắng như bông lài, chân phải co chân trái duỗi, một mặt hai tay cầm miếng đồng hình tam giác, thu nhận mọi khổ đau của chúng sanh, cầu nguyện để thoát khỏi lao tù.

22. Tara suối nguồn thành tựu (Siddhi sambhava Tara): thân vàng, ngôi xếp bằng, một mặt hai tay ôm bình vàng nơi ngực chế ngự bệnh tật và ban mọi sự thành tựu, cầu nguyện để luyện phép tàng hình.

23. Tara bậc toàn thiên (Paripurana Tara): thân trắng, ba mắt, hai tay (cầm chuỗi ngọc trai và chĩa ba) đắp da cạp, chân trái co; chân phải duỗi. Cầu nguyện để bay lên cõi Trời Sắc Cứu Cánh (Akanistha) ngay hiện kiếp.

Mantra phần nô: HUM TRAT PHAT OM TARE
TUTTARE TURE PHAT OM AH HUM.

Một trong những Mantra được sử dụng rộng rãi nhất là Mantra 100 âm của Vajrasattva, hành giả tụng niệm trong thực hành chuẩn bị về sự thiền định một mình, hay trong tiến trình hành lễ (hoặc ngay lúc bắt đầu hoặc trước khi bắt đầu cầu nguyện Bốn Tôn) để tịnh hóa tất cả những tội chướng quá khứ của hành giả :

OM VAJRASATTVA SAMAYAM ANUPALAYA
VAJRASATTVA TVENOPATISTHA DRDHO ME
BHAVA SUTOKHAYO ME BHAVA SUPOKHAYO ME
BHAVA ANURAKTO ME BHAVA SARVA SIDDHIM
ME PRAYACCHA SARVA-KARMA-SUCA ME CITTAM
SHRIYAM KURU HUM ! HA HA HA HA HOH !
BHAGAVAN SARVA-TATHAGATA-VAJRA MA ME
MUNCA VAJRI-BHAVA MAHA SAMAYASATTVA AH !

“Om Vajrasattva, bảo hộ nguyện của con! Vajrasattva hãy làm những nguyện của con được kiên cố, được vững chắc, được nuôi dưỡng, được thỏa mãn! Ban cho con tất cả những thành tựu kỳ diệu! Người chỉ dẫn của tất cả các nghiệp : Hãy làm cho tâm con được vẻ vang HUM ! HA HA HA HA HOH ! Đấng ban Phúc Lạc, Kim Cang của tất cả chư Phật: đừng bỏ con, hãy làm cho con thành Kim Cang! Hãy làm cho nguyện của con được vĩ đại AH !”

Nói chung, sự phiên dịch những câu mantra lệnh trong những nghi thức Tây Tạng hoàn toàn có đủ khả năng để chỉ

ra chúng được dùng như thế nào, mặc dù những công thức rập khuôn trong âm tiếng Phạn thì hiệu quả hơn về mặt tâm lý. Dĩ nhiên, đôi khi, những câu lệnh không hoàn toàn rõ ràng về bề ngoài như trong Mantra sau:

OM NAMO BHAGAVATE PUSPA-KETU RAJAYA
TATHAGATAYA ARHATE SAMYAKSAMBUDHAYA
TADYATHA PUSPE PUSPE MAHAPUSPE
PUSPODBHAVE PUSPA-SAMBHAVE PUSPAVAKIRNE
SVAHA !

“OM Đấng Ban Phúc Lạc Tôn Kính, Vua của Cờ Phướng Hoa Mỹ, Như Lai, Đấng Ứng Cúng, Toàn Giác! Đó là: Những bông hoa, hoa, những bông hoa to lớn! Sự tăng trưởng của những Bông Hoa, sinh ra những hoa, rắc những bông hoa SVAHA!”

Bằng năng lực của Mantra này, đoạn văn bảo chúng ta: “có thể nhiều hoa như thế, sự cúng dường của chúng ta nhiều lên mười triệu lần” câu lệnh mặc nhiên này tạo một sự rõ ràng dứt khoát.

Nhưng ngay cả những phần không thể phiên dịch của những Mantra – cái mà ở đây gọi là *những phần tử* Mantra – tràn đầy những vị trí trình tự rõ ràng và vì vậy chức năng hình vị trong việc phát âm: OM AH HUM kỳ diệu đại diện thân, khẩu, ý và được sử dụng để làm cho những đối tượng và bổn tôn có năng lực; PHAT được dùng như một yếu tố của năng lực của Mantra; TRI được dùng để biểu thị hay chứng tỏ điều gì phi vật chất thành một đối tượng vật chất như một hình vẽ hay torma; JAH được dùng để mời đến, và MUH được dùng để phụng tống.

Một số những *phần tử* Mantra này phục vụ như những chủng tử cho sự phát sanh thiền định của một đối tượng hay bốn tôn : BHRUM là chủng tử quán tưởng trong sự tạo thành cung điện hay bất kỳ nơi an trú nào của bốn tôn; bốn bán âm LAM VAM YAM RAM là những chủng tử của đất, nước, gió, lửa; OM HUM TRAM HRIH AH tiêu biểu năm gia đình Phật. Đôi khi nguồn gốc của những chủng tử này tương đối rõ ràng: PAM là chủng tử như sự quán tưởng chuyển hóa thành một hoa sen (một Padma), cũng như TAM là chủng tử của Tara hay GAM của Ganapati.

Một phạm trù chức năng xa hơn của Mantra phải được phân biệt từ cả hai câu lệnh và phần tử: có những học thuyết rập khuôn hay những *thể thức* khác (ngay cả những lời tán của bài tán thán, hay bảng chữ cái Phạn ngữ) được dùng cho những mục đích đặc biệt trong nghi lễ và đôi lúc hoàn toàn tách ra từ nghĩa của nó. Kể cả Mantra căn bản của Tara, bài tán thán của Ngài dùng cho sự bảo vệ, những nguyên âm và phụ âm được tụng niệm cho sự Quán Đảnh Ngữ. Do đó, ví dụ bài kệ nổi tiếng được gọi là “duyên sanh” đọc như sau:

YE DHARMA HETU-PRABHAVA HETUN TESAM
TATHAGATO AHA / TESAM / CA YO NIRODHO EVAN
VADI MAHASRAMANAH /

Vạn Pháp đều sanh ra từ nhân duyên

Như Lai đã nói nguyên do của sự phát sanh đó;

Và bậc Đại-khổ hạnh cũng vậy:

Rằng sự hoại diệt các duyên khi các Pháp hoại diệt

Công thức này được dùng như một Mantra, cho sự thánh hóa, tạo sự phát sanh bốn tôn vững chắc với một đối tượng,

hay ấn định một hành động nghi lễ. Tương tự, Mantra bất thường sau đây được dùng trong cúng dường torma:

OM A-KARO MUKHAM SARVA –DHARMANAM
ADY-ANUPANNATVATI !

“OM .âm A là đầu tiên, vì sự bất sinh nguyên thủy của tất cả hiện tượng!”

CÚNG DƯỜNG LỬA

Hành giả sử dụng chuông; chày, tay trái cầm chuông, tay phải cầm chày. Ngón trỏ tay phải cầm chày duỗi thẳng chấm vào các món cúng dường lửa mỗi thứ ba biến để tẩy tịnh: OM SVAHA.

Chỉ vào củi, tụng:

OM AH SVAHA (ba lần)

Chấm vào bơ, tụng:

OM SHRIM SVAHA (ba lần)

Chấm vào ngũ cốc, tụng:

OM JRIM SVAHA (ba lần)

Những thứ khác:

OM KURU KURU SVAHA.

Tụng OM AH HUM (ba lần) đốt lửa



HOẢ THIÊN

Dùng nước sái tịnh rải nhẹ vào lửa tụng: OM ARIMITA
HUM PHAT (ba lần)

OM VAJRA JVALA JVALA HUM (ba lần)

OM SVABHAVA SUDHA SARVA DHARMA
SVABHAVA SUDDHO HAM (ba lần)

Quán chữ HUM trong lửa màu xanh dương đọc ba lần:
HUM, HUM, HUM.

Sau đó, chữ RAM chủng tự của lửa hiện ra. Chữ RAM biến thành Hoả Thiên, thân trắng, tay phải cầm chuỗi, tay trái cầm trượng, trên đỉnh đầu an trụ Phật Tỳ Lô, ngồi trên con Dê màu vàng, tư thế xếp chân, tóc búi.

TÁN THÁN:

Xin đánh lễ Hoả Thiên

Ngài là Phạm Thiên của cõi trời

Xin Ngài hãy tới và nhận phần cúng dường

Tụng:

OM AGNAYE MA HA TEJAH SARVA KARMA
PRASADHAKA MA HA BHUTA DEVA RSI DVIJA
SATVAM GRHITVA ÀHUTIM AHARA ASMIN
SANNIHITO BHAVA.

Để tránh sự can dự của quỷ thần khi thỉnh Hỏa Thiên tụng:

OM AMRTA HUM PHAT (ba lần)

OM JAH HUM BAM HOH (ba lần) để thể nhập.

Hành giả sắp 8 bó cỏ KUSA chung quanh đàn tràng theo 8 hướng để trừ chướng ngại tụng: OM VAJRA SATTVA AH HUM. (ba lần)

Hành giả rót nước từ bình lớn sang bình nhỏ rải bằng cỏ Kusa vào lửa, tụng:

OM AH HRIH PRAVARA SATKARATHAM
ARGHAM PRATICCHA HUM SVAHA.

Tiếp theo là cúng bông:

OM VAJRA PUSPE AH HUM (ba lần)

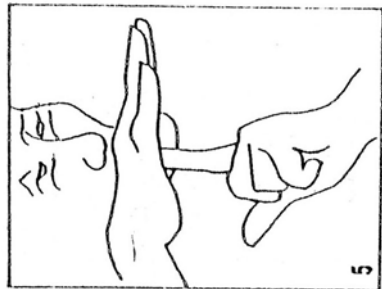
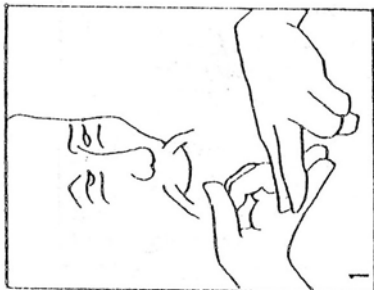
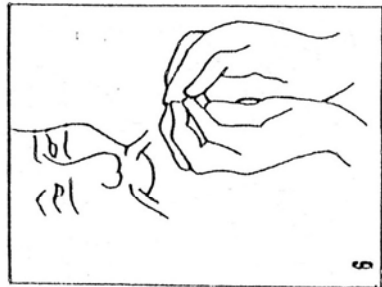
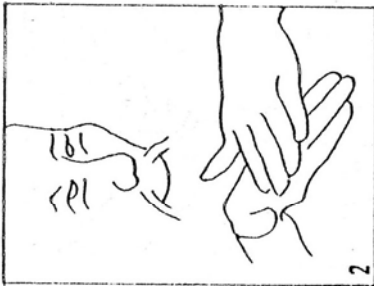
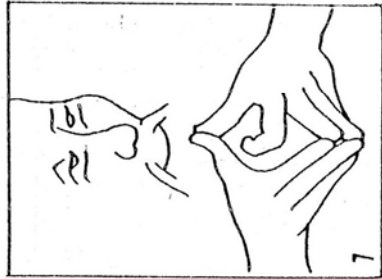
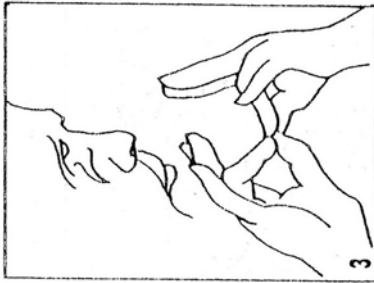
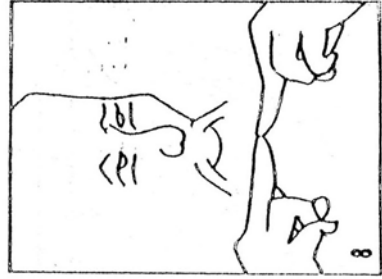
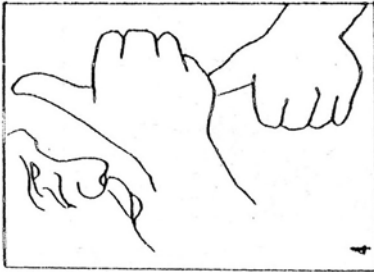
Tiếp theo:

+ OM VAJRA DHUPE AH HUM (ba lần)

+ OM VAJRA GANDHE AH HUM (ba lần)

+ OM VAJRA NAIVIDHE AH HUM (ba lần)

+ OM VAJRA SABDA AH HUM (ba lần)



Sau khi cúng dường xin Hoả Thiên gia hộ tẩy trừ các chướng ngại và các tội lỗi được trong sạch:

OM VAJRA ANALA MAHA BHUTA JVALA JVALA
SARVA BHASMI KURU SARVA DUSTAN HUM PHAT
DRSYA JAH HUM BAM HO SAMAYAS TVAM
SAMAYA HO (ba lần)

Rót bơ vào lửa.(bảy lần)

Nguyện: Các chướng ngại, tội lỗi, tật bệnh và sự chết được hoá giải.

OM AGNAYE ADIVYA ADIVYA AVISA AVISA
MAHA SRIYE HAVYA KAVTA VAHNAYA.

SANTIM KURU SVAHA.

OM AGNAYE SVAHA.

Từ trong tim của Hoả Thiên, hiện chữ BHRUM biến thành quả cầu pha lê là cung điện Bốn Tôn Tara màu vàng trong suốt, tụng:

OM VAJRA SAMAJA (ba lần)

Lễ bái ba lạy.

Bốn ấn thể nhập.

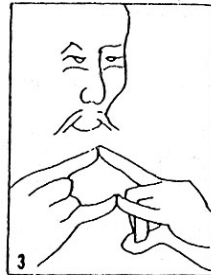
JAH HUM BAM HOH. TITRALEN ATIPUHO
PRATICCHA HOH (ba lần)



JAH I I



HUM I



BAM I



HO I I

Bây giờ Hoả Thiên biến thành Tối Thượng Tôn. Hành giả
sái tịnh vào lửa bằng nước với bài:

OM AH HRIH PRAVARA SATKARATHAM,
ARGHAM PRATICCHA HUM SVAHA.

Tiếp theo bông:

OM VAJRA PUSPE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA DHUPE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA GANDHE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA NAIVIDHE AH HUM (ba lần)

OM VAJRA SABDA AH HUM (ba lần)

Ngoài ra có thể cúng gạo để thành tựu sự thịnh vượng:

OM VAJRA PUSTAYA SVAHA (ba lần)

Bột mì (sự thành công):

OM VAJRA SAMDADE SVAHA (ba lần)

Cỏ Kusa (tẩy trừ chướng ngại):

OM APRATIATHA VAJRA YA SVAHA (ba lần)

Lúa mạch (thành tựu chủng tự Bốn Tôn):

OM VAJRA BIJAYE SVAHA (ba lần)

Hột cải (thành tựu Tất Địa):

OM SARVA ARTHA SIDDHAYA SVAHA (ba lần)

Hành giả tụng Kim Cương Tát Đỏa ba lần để phát khởi
và sám hối sơ suất, tụng:

OM VAJRA MUH (ba lần)

Tụng:

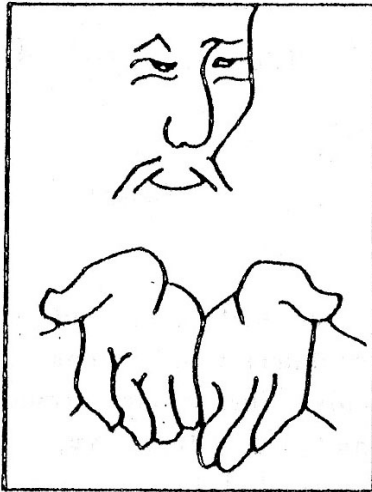
OM TARE TUTARE TURE SVAHA VAJRA
SAMAYA STVAM

Mandala của Bốn Tôn tan biến vào Hoả Thiên.

Có thể cúng dường Hoả Thiên lại một lần nữa theo như
nghĩ thức trên và có thể cúng thêm bánh Torma. Tụng: OM
AKARO MUKHAM SARVA DHARMANAM ADYANUT
PANNA TVATA OM AH HUM PHAT SVAHA (ba lần)

Phát khởi:

OM VAJRA MUH.



Tụng 100 biến vào nước thơm hoặc sữa:
OM RURU SPHURU JVALA TISTHA SIDDHA
LOCHANI SARVA ARTHA SADHANI SVAHA.
Xong rải vào lửa cho tắt để tiêu trừ chướng ngại.

